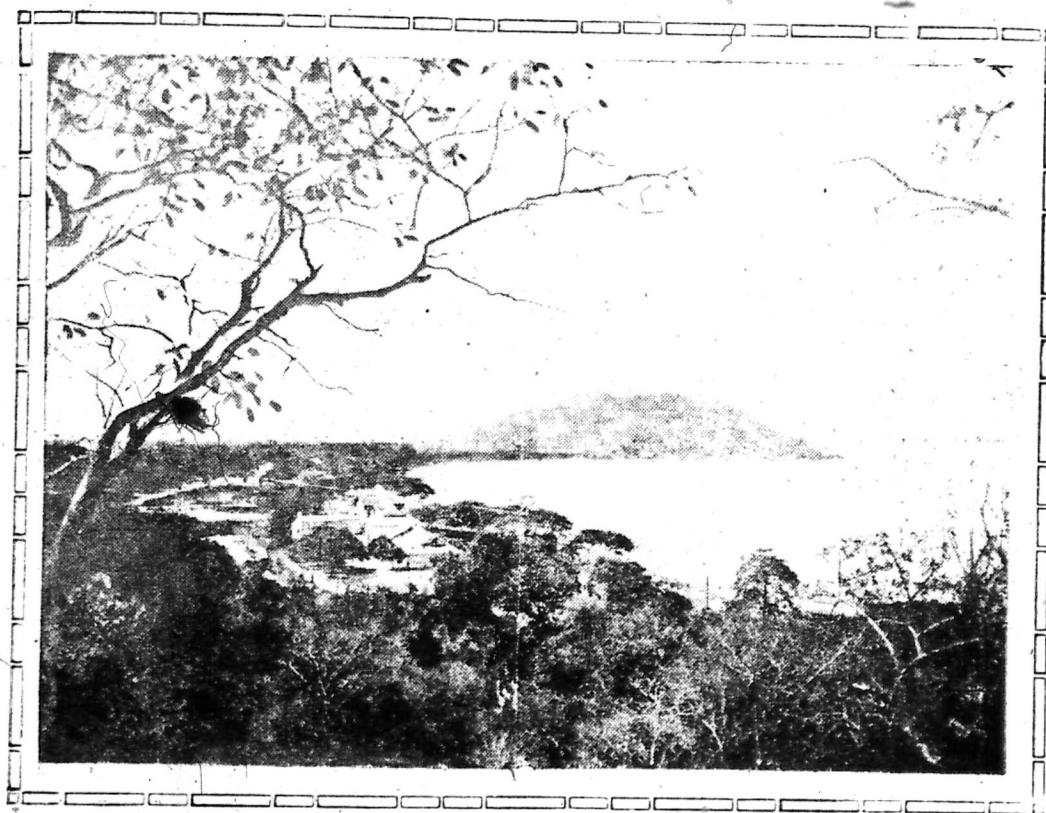


SƠ KỶ NIỆM
NHI CHÂU-NIÊN

Duốc

nhanh

A. 27



PHONG CÁNH VŨNG-TÀU

XUẤT BẢN NGÀY 16 AVRIL 1952

GIÁ: 0\$25

HÀNG

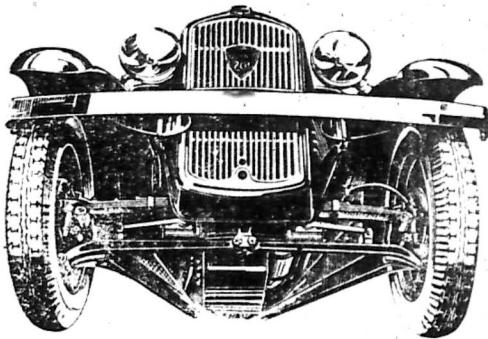
JEAN COMTE

LÀM ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN CHO XE HƠI



Xe 201
PEUGEOT
như là vàng
ngọc, bao lại
được giá cao
luôn luôn.

Peugeot

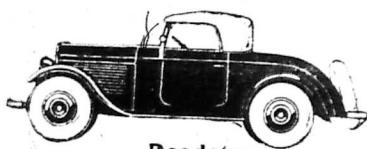


Đi đường
vững vàng
Tay bánh
chắc chắn
Xe ngồi êm ái
không sánh
được.

Xe hơi «PEUGEOT» chở ra tại hàng lớn nhứt và lâu đời nhứt toàn cầu. Những nhà kinh-sát các nước cho nó là một bộ máy vô cùng cơ xảo.

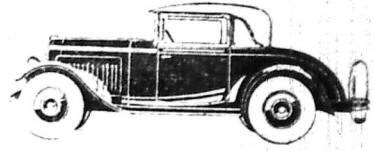
Bộ máy có 4 cylindres mà nhỏ lầm, công chế tạo, nên thành ra tới 24 mã-lực mà chạy êm ru như xe 6 may (6 cylindres). Sự tổn phí cũng ít; 8 lit săng chạy được 100 cây số, 1 lit nhớt chạy được 1,000 cây số. Xe nặng 900 kilos mà sức nặng lại gồm vào giữa giữa xe, nên chỉ vỏ ruột chẳng hề mòn.

Xe «201 PEUGEOT» mũi kiến, 4 chỗ ngồi, 4 cánh cửa, chạy 90 ngàn thước mỗi giờ như chơi và leo giật hay lửng.

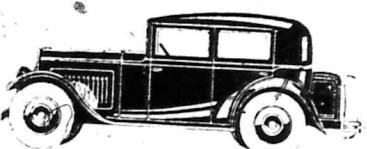


Roadster

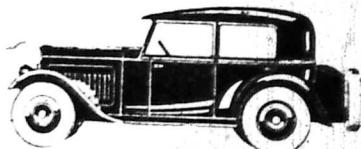
Xe «201 PEUGEOT» là thứ xe đẹp nhứt, bán ra có đê dỗ phụ tùng như một cái xe đặc giá. Đây là một thứ xe tốt bực kiêm-thời, mua khỏi lầm, muốn bán lại cũng khỏi lỗ.



Cabriolet



Conduite Intérieure



Torpédo luxe

ĐƯỢC NHÀ NAM

SỐ KỶ-NIỆM NHÌ CHÂU-NIÊN

16 Avril 1930 – 16 Avril 1932

CHỦ-NHIỆM NGUYỄN-PHAN-LONG, QUẢN-LÝ NGUYỄN-VĂN-SÀM,
BÁO-QUÁN SỐ 72 ĐƯỜNG LAGRANDIÈRE SAIGON. TÒA SOẠN VÀ
NHÀ-IN SỐ 7, ĐƯỜNG REIMS. GIÁ BÁO MỘT NĂM 15\$, NỮA NĂM 8\$,
BA THÁNG 4 \$ 50, MỘT THÁNG 1\$50, MUA BÁO, XIN TRẢ TIỀN TRƯỚC.

NGÓ SAU BU'Ó'C TÓ'I

Tục-bản từ 16 Avril 1930, đến ngày bữa nay, ĐƯỢC-NHÀ-NAM đã đầy hai tuổi. Nếu có thể ví một năm của tờ báo như một chặng đường của khách lữ-hành, thì trên con đường ngôn-luận nước nhà, bồn-báo đi được hai chặng rồi vậy.

Ấy cũng là nhờ được phần đông quốc-dân độc-giả đã đem lòng tán-thành chiểu-cõi một cách sôt sắng nồng nàn, cho nên cái eo-quan này, tuy gấp nhiều bước khó khăn chật hẹp, mà nó đứng vững với cảnh-ngộ, trải được hai xuân-thu ; tuy phạm-vi truyền bá-không được khắp cả năm xứ ba kỳ, mà nó cũng có cái địa-vị vê vang trong báo-giới.

Với tất cả chư-vị độc-giả đã có lòng tri-ngộ bấy lâu, bồn-báo xin cảm ơn chung một lời : Thâm tạ !

Ra đời giữa lúc quốc-gia lâm việc, kinh-tế gặp nguy, bồn-báo nghĩ lại ngó lui, tự hỏi lương-tâm và cả việc của mình, thật đã tùy theo sức riêng và việc cần, mà làm trọn cái chức-trách lập ngón với đồng-bào xã-hội. Bao giờ bồn-báo cũng chỉ ngó một mục-dịch cao xa, giữ một tấm-lòng vàng đá, nên chỉ trong hai năm dong ruỗi đường dài, bồn-báo đã lướt khôi bước trên cả những khúc chông gai, tiếng nặng nhẹ.

Nay chỉ có việc vững lòng ra sức đi tới.

Việc nước còn nhiều nỗi khó khăn, cảnh dân hiện đang còn nguy khốn, nếu nhà chánh-trị có cái công-việc cứu vớt sửa sang, thì nhà ngôn-luận cũng có cái công-việc kêu gào bày tỏ ; cái công-việc chung của nhà ngôn-luận đó, bồn-báo xin gánh-vác một phần, đầu nòng nhẹ cũng không từ, khó khăn cũng phải gánh. Có vậy bồn-báo mới làm tròn phận-sự mình, mà không phụ lòng tin cậy mến yêu của quốc-dân độc-giả vậy.

ĐƯỢC-NHÀ-NAM

LOÀI NGƯỜI PHẢI THẤT VỌNG

Ở NƠI KHOA - HỌC CHẲNG ?

Trong hồi 50 năm sau về thế-kỷ thứ 19, khi mới có mấy cuộc phát-minh khoa-học lớn lao ra đời, thì người bên châu Âu lấy làm nô-nức vui mừng lắm. Lúc bấy giờ, ai cũng tưởng rằng khoa-học sắp đem hạnh-phước lại dâng cho nhơn-loại, làm cho đời người ta được sung sướng thành-thơi, và giải-thoát người ta được khỏi vòng khổ-cực, không cần gì phải đem sicc minh ra làm những công-việc vất vã nặng nhọc quá như trước nữa.

Những người ra mắt tiên-tri, tán-tung thời-đai mới mẻ, nói rằng sắp tới cái ngày nhờ có co-khi, mà người ta chỉ phải bỏ ra chút ít ngày giờ để làm công-việc mà thôi, còn lúc rảnh rang thì người ta dùng để lo việc bồi bổ tinh-thần tri-thức cho mình, để hưởng những cái khoái-lạc thanh-khiết của các nền mỹ-thiệt ban cho. Ngày đó, người đời sẽ sanh - hoạt một cách tự - do, yên - ôn và sung sướng ở trong một cõi Thiên-dâng nhờ có khoa-học mà mình lại tìm thấy, chứ không phải nhờ có sự can thiệp của một cái sicc Huyền-vi nào như người ta tưởng-tượng bấy lâu.

Nhà đại-văn-học nước Pháp là ông Ernest Renan đã từng viết ra một cuốn sách, tựa là Tương-lai của Khoa-học (*L'Avenir de la Science*), chỉ tán-tung về cuộc đời qui-hóa mới mẻ đó. Cuốn sách của ông được thiên-hạ hoan-nghinh lắm, bởi vì ai ai cũng tưởng như tác-giả. Trước kia, nhà đại-văn-học nước Pháp này vốn là một ông thầy tu, về sau tuy ông vẫn tin có Thượng-đế như thường, nhưng mà ông bỏ đạo Thiên-chúa, không tin theo nữa. Rồi ông tin theo đạo mới, tức là tin theo khoa-học một cách sốt sắng hăng hái như là một người mới được nhập giáo kia vậy.

Nhưng đến cuối thế-kỷ thứ 19 và bước qua đầu thế-kỷ 20 thì đã thấy người đời bắt đầu hoài-nghi thất-vợt về khoa-học. Bấy giờ người ta lại thấy

rằng sự hạnh-phước mà nhơn-loại tìm kiếm trong mong bao nhiêu lâu nay, tưởng là khoa-học đem nó tới cho mình, té ra nó vẫn cao xa vời-vợi như hồi nào, mình vẫn không tới nó dâng, và lại khoa-học cũng không đủ sicc khôi-phục cho cõi đời này có cái cảnh sung sướng yên vui như đời thường-cũ; cái cảnh ấy, những người theo đạo Thiên-chúa vẫn giữ cái dấu-tích phục-cũ, từ khi cõi Thiên-dâng ở trong trần-gian này đã tiêu mất đi.

Có nhiều bức triết-nhơn bác-học tỏ ý hồ nghi về công-đức của khoa-học ở trong xã-hội. Một nhà văn-học cũng có tiếng tăm gần như ông Renan, là ông Ferdinand Brunetière, đã đường-dột tuyên-bố ngay rằng « phải thất-vọng ở nơi khoa-học »; nếu như hai chục năm trước mà nói như vậy, thì đã bị người ta cho là xúc-phạm tới nên dạo mới rồi.

Những người bình-vịc cho khoa học thấy vây thì nói rằng ông Brunetière là một nhà văn-học về phái thủ-cựu, ông chế khoa-học nọ kia, chẳng qua là muốn hạ khoa-học xuống để nâng cao đạo Thiên-chúa lên đó thôi. Song ta có ngày nay có một nhà chính-trị trọng-yếu ở phe tả, đã từng làm Tổng-trưởng và có tiếng là người vào hàng thông-minh tài-trí nhất đời nay, ấy là ông Joseph Caillaux, cũng lở bát một ý kiến như ông Brunetière, có đều thuộc về phuơng-diện khác.

Nhơn muôn tìm kiếm những cái nguyên-nhơn vì sao mà ngày nay cả thế-giới đều chung chịu cái nạn khủng-hoảng về kinh-tế, về tinh-thần và về chính-trị một cách nặng nề đau đớn như vậy, thi ông Caillaux buộc tội cho cái nền văn-minh kim-thời gắt lắm. Mới đây, trong một cuộc diễn-thuyết ở hội báo-giới ngoại-quốc, ông có nói rằng :

— Cái gốc cốt yếu sanh ra tai nạn khủng hoảng ngày nay, chính là khoa-học đó.

Rồi giải tỏ cái tư-tưởng ấy ra, ông Caillaux nói rằng máy móc nuốt người ta, và các nhà chuyên-môn đã làm cho cái tư-cách của loài người phải thấp-xuống.

Ông Georges Duhamel, là một tay viết báo và viết sách có đại-lại, hồi năm ngoái có xuất bản một cuốn sách khao-cứu về Hué-kỳ. Chẳng những là ông không ngợi khen chí người Hué-kỳ, mà ông lại thẳng tay công-kiến những phong-tục và cách sanh-hoạt của họ, chỉ biết có một việc kiêm tiền và chỉ ham vui thú với những cái khoái-lạc của bạc tiền ban cho mà thôi. Té ra đối với ông Duhamel cũng thế, khoa-học làm cho sự sống của đời người bị xấu xa thêm thì có, chứ nó không đem tới cho người ta được một chút sxiu hạnh-phước nào hết.

Nhưng xét lại, chưa hề bao giờ khoa-học làm ra những việc tài cao thuật-lạ hơn là ngày nay. Nhờ khoa-học mà người ta đưa bay được với chim, lại còn bay mau hơn nó và theo đuổi nó trên không trung dặng. Nhờ khoa-học, mà người ta giao-thông tư-tưởng với người đồng-loại trong bốn biển năm châu, vượt qua tinh-khi trên trời và cách xa hàng trăm hàng ngàn cây số cũng dặng. Rất đỗi là người ta có can-dãm lái thuyền, vỗ cánh bay lên tới chỗ cao tuyệt mĩ, không còn có khống khi dè mà fiô hấp nữa. Như vậy thì người ta có thể cho mình là ông thần ông thánh, bắt bao nhiêu sức mạnh trong trời đất phải phục theo ý muốn của mình.

Khoa-học đã tới một cái trình-dộ hoàn-thiện, đến đỗi muốn phô bày cái thề-lực của nó ra, thi người ta có thể nói khôi hài mà không trái với sự thật, rằng trong những lò làm thịt bò mến mõng ở tinh Chicago bên Hué-kỳ, một con bò lúc giắt vỗ đầu này còn sống, mà cách một giờ sau đem nó ra đầu kia thi thấy nó đã thành ra thịt muối bỗ trong hộp rồi, thiệt là tài tình, au lè.

Khoa-học mở mang đến vậy, mà người ta vẫn không có thể thoát khỏi được cái tay của vật-chất nó trói buộc mình; bao giờ người ta cũng vẫn phải làm tối mọi cửa vò-trụ, bao giờ người ta cũng bị khở-sở vì mọi sự cần dùng giống như các loài vật khác; té ra người ta vẫn đòi khát, người ta vẫn chịu đau đớn về mọi sự thiếu thốn nợ kia. Có 20 triệu nhơn-công bị thất-nghiệp, phải nhìn đồi với vợ với

con. Vậy mà trời già cay nghiệt thay! trong khi bao nhiêu kẻ không có miếng ăn/như vây, thi người ta lại có lúa mì dư dật mà đem đốt đi, người ta đồ cà-phê xuống biển, trái cây chồng chát từng đồng cao như núi như non, mà người ta cũng đẽ cho nó thui rồi bỏ.

Sự sùng báy khoa-học, có cái kết-quả thất-vọng tới cho người ta như vây đó. Bởi tại cơ-khi đã trở nên hoàn-thiện và có sức mạnh đến đỗi một minh bộ máy nó thế được cả chục, cả trăm nhơn-công. Vì máy móc mà có hàng tuc hàng triêu nhơn-công phải trả nên hạng người vô dụng và nó làm mất cái nghè kiêm ăn của họ đi. Không việc làm, tuc thị là họ không có tiền bạc đâu mà mua những đồ ăn thức uống, cùng là mọi thứ đồ dùng, do các nhà máy chế-tạo ra nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Trên thế-giới có cái nạn sản-vật quá dư là tại vây đó.

Khi ông Jacquard chế ra được một thứ máy có thể làm thế cho nhiều cái khuông-cửi, thì thợ dệt hàng ở thành Lyon oán hận vô cùng, họ bắt ông ấy mà liệng xuống sông. Có khi họ làm như vậy, tuy họ chỉ lo cho họ mặc dầu, mà họ thấy xa hơn các nhà bác-học và tư-tưởng.

Người ta tưởng rằng dùng máy như là nuôi một đứa ở dễ dãi, minh sai khiến nó vâng theo mạng linh của mình; té ra máy lại trả nên chủ minh, fanh-fà minh một cách tàn-khốc.

Ông Henri Ford là nhà đại-chế-tạo xe hơi bên Hué-kỳ, tự khoe rằng các xi-rông máy của ông ta, cứ 90 phút đồng-fiô là làm rồi một cái xe.

Thánh Gandhi thì tự ngồi quây sợi bằng cái quây tay kiều xira, để lấy vải may quần áo mà bán, lại khuyễn lòn 250 triệu đồng-bảo cũng nên noi theo gương của ông nữa.

Trong hai người ấy, ai di nhầm đường chon-lý hion? Ai đúng với luật tự-nhiên của tạo-hoa hion? Ai là người đủ sức hion để dắt nhion-loại vào cái fanh-phuoc mà xira nay người ta tìm kiếm hoài chưa được?

Từ khi người ta thấy cảnh-tượng xã-hội, và kinfi-lê bị xôn-xao nghiêng-dồ ở trước mắt, nó làm cho trí-khion loài người báng-khuảng, tái đem máy cái ván-dẽ ấy vào lòng lo ngři, mà không giải quyết được.

NGUYỄN PHAN-LONG



CÁI TRÁCH-CỨ VỀ CUỘC HÒA-BÌNH TRONG THẾ-GIỚI Ở AI?

của

Dương Bá Trạc

Hai tiếng « Hòa-Bình » xuất hiện ở trên đầu lưỡi người thế giới, kẽ dã có mấy chục thế-kỷ nay. Từ ông Thich-Ca lập ra đạo Phật, ông Co-dốc lập ra đạo Thiên-chùa, trong giáo-diều, trong kinh-diễn, đã có cái tư-tưởng chúng-sinh phồ-dộ, thiền-hà đồng-bảo. Từ ông Bá-lập-Đồ (*Platon*) mở học-phái ở Hy-Lạp, ông Không-tữ truyền học-thống ở Trung-hoa, trong ngôn-luận, trong sách-vở, đã có cái mộng-tưởng một-dời đại-dồng-chung, một-nước-cộng-hòa lớn.

Nhứt là từ khi cuộc hòa-hải giao-thông mở rộng, các dân-tộc dì-lại liên-lạc với nhau luôn, nào diều-ước thông thương, nào công-pháp quắc-tế, sự giao-thiệp càng ngày càng thông-thường, tri-thức trao-dồi, cẩm-tinh dung-hợp, càng dễ-dàng hơn xưa-nhiều, thì hai tiếng « hòa-bình » càng nhiều người xướng-ké-hoa, người hô-ké-ứng. Một trăm lần hội-nghị, một ngàn lần định-ước, không lần nào là không đã động đến chữ « hòa-bình »; nhưng rút lại thì lý-thuyết hòa-bình đã có lúc nào thành ra được sự thực-dầu; cái mộng-tưởng hòa-bình đã có lúc nào thành ra được chơn-canh-dấu. Chẳng những mộng hòa-bình không thấy hòa-bình, nói hòa-bình không có hòa-bình, mà hình như cảng khua chuông gõ mỏ hai tiếng « hòa-bình » bao nhiêu, thi lại

càng thêm cái thảm-hoa đánh quyền-cướp lợi, hao người hại của bấy-nhiều.

Vua Nga vừa lập hội Hòa-bình thi chẳng bao lâu đã có trận giao chiến Trung-Nga, trận giao chiến Nhựt-Nga tiếp nhau, mà đặc-biết mấy non-thầy, khơi-biết mấy sông-máu.

Người Mỹ vừa xướng chủ-nghĩa Môn-la (là chủ-nghĩa của một ông tông-thống Mỹ xướng ra, tuyên-bố nước Mỹ không bao giờ có xâm-phạm đến một nước ngoài-nước Mỹ), thi chẳng bao lâu đã có trận Mỹ đánh Cồ-ba, trận Mỹ đánh Tây-ban-Nha nối nhau, mà phá hủy biết mấy đội-tàu, dày đặc-biết mấy thành-ấp.

Lại hết thay-liệt-cường đều nhao-nhao lên những là bão-toàn-lĩnh-thổ, tôn-trọng chủ-quyền cho Trung-quốc, mà chẳng bao lâu đã có trận 8 nước cùng đem binh đến kinh-thành Tầu.

Lại hết thay Van-quốc nhóm hội hòa-bình ở Hải-nha (*la Haye*) định công-pháp Van-quốc, lập tòa án Van-quốc, mà chẳng bao lâu nở ra một trận kinh-thiên động địa, xô cả Van-quốc vào trong cái vực thảm-gió tanh-mưa-máu, nước nào cũng người mất đi kẽ-miệu, ngày nào cũng của quăng đi kẽ-cờ-man vạn-mở, là cái trận dai-chiến Âu-châu vừa rồi.

Ấy cái kết-quả nói hòa-bình, mộng hòa-bình của gióng người

chúng ta tự-xưa đến giờ như thế thảm-không? ác-không? mà còn có-nén nói hòa-bình nữa hay không?

Ôi! hòa-bình là cái hạnh-phúc thứ-nhứt của gióng người chúng ta, không ao-ước hòa-bình, không nhắc-nhở hòa-bình thi còn có cái hạnh-phúc gì đáng ao-ước, đáng nhắc-nhở hơn nữa.

Song trước khi nói hòa-bình, mong hòa-bình, thi ta phải xét xem cái-trách-cứ về cuộc hòa-bình trong thế-giới này là ở ai-dâ.

Không phải cứ ai cũng nói hòa-bình, ai cũng mơ-mộng hòa-bình, mà trên mặt đất tự-nhiên này ngay ra được cái hoa-tốt hòa-bình

tự-nhiên yên-hưởng được cái trái-qui hòa-bình. Phải làm sao có được người đứng-ra mà làm-trú-chốt cho sự hòa-bình, tò-chức sự hòa-bình, thúc-giục sự hòa-bình, tiến-hành-đủ mọi phương-pháp thành-trú sự hòa-bình. Mà điều quan-hệ thứ-nhứt, là những người ấy phải thật là người cao-thượng, siêu-việt, lên trên trần-tục, không còn sót một chút-gi là cái vật-tánh hùm-beo-rắn-rít như người dung-chung, ấy-tức là người chon-chánh hòa-bình, thi câu nói hòa-bình mới mong có ngày-thành ra sự-thật, cái-mộng hòa-bình mới-hòng có

ngày thành ra chồn-canh được vậy.

Nay trong thế-giới, cái hạng người có thề tu-dưỡng nên được cái tánh-cách cao-thượng siêu-việt để đứng ra mà làm trụ-chốt sự hòa-bình, tồ-chức sự hòa-bình, thúc-giục sự hòa-bình là hạng người nào ? Chẳng phải là hạng người thông-minh tru-tú, có tài có chí hơn người thường ư ? Chẳng phải là hạng người hoặc nhà chính-trị, hoặc nhà pháp-luat, hoặc nhà văn-học, hoặc nhà kinh-tế, hoặc nhà kỹ-nghệ lớn, hoặc nhà thực-nghiệp lớn từ xưa đến giờ và sẽ từ giờ sắp sau nữa đó ư ?

Hạng người ấy là người có tài trí hơn người, tự-nhiên là ở đâu và bao giờ cũng có cái địa-vị hon người ; người thường thấy mà phải phục, phải quý, phải trọng, phải sợ, phải theo ; cái khẩu-hiệu của họ, họ lên câu gì thì quần-

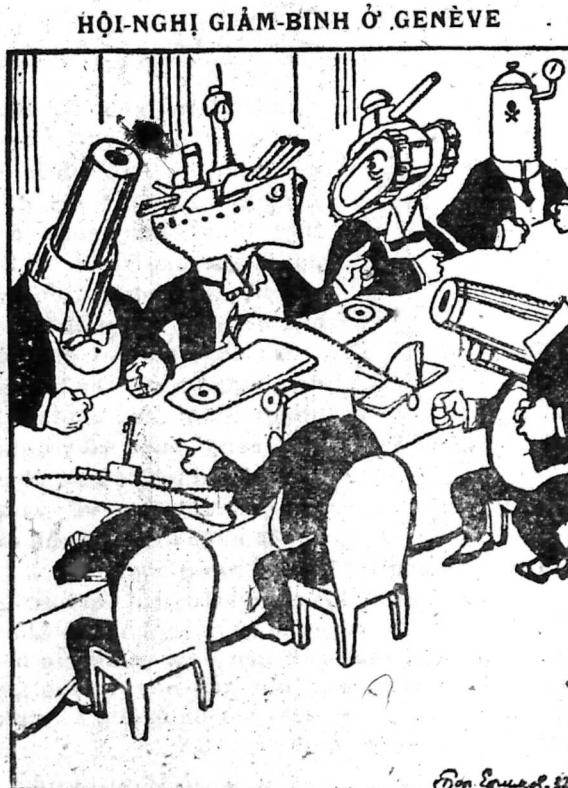
chúng cũng nô nhau mà đáp họa ; cái ngọn cờ của họ nêu lên danh-nghĩa gì thi quần-chúng cũng ủa nhau mà chạy tới ; con mắt của họ trông vào cái đích nào thi quần-chúng cũng dồn cả mắt lại mà trông theo vào cái đích ấy ; khối óc của họ in phải cái bóng nào thi quần-chúng cũng đem cả óc ra mà in lấy cái bóng ấy.

Đã nghiệm ra mấy chục thế-kỷ, trải từ lúc có giống người chúng ta đến nay, ở đâu, bao giờ cũng chỉ có một hạng người đó họ bắt người ta ngược thi ngược, họ riết người ta xuôi thi xuôi ; lúc thi họ tiêu cái ngọn cờ quân-chủ, liền thấy thiên-hà sùng tín về cái đạo cả trung quân ; lúc thi họ hô cái khẩu-hiệu dân-quyền, liền thấy thiên-hà say-sưa vi cái nghĩa sáu binh-dâng ; ; ; ; lúc thi họ ghé mắt

vào cái đích thống-quyền, liền thấy thiên-hà lom-llop lấy thống-quyền làm khoa-luat. Như thế, nếu thật họ là người chân-chính hòa-bình, đứng ra làm trụ-chốt sự hòa-bình, vì giống người chúng ta tồ-chức sự hòa-bình, tiến-hành đủ các phương-pháp thành-tựu sự hòa-hình, thi làm gi câu nói hòa-bình lại chẳng thành ra sự thực, cái mộng hòa-bình lại chẳng thành ra chân-canh được sao ?

Vậy mà khốn thay ! Không biết từ giờ sắp sau thê nào, chờ từ xưa đến giờ, chính cái hạng người thông-minh tru-tú, có tài có chí, có thề đứng ra làm trụ-chốt sự hòa-bình, tồ-chức sự hòa-bình, đòn-dốc sự hòa-bình, vẫn phần nhiều lại không phải là người chân-chính hòa-bình, vẫn phần nhiều lại không có cái tinh-cách cao-thượng siêu-việt hơn người thường mấy, vẫn cũng còn tối mắt về những sự phu qui vinh hoa giả, vẫn cũng còn mê-mệt về những sự quyền-vị oai-thể xẳng, vẫn cũng còn dâm-minh vào bê-dục bến-mê, vẫn cũng còn giam minh vào túi cơm già áo. Quân-chủ vậy mà dân-chủ cũng vậy, thống-quyền vậy mà cộng-sản cũng vậy, lật cái mặt nạ ra, cũng vẫn là cái chân-tướng khinh-khi hèn-yếu, hiếp bức cõi-cùng, canh-nanh nhau tảng ly từng ty ở chỗ sang với hèn, giàu với nghèo, mạnh với yếu, trên một hột bụi côn-con là cái thế-giới hẹp-hội nhợp-nhúa này, không tiếc gì hi-sanh tánh-mạng tài-sản của đồng-bào mà tranh đua còn mắt că. Họ rối-rit hơn thuở cho mãi tới cái hơi thở cuối cùng, tối tri mờ lòng, không nhận ra được cái ảo-cảnh không không trong sắc sắc, rồi sau một giấc nam-kha ngắn-ngủi, cái gì cũng đã dắt ra tro ! Đó, những người có thề làm trụ-chốt sự hòa-bình mà còn như thế cả, thi có hòa-bình chỉ được mà mong !

Trời mà không nỡ làm hại mãi



(Rút hình vẽ trong báo tay)

giống người, làm-than mãi thế giới, thì bao nhiêu những người thông-minh tru-tú, có tài có chí trong nhán-loại chúng ta, phải đều gột rũa hết cái nhục-giục xấu xa thô-bỉ, phải đều tu luyện nên cái tánh-cách chánh-trực quang-minh; phải coi những sự phu qui vinh hoa giả làm khinh, phải cho những sự quyền-thể oai-lực xẳng làm dại; phải biết nhân-nghĩa trung-tin là cái qui vô-thượng; phải biết giữ lòng luyện-tánh là cái vui không cùng. Có bao tài bao trí thi đem dùng hết cả vào những công-việc lợi vật cứu người, mà không hề để sinh cái mưu đồ tự tư tự lợi.

Kẻ có tài chính-trị không dùng tài-trí minh về cái lối chính-trị gian-dối lật-lừa, mà dùng tài-trí minh vào cái lối chính-trị sáng-sủa ngay thẳng.

Kẻ có tài kinh-tế, không dùng tài-trí minh về cái cách kinh-tế lurement lặt-tham lam, mà dùng tài-trí minh về cái cách kinh-tế chia đều rải khắp.

Kẻ có tài văn-học không dùng tài-trí minh về cái văn-học kim-tiền thế lực, mà dùng tài-trí minh về cái văn-học giữ-chánh-trữ-tà, binh-yếu đe-mạnh.

Kẻ có tài kỹ-nghệ, không dùng tài-trí minh về cái kỹ-nghệ ác-dộc-hao của hại người, mà dùng tài-trí minh về cái kỹ-nghệ dở-bót được lao-công, kiêm-thêm được của cải.

Cho đến trăm ngàn thứ tài-trí khác nữa, thứ nào cũng chỉ để lảm-tay sai tốt cho cái đức-tinh « độ-nhan-cứu-thể » mà không làm nô-lệ ròng cho cái vật-tánh « trục-lợi-cầu-danh ». Cả một thế-giới thành là một cái tình-thờ của ông Phật, một cái thiền-quốc của ông Gia, trên có những đấng-làm-chúa làm-thầy, là đấng-trọn-lành-trọn-tốt. Dưới đến mỗi-xứ, mỗi-tỉnh, mỗi-huyện, mỗi-làng, đâu đó cũng được nấm-bảy người bảo-bọc-dân, diu-dắt-dân, chăm-nom-sắn-sóc cho dân,

dân dù điệu-hay, rắn-cẩm đều dở-cho-dân, cho-dân được lạc-nghiệp yên-cư, cùng-nhau vui-hưởng cái sinh-thú.com-trời nước-sông, trăng-non-giò-biển.

Cứ được như thế thi muốn lập-hiện cũng được, làm chủ-nghĩa xã-hội cũng được, làm chủ-nghĩa bình-dân cũng được, dân-quyền bình-dâng cũng được, đại-dồng thế-giới cũng được, mà dẫu-quân chủ hay thống-quyền cũng được, cũng chẳng-bao giờ thấy có tranh-thành cướp-dất, chẳng-bao giờ có thấy mưa-dan-rừng-girom, chẳng-bao giờ không-trong ấm-ngoài-ém, trên-hòa-dưới-thuận. Xứ này với xứ-khác, dân-tộc này với dân-tộc khác, giao-thiệp với-nhau, chỉ-có việc xiêm-áo-vái-nhường, dân-ca-xướng-họa, không-còn-dâu-phải-dòng-tàu-chiến, đúc-dai-bắc, không-cần

phải-chế-súng-phá-dòn, xe-trên-núi, máy-bay, tàu-lặn làm-gì. Nội-một cái-khoản-dự-toán-về-quân-bị mà-bỏ-di được, và-những-của-cái-năm-dài-ở-các-kho-chứa-hàng, các-xưởng-chế-tạo, cốt-hầm-cho-khan-hàng-dề-bán-cho-cao-giá đó, mà-nay-phân-phối-cho-khéo, cho-người-ta-được-ăn-dùng-ngay, thi-quyết-trong-nhán-loại-không-ai-còn-phải-đói, phái-rét, phái-túng, phái-thiếu; không-ai-còn-không-được-sung-sướng-phủ-phé; không-việc-gì-phải-nay-lo-thực-dân, mai-sợ-nhân-mẫn-nữa. Khi đó-tưởng-chẳng-cần-nói-hòa-bình, chẳng-cần-lập-hội-hòa-bình, chẳng-cần-hội-nghị-hòa-bình, mà-cái-bóng-hòa-bình-sẽ-nở-dều, cái-trái-hòa-bình-sẽ-chín-rục-ở-tất-cả-các-cái-bụng-chơn-chính-hòa-bình-của-mọi-người-trong-thế-giới-vậy.

DƯƠNG-BA-TRẠC

HỎI NỮ ĐÔNG-BÀO !



Cuộc Đấu-xảo Nữ-công của PHU-NỮ TÂN-VĂN và hội DỨC-ANH tờ-chúc ra ngày 4 và 7 Mai tới đây, thật là một công-cuộc có ý-nghĩa rất-hay và có-lợi-ich rất-lớn cho cuộc tiến-hóa của nǚ-giới Việt-nam ta !

Hết-thay-chị-em-đều-nên-đem-lòng-ra-sức, hô-hào-cố-dộng-tham-dụ, tán-thành, cho-công-cuộc-có-ý-nghĩa-hay-có-lợi-ich-lớn-đó-được-kết-quả-tốt-dẹp-về-vang, tức-là-cuộc-tiến-hóa-của-chị-em-có-ánh-hưởng-tốt-dẹp-về-vang-vậy.

Hỏi-chị-em-tam-kỳ-lục-châu ! Hỏi-chị-em-hương-thôn-thành-thị ! Ai-có-nghẽ-gì-hay, thuật-gì-khéo, dở-gì-dẹp, món-gì-tài, đều-nên-đem-ra-chưng-bày-tranh-cạnh-ở-giữa-cuộc Đấu-xảo-này, không-nên-chần-chờ-dụ-dự-gì-că. Đem-hết-phụ-công-nữ-nghệ-của-chị-em-ra-cho-thiên-hạ-coi-di !

DUỐC-NHÀ-NAM

VIỆC CHẨN-HƯ'NG

PHẬT-HỌC Ở NU'ÓC TA



Người Việt-nam ta từ xưa đến nay vẫn lấy nho-học làm cái nền văn-học và lấy Phật-học làm cái nền tôn-giáo. Gần đây, cuộc sanh-hoạt biến đổi đi, người đời khuynh-hướng về những tư-tưởng Âu-tây, bỏ các mối học cũ, không mấy người lưu-tâm đến nữa, thành-thử cái tinh-thần của người mình cũng bởi đó mà biếu thiên di.

Tuy vậy, những cái học cũ đã có rẽ ăn sâu xa vào trí não, chô nên dầu phong-trào eó thay đổi thế nào mặc lòng, số nhiều người trong nước hẵn còn tưởng nhớ đến. Nhứt là về đường tin-ngrõng, ít lâu nay lại có người muốn chẩn-hưng Phật-giáo. Đó là một cái phản-động-lực tự-nhiên không thể không có được. Song muốn cho sự chẩn-hưng ấy có hiệu-quả, thì ta phải biết cái đạo của Phật đối với cuộc nhân-sanh quan-hệ là thế nào. Vậy nhân-tiên đây, ta bàn qua cái đại-cương của Phật-giáo và thử xét xem cái học ấy có thể bồ-ich cho xã-hội ngày nay không?

Phật-giáo phát tích ra vào khoảng thế-kỷ thứ sáu, trước Tây-lịch kỷ-nguyên, ở vùng bắc sông Hằng-hà (*Le Gange*) bên Ấn-dô, Tị-tô là đức Thích-ca mần-ni, con một đấng quốc-vương trong xứ Ba-la-nại (*Bénarès*). Ngài sanh-trưởng ở chỗ phủ-qui mà cái tinh bản-nhiên của ngài vẫn thiên về đạo-học, cho nên ngài trong cuộc đời thấy đầy những khò-não, và bao nhiêu những hiện trạng đều như đám phù-vân, hợp-hợp, tan-tan, không có gì là thường định. Bởi cái cẩm-tưởng ấy mà ngài bỏ nhà đi theo học đạo Bà-la-môn, để tìm đường giải-thoát ra ngoài vòng luân-hồi sanh-tử. Ngài đi tu luyện trong sáu năm trời, chịu đủ mọi

đều khổ-hạnh mà vẫn không thấy đạo. Ngài bèn bỏ lối tu-luyện ấy mà theo đạo trung của mình. Một hôm, Ngài ngồi ở gốc cây bồ-đề, thốt-nhiên ngộ đạo, thấy rõ các nhân quả và mười hai nhân duyên của sự sanh và sự tử. Ấy là Ngài thành Chánh-giác, tức là thành Phật vậy. Từ đó Ngài lập thành từ đế là : *khổ, tập, diệt, đạo*, để làm căn-bản mà « chuyền pháp luân », nghĩa là lấy bốn điều cốt-yếu ấy mà dạy người ta tìm cách giải-thoát ra ngoài vòng sanh-tử.

Phật Thích-ca mần-ni thuyết pháp ở vùng sông Hằng-hà hơn bốn mươi năm, môn đệ càng ngày càng nhiều. Đến khi Ngài viên-tịch rồi, cao-de của Ngài là bạn Đại Ca-diệp và A-nan-dà, hội các tông-đồ đề nhặt những điều Ngài đã giảng dạy mà lập thành Kinh, và những điều Ngài đã thiết lập ra mà định thành Luật. Cách độ hai trăm năm sau, có vua A-duc (*Acoka*) nhất thống cả các xứ Ấn-dô, và hết lòng hộ trì đạo Phật, cho nên đạo ấy mới truyền-bá ra khắp toàn xứ và sang đến vùng Tây-Á và Trung-Á.

Cái tôn-chỉ của đạo Phật là cốt phá hết những điều gọi là tam-độc : *tham dục, sân khuê, ngu si*, ba cái độc nó giữ người ta trong vòng sanh-tử ; cốt cầu lấy tri-tuệ để theo bát chính đạo : *chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính manh, chính tinh tiến, chính niệm, chính định*, tam cái chính đạo để được thành A-la-hán quả, ấy là sắp tới Nát-bàn (*Nirvana*) không sanh không diệt nữa.

Xem như thế, thi đạo Phật lúc đầu không nói gì đến sự thờ cúng, không tôn một vị thần nào,

mà cũng không dạy cái triết-lý siêu-việt gì cả. Phật chỉ dạy người ta lấy những điều đạo-đức thiết-thực mà tu hành cho thành chính quã. Theo cái phuong-phap ấy thì ai có sức tu hành thì người ấy đặc-đạo, chờ không phô-cáp cã chúng-sinh. Bởi cái phạm-vi của Phật-giáo lúc đầu hẹp như thế, cho nên về sau các môn-dồ của Phật muốn lập thành một tôn-giáo có tánh-cách công cộng chung cã nhん-loai, rồi dần dần đem cái triết-lý cao-siêu mà mở rộng ra. Từ đó trong Phật-giáo thành ra hai phái khác nhau, gọi là Tiêu-thặng (Hinayana) và Đại-thặng (Mahayana).

Phái Tiêu-thặng thi chủ-trương sự theo cái phuong-phap và ký-luat của Phật đã lập ra mà tu-hành. Phái Đại-thặng thi chủ-trương lấy cái vi-y của Phật mà lập thành một cái triết-lý rất cao-siêu, để mở rộng ra thành một tôn-giáo, tê-dộ cã chúng-sanh. Vậy nên bên Tiêu-thặng thi chỉ thờ riêng một Phật Thich-ca mâu-ni, mà bên Đại-thặng thi thờ cả các Phật khác, như Phật Di-lạc là Phật Tương-lai, Phật A-di-dà, là một vị Phật ở Tây-phuong cực-lạc thế-giới, và Phật Thich-ca mâu-ni, là tị-tô Phật-giáo, cùng các vị bộ-tát, như Quan-thê-âm bộ-tát, Đại-thê-chí bộ-tát, Văn-thù bộ-tát; Phô-hiền bộ-tát, Địa-tạng bộ-tát v.v... đều là những vị lõi sự cựu-lẽ nhân chung.

Hai phái ấy thường công kích nhau, nhưng cùng thịnh hành ở đất-Ấn-dô cho đến khoang thế-kỷ thứ 8 và thứ 9, thi bị đao Bà-la-môn và đao Hồi-hồi tàn phá. Các tông-dồ của Phật-giáo phải bỏ đi sang ở các nước khác, thành ra ngày nay ở đất-Ấn-dô là nơi Phật-giáo khởi phát ra mà không còn gì là Phật-giáo nữa.

Hiện bây giờ phái Đại-thặng thạnh hành ở các nước Ni-bac-nhĩ (Népal), Tây-tạng (Thibet), Mông-cô (Mongolie), Trung-hoa, Cao-ly, Nhứt-bồn và Việt-nam ; phái Tiêu-thặng thi thạnh-hành ở đảo Tích-lan (Ceylan), Miến-diện (Birmanie), Xiêm-la (Siam) và Ai-lao (Laos).



Bởi chưng nước Việt-nam tá theo phái Đại-thặng, cho nên ta thử xét-xem cái tôn-chí phái ấy là thế nào?

Phái Đại-thặng khởi phát ra từ lúc nào, ta không thể biết rõ được, chỉ thấy trong kinh A-hàm chép lời của Tu-bô-dê (Sulhuti) là đệ-tử của Phật Thich-ca nói rằng : « *Pháp pháp tự sinh, pháp pháp tự diệt, pháp pháp tương đồng, pháp pháp tự tức.... Như thị nhứt thiết sở hữu, giai qui ư không, vô ngã, vô nhân, vô mạnh v.v...* » Đó là cái khởi-điểm cái thuyết không luận về sau. Đến thế-kỷ thứ hai, sau Tây-lịch kỷ-nguyên, tức là cách Phật Thich-ca mâu-ni độ 600 năm, mới có Long-thụ bộ-tát (Nagarjouna) xướng lên cái thuyết không luận, cho

vạn vật đều ở trong cái thế không (cunyatâ). Cái thế không của Long-thụ bộ-tát không phải là không hân, nhưng là cái thế có sẵn các cái sức tiềm-phuc để phát sanh ra vạn vật, tựa hồ cái thế Thái-hư của Nho-giáo vậy. Đồng thời với Long-thụ bộ-tát có Mã-minh bộ-tát (Araghasah) làm sách Đại-thặng khởi tín luận theo cái chủ-nghĩa thiền-đia-vạn-vật nhất-thế, cho chán-nhur (Bhûta Tatpûsa) là nguồn gốc của vạn-vật. Bởi chán-nhur mà vạn-vật hiện ra, rồi lại trở về chán-nhur, cũng giống những ngọn sóng nỗi lèn ở trên mặt biển rồi tan ra, lại là nước biển. Vậy chán-nhur là cái gốc duy-nhất, tức là Phật vậy.

Cách độ hai trăm năm sau, vào khoang thế-kỷ thứ tư, lại có hai anh em là Vô-Trú bộ-tát (Asanga) và Thế-thân bộ-tát (Vasoubandhou) lấy « **A-lai da-thre** » (Alaya Vijnâna) là cái biết nguyên-thủy, căn-bồn của các cái biết khác, mà lập thành cái thuyết « duy-thức » hay là « pháp-tuồng », cho vạn vật đều chủ ở cái biết ấy mà sanh ra. Cái biết ấy tức là cái tâm của ta vậy.

Đó là nói tóm tắt cái tu-tuồng trọng yếu về đường triết-học của phái Đại-thặng. Song những cái tu-tuồng ấy cao siêu quá, phi những người có học-hực cao cường không ai hiểu hết được. Vâ lại, dã gọi là tôn-giáo, thì ngoài cái tu-tuồng cao-siêu ra, phải có cái phuong-phap tu-hanh và có sự tín-nhugrong sùng-bái giản-dị cho nhân chung theo. Vậy nên về đường tu-hanh thi phái Đại-thặng có Thiền-tôn (école du Dhyâna) cầu lối sự « *thức tự bồn tâm, kiến tự bồn tánh* », hễ ai biết rõ cái bồn tâm, thấy rõ cái bồn tánh thi thấy rõ Phật.

Phái Thiền-tôn khởi phát ra từ Bồ-dề-đạt-ma tôn-giá (Bodhidharma), người Ấn-dô, sang ở nước Tàu vào đời Lục-Triều, tức là vào khoang thế-kỷ thứ sáu. Tôn-giá đến ở chùa Thiếu-lâm ở núi Tung-son, đất Hà-nam, 10 năm ngồi nganh mặt vào tường, đề giữ cái tâm-ẩn của Phật, tức là giữ « *bát-nhâ ba-la-mật* » (prajna paramita).

Tương truyền rằng khi Phật Thich-ca mâu-ni ở Linh-son, một hôm ngồi cầm cái hoa mà trông mọi người, ai nấy đều ngồi im lặng, duy có Đại Ca-diệp tôn-giá nở sắc mặt mà mỉm cười. Phật nói rằng : « *Ngó hưu chính pháp nhôn tăng, Nát-bàn diệu tâm, thực tướng vô tướng, vi diệu pháp môn, bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, phó chúc maha ca-diệp.* » Đó là phép tâm truyền của Phật-giáo. Đến khi Phật nhập tịch rồi, truyền bát và áo cho Đại ca-diệp. Đại ca-diệp truyền cho A-nan-dà. Truyền đến Bồ-dề-đạt-ma là tổ thứ 28. Bồ-dề-đạt-ma đem bát và áo sang truyền cho người Trung-hoa. Ở Trung-hoa truyền được sáu đời, đến Tuệ-Năng là đệ lục tổ, thi phái Thiền-tôn chia ra làm 5 phái là : *Lâm-tê, Vô-nguờng Tào-dộng, Văn-môn,*

và *Pháp-nhờn*. Hiện nay các tăng ni tu hành ở nước ta đều thuộc về hai phái: *Lâm-tế* và *Tào-dộng*.

Kè cái đại-lược như thế, tưởng cũng đủ rõ là Phật-giáo uyên bác lắm. Những nhà tu hành phải tinh cần hết sức mới hiểu rõ các nghĩa lý. Còn nhân chúng thì vẫn ít người theo được. Bởi vậy trong phái Đại-thặng có *Tịnh-thồ-lòn* theo cái tôn-chī rất quang-đại và rất giản-lị, khiến cho nhứt thiết chúng-sinh đều được tể-độ cả. Phật Thích-ca mâu-ni, tuy đã vào Nát-bàn rồi, nhưng vẫn có lòng từ ái vô lượng, vô biên, thấy chúng sanh còn đắm đuối ở trong bế khố, ngài bèn lấy pháp-thân hiện ra Phật A-di-dà (*amitâbha*) ở Tây phương cực-lạc thế-giới (*sukhavati*) để cùng với Quan-thê-âm bộ-tát và Đại-thê-chi bộ-tát cứu vớt chúng sinh. Theo cái tôn-chī ấy thi nhất thiết là bình đẳng, bất cứ sang hèn, hiền ngu, hễ ai nhứt tâm niệm Phật, là đều được Phật tể-độ cho sang bến bồ-dề, vượt khỏi sự luân hồi sanh tử. Vậy, theo phái Tịnh-thồ thi chī phải niệm Phật mà thôi, chứ không cần phải tu hành khó nhọc.

Trong sự cứu khố cứu nạn, có Quan-thê-âm bộ-tát có công-đức hơn cả. Vì ngài chỉ còn tu một kiếp nữa, thi thành Phật, vào Nát-bàn; mà Ngài phát thê rằng: « Hè trong thế-gian hãy còn một vật chịu khố, thi Ngài không chịu thành Phật. » Đó thật là một đạo đại từ, đại bi, phô cập van vật vây. Bởi thế cho nên người ta vào chùa chiền thường niệm: *Nam-mô A-di-dà-phật! Nam-mô Quan-thê-âm bộ-tát!* Hiện bày giờ ở bên Tàu và ở nước ta thờ Phật đều theo phái Tịnh-thồ cả.

Phật-giáo cũng như các tôn-giáo khác, phải theo cái trinh-độ tiến-hóa của nhân-loại mà biến đổi, và thường hay có những tu-tưởng khác nhau, cho nên thành ra chi nọ phái kia. Song dù muốn biến đổi thế nào mặc lòng, cái tôn-chī từ trước đến sau vẫn có một điều rất trọng yếu là: *cái khố ở đời là sự thiệt, phải tìm cách mà trừ bỏ cái khố, để giải-thoát ra khỏi vòng luân-hồi, sanh tử.* Cách giải-thoát có hai lối: một là mình phải tự cường, tự miên, gắng sức tinh-tiến để phả sạch cái « vô minh » mờ tối, mà cầu lấy tri-tuệ sáng suốt, thành được chính quả; hai là nhờ có lòng từ-bi bác-ái của Phật tể-độ cho mình sang bến bên kia là nơi Tịnh-thồ cực-lạc. Hai lối đó đều có ích cho tri-ue và đạo-đức.

Ai đã tu-hành đạo Phật thi phải biết rằng vạn tượng ở trong vô-trú đều là ảo-hình ảo-ánh hết

cả, chỉ có chân-như là thiệt. Cái chân-như ấy ở trong tâm người ta, hễ ai biết chủ ở cái tâm mà phát-minh ra, thi thấy được Phật. Bởi vậy cho nên mới nói rằng: « *Phật tức thị tâm, tâm tức thị Phật.* » Người nào đã thấy rõ như thế, thi ở vào cảnh-ngộ nào cũng an vui, không có sự lo buồn khố sở.

Trong lòng đã được an vui, rồi cứ một bế tinh-tiến mà làm điều thiện để gày lấy cái *nghiệp duyên* (*karma*) cho mình. Bởi vì đạo Phật cho sự báo ứng họa phước đều bởi tự mình gây nên: Ai làm điều thiện thi gày thành nghiệp thiện, ai làm điều ác thi gày thành nghiệp ác. Những cái nghiệp ấy mình phải trả mãi. Nếu cái nghiệp của mình thiện, thi mình được hưởng sự an nhàn, sung sướng; nếu cái nghiệp của mình ác, thi mình phải chịu mọi đường cực khố. Đó là sự thường phạt tự mình định lấy cho mình vậy.

Nói tóm lại, theo đạo Phật là phải tinh-tiến dũng mãnh để trừ bỏ ba cái độc ở trong mình, là *tham dục, sân-khiêng và ngu-si*, cầu lấy tri-tuệ mà giải-thoát được mọi sự khố nỗi; phải làm điều từ-thiện, gày lấy cái nghiệp duyên tốt. Ấy là một tôn-giáo rất hay, rất qui, của loài người vậy.

Ta nay muốn chấn-hưng đạo Phật và mở rộng thêm ra, thi thật là cái công-đức rất to. Song ta phải biết rằng sự chấn-hưng đạo Phật không phải là chỉ ở chỗ làm chùa chiền để thờ Phật mà thôi. Đó mới là cái hình-thúc bế ngoài, nếu không có cái tinh-thần bế trong, thi khó mà có hiệu-quả được. Cái tinh-thần là *cốt* phải phát-minh cái đạo-lý ra, để gày thành một sự tin-ngrưởng rất chinh-đáng. Muốn cho tới cái mục-dich ấy, thi phải tổ-chức thành một cuộc Phật-học, kén chọn lấy những tăng-ni chơn-tu, bắt phải học cho đến nơi đến chốn, biết cả Hán-tự và Phạm-tự cho thông, để kê cứu các kinh truyện Phật cho tinh-tường, rồi phải lập đàn thuyết-pháp để truyền-bá cái đạo-lý ra cho rõ, và trừ bỏ những điều huyền-hoặc mê-tìn. Có làm được như thế, thi Phật-học mới thật có cái nền chắc chắn vững bền. Song đó là một việc rất to lớn, không những là cần có đủ tiền của, mà lại cần có cái tin-lực rất mạnh mới làm nổi được. Người minh liêu có làm được như thế không? Nếu không, thi chỉ e rồi lại như các sự cải-lương khác, thấy bày cái vỏ ra mà không thấy có ruột, chẳng bở để tiếng cười cho thiên-hạ. Những nhà có lòng về việc ấy nên nghĩ kỹ lắm vậy.

Lệ-thần TRẦN-TRỌNG-KIM

**MỘT TRƯƠNG LỊCH-SỬ THÔNG-THƯƠNG
CỦA TA VÀ NGƯỜI NHỰT-BỘN**

**BA BỐN TRĂM NĂM TRƯỚC, NGƯỜI
NHỰT ĐÃ QUA NUỚC TA BUÔN BÁN RỒI**

Từ trận Nhựt Nga chiến-tranh gần ba chục năm trước cho tới giờ, có việc Nhựt Hoa xung đột, sôi nổi sáu bảy tháng nay, làm cho cái lòng hiếu-học của người minh, muốn rộng kiến-văn, ham biết nước Nhựt, càng thấy hâm hố, và càng thấy tăng lên bội-phần. Hình như ai cũng muốn kiếm tìm học hỏi, cho biết nước Nhựt là thế nào, người Nhựt là giống gì, giữa lúc ở Á-châu ai nấy đều yếu hèn cǎ dám, mà sao riêng một mình họ tài giỏi giàu mạnh được như thế kia.

Tinh-thần dân-tộc, và lịch-sử quốc-gia của người Nhựt ra sao? Trong 50 năm ra công gắng sức mà họ vọt lên ngang hàng với các nước Âu Mỹ ra thế nào? Ngày nay địa-vị của họ ở giữa năm châu bốn biển cũng là những việc chánh-trị, học-thuật, quân-sư v.v.. của họ, đại-khai ra làm sao? Những vấn-dề đó, hay là những sự thiệt đó, trong dòng-bào tật, ai là người có học, dẫu cựu-học hay Tân-học cũng vậy, và đã biết đọc sách vở báo chí, thì đã đều biết ít nhiều về nước Nhựt cũ. Có lẽ nhiều người không học, cũng đã tò mò nghe chuyện về nước Nhựt đôi chút chờ chẳng khóng.

Nhưng có đều tôi biết chắc rằng về cái lịch-sử ba bốn trăm năm trước, người Nhựt đã từng qua buôn bán ở nước ta, thi

nhiều người không biết, hay là không dè, không đề ý tới. Bởi vậy nhơn lúc anh em minh đang nghiêng tai đè mắt vào việc Nhựt Hoa đây, tôi muốn đem chuyện Nhựt thông-thương với ta từ ngày xưa, thuật ra đây để cho ai chưa biết được biết. Ấy là một câu chuyện có ích, thêm phần tri-thức cho ta về lịch-sử của ta vậy.

Mấy thế-kỷ trước, những dân ở miếng đất Đông-phương này, có lẽ chỉ có giống người Việt-nam minh là chưa hề thò cõ bước chun đi ra ngoài, chờ người Nhựt-bản lúc ấy tuy còn yếu hèn hủ bại mặc-lòng, nhưng họ đã biết kéo buồm vượt biển, lẩn mò qua đất nước nhà ta mà buôn bán làm ăn rồi. Thiệt vậy, họ qua buôn bán ở thành-phố Hội-an của ta, từ thế-kỷ thứ 16, tức là hồi đời nhà Lê kia. Ngày nay, tôi đó mà xem, thấy có nhiều cái dấu tích của họ đẽ lại thi biết.

Nước ta đời xưa, có hai chỗ thành-thị thông-thương lớn, đóng đảo người ngoại-quốc tới lập cửa hàng mua bán, quang cảnh rất là rộn rịp vui vẻ. Một là Phố Hiến ở ngoài Bắc; đã có câu tục ngữ rằng: « Thú nhứt kinh-kỳ, thứ nhì Phố-Hiến », bày tỏ ra đời bấy giờ chỉ có kinh-dô là vui vẻ, rồi tới Phố-Hiến mà thôi. Hai là Hội-an ở phía Nam. Phố Hiến ngày trước nằm ở tỉnh Hưng-yên

bảy giờ, nhưng mà dẫu biến đổi dời, chẳng còn dấu tích, cho nên ta không thể biết rõ được tinh hình người Nhựt qua đó buôn bán ra sao; còn Hội-an là một thành thị đến nay vẫn còn, cho nên không những có sách vở hép lại đành rành mà thôi, lại có một dải cái dấu tích, chứng tỏ rằng người Nhựt đã đẽ chun vào đó từ mấy trăm năm trước vậy.

Hội-an, tiếng tây gọi là *Faifoo*, ta kêu là Phố, là tinh-ly tinh Quang-nam, các dinh-tòa công-sở của tây lập ra tại đó, còn thành quan Annam, lại đóng ở chỗ khác, cách xa 11 cây số. Hội-an nay là một chau-thành phồn-thạnh, ở phía tâ sông Sài-giang, gồm cã 3 làng: Minh-hương, Cầm-phố và Hội-an. Nhờ vi ở ngay bên sông, nên chi việc thông thương với Tourane được tiện lợi lắm.

Gốc-tích cái tên *Faifoo* ngộ lầm: Có người nói tại lúc người Pháp mới sang ta, học bập bẹ tiếng Annam, thấy nơi có phố-xá mua bán, thì hỏi rằng: « *Phai Phố khóng?* », nhơn đó mà sau viết thành chữ *Faifoo* vậy. Lại có người khác nói cái tên ấy là do hai làng Sơn-phố và Cầm-phố mà ra. Song nghe cái thuyết trên, có lẽ đúng hơn.

Cái lịch-sử người Nhựt qua buôn bán ở Hội-an, bắt đầu vào

khoảng thế-kỷ thứ 16. Xem nhiều bức thư của vua Nhựt-bôn đời đó gửi qua cho chúa Nguyễn ta ở Huế, và chúa Trịnh ở Bắc, để xin thông thương, thì biết là họ sang Phố-hiến và Hội-an buôn bán từ hồi ấy. Những bức thư ngoại-giao ở giữa vua ta và vua Nhựt về việc thông thương này, hình như trong trường Bác-cồ Han-di còn giữ nguyên-bản, và nhớ chứng cách đây sáu bảy năm, ông Lê-Du đã có lục ra, đăng trong *Nam-phong*.

Xem các sách của cố-đạo Tây-phương qua truyền-giáo xứ ta, thì cũng biết rõ rằng Nhựt qua Hội-an buôn bán từ thế-kỷ 16.

Trong cuốn « *Nguyễn-thủy sự truyền-bà dão Thiên-chùa ở Bắc-kỳ và ở Trung-kỳ* » (ESSAI SUR LES ORIGINES DU CHRISTIANISME AU TONKIN ET DANS LES AUTRES PAYS ANNAMINES) của ông F. Romanet du Caillaud xuất bản tại Paris năm 1915 có đoạn nói : « Cố-đạo Diego Adverte nói vào năm 1583 (*dời Lê-Thé-tôn*) đã cõng người Nhựt-bôn tại Faifoo và Tourane rồi, nhưng họ ở đó không bao lâu. »

Bầu năm 1618 (*dời Lê-Kinh-ton*) có hai cố-đạo là Busomi và Carvalho, cùng với hai thầy dòng Nhựt-bôn và một thầy Bồ-dào-Nha (Portugal) ghé tàu vào Faifoo đã thấy người Nhựt-bôn buôn bán lẩn-lộn với người Áu-châu và người Trung-hoa nữa. Cách thương-mại ngô cũng phát-đại-lâm.

Đoạn bản về tỉnh Faifoo, cố-đạo Christoforo Borri có viết sơ lược như sau này :

« Năm 1618, người Nhựt-bôn và người Trung-hoa buôn-bán rất thịnh-vượng ở nước Nam. Đến hôm phiến-chợ nhôm tai cửa-bè Faifoo, là họ chiếm được một mồi lợi lớn rất to. Vua xứ ấy (tức là chúa Nguyễn ở Huế) lại hạ lệnh cho họ được phép

« an-cư lạc-nghiệp ở đó. Tỉnh Faifoo rất rộng-rãi, phần giới hạn ra làm hai : một phần người Nhựt ở, còn một phần nữa thì của người Tàu. Đã nào theo phép-luật và phong tục riêng của dân ấy... »

Ngoài mấy cái chứng cứ về sách vở trên đây, thì dấu tích của người Nhựt qua Hội-an buôn bán, còn có một vài cái chứng cứ bằng vật-chất nữa.

Trước hết là cái cầu Lai-viên (來遠橋).

Cầu tuy không lớn lao tốt đẹp gi, nhưng vây mà cũng có thể dùng làm tài-liệu cho nhà sú-học, và làm nơi chiêm-ngoan cho khách du-quan. Cầu lợp bằng ngói, nằm về phía tây tinh-thành. Người Pháp gọi là « Pont Japonais. » Ta kêu là « chùa cầu ». Còn hai chữ Lai-viên tự-dawn mà có ? ai đặt ? Theo Bác-si Sallet thì nói rằng : « Năm Cảnh-hưng 景興 thứ 18 (1757) vua Lê-Hiền-Tôn 裴顯宗 (1740-1786) ngự-giá nam tuần. Đến tinh Hội-an, thấy tàu bè ngoại-quốc tới đóng lâm và một cái cầu, ngoài bên đặt tên là « Lai-viên-kiều » (來遠橋). Tục truyền rằng ngày xưa ta gọi là « Cầu ngói ».

Hai đầu cầu, có 4 tượng thủ ; hai tượng khỉ và hai tượng chó, ngồi đối-diện nhau.

Người ta đoán chứng rằng mấy cái tượng ấy chắc có ý-nghĩa thiêng-liêng gi, nhưng có người Tàu cát nghĩa như vậy nghe cũng thông : « Những tượng chẳng phải là thần, thanh gì cả. Hai con khỉ là chỉ năm Thân, (申) tức là năm người Nhựt khởi công làm cái cầu ấy. Còn hai con chó thì chỉ năm Tuất, (戌) nghĩa là cái cầu ấy phải làm ròng-rã đến 2 năm, từ năm Thân đến năm Tuất mới hoàn-thành vậy. » Cầu ấy trãi mấy trăm năm, đã hư nát

nhiều ; hồi năm 1915, các nhà hảo-tâm ta có quyền tiền đền tu-bổ lại. Hiện nay có 4 tấm bia ghi phuong-danh của những người có công vào việc tu-hỗ và những kè quyên-tiền.

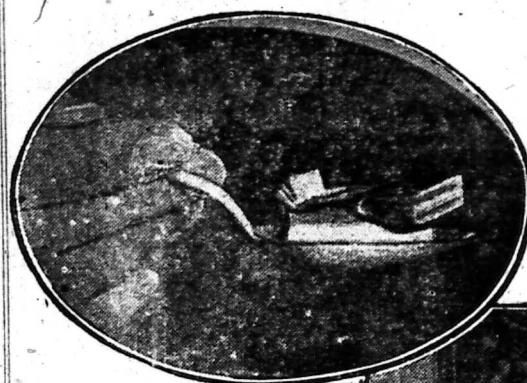
Chính giữa cầu, ở ngay một bến, có cái chùa thờ thần Bắc-Dế. Tục truyền rằng ngày xưa ở chỗ này có yêu-tinh hay quái-nhieu luring-dân, nên phải rước thần Bắc-Dế tối trứ ta yêm qui. Trước khi khởi công, có chôn một cây gươm vàng và 4 tảng đá có vẻ phù-chú.

« Chùa cầu » nằm vào địa-phán lảng Minh-hương, nên lảng sót-ai ấy phải trống-nom nhang khói trong chùa. Mỗi năm đến ngày 20 tháng 7 ta là ngày via, thi có té-lè trong-thè lầm.

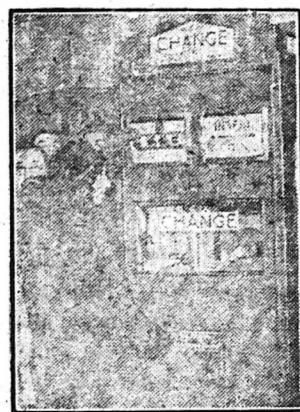
Xem cầu và xem chùa rồi, nay xin mời độc-giả đi xem mấy cái mộ, cũng là di-tích của người Nhựt. Mộ ấy ở cách tinh-thành chừng 3 cây số. Xem cách xây mộ ấy của họ, cũng không khác gì những mộ của người mình và của người Tàu cả ; cũng xây bằng đá-ong, cũng đắp bằng vôi. Duy nhò có mấy tấm bia khắc hai chữ Nhựt-bôn (日本), và tên tuổi cung ngày tháng, thì ta mới nhận được là của mấy người Nhựt ngày xưa đã gửi xương ở đất ta vây. Cả thảy có 3 cái mộ, nằm gần nhau. Hồi năm 1929, có người Nhựt qua sửa sang lại.

Cầu kia, chùa nọ, lai ba ngói mộ này, ấy đều là những dấu-tích của người Nhựt qua đây mấy trăm năm trước đê lại ở xứ ta ; nó chỉ cho ta thấy rằng giống người ấy, ngày xưa cũng còn hú-bai như mình, thế mà mấy thế-kỷ về trước họ đã có gan vượt biển kinh-thương rồi, thì ngày này họ được văn-minh cường-thanh như vậy là đáng lâm. Chờ ta có chút dấu-tích gì đê lại bên Nhựt không ?

V. N.



THU-VIỆN Ở TỈNH CLEVELAND BÊN HUẾ-KÝ, CÓ MÁY CUỐN SÁCH NHỎ NHÚT TRONG THẾ-GIỚI. BA CUỐN SÁCH MÀ ĐỂ VÀO TRONG MỘT CÁI MUÔNG CÀ-PHÈ.



MÁY ĐỒI BẠC Ở THÀNH LUÂN-ĐỐN, AI MUỐN ĐỒI BẠC NHỎ, THÌ CỨ BỎ BẠC LỚN VÀO THÙNG, CÁI MÁY SẼ ĐỒI Y SỐ BẠC NHỎ CHO MÌNH.



RIGOULOT, NGƯỜI PHÁP, LÀ NGƯỜI CÓ SỨC KHỎE VÔ-BỊCH TRONG THIÊN-HẠ; NGƯỜI TA ĐÃ TÔN LÀ «VUA SỨC MẠNH» (ROI DE LA FORCE). ANH TA XÁCH TRÁI TA NẶNG 270 CÂN, ĐƠ LỄN NHƯ KHÔNG. THẬT LÀ KHỎE LẠ THƯỜNG.



THẦN-ĐỒNG ÂM-NHẠC RICCI, MỚI 9 TUỔI RA TRƯỚC RẠP HÁT LỚN Ở NHIỀU-DO, ĐÁNH NHUNG KHÚC ĐỒN THANH TẠO TUYỆT DIỆU, AI CŨNG KÍNH PHỤC.



MỘT NHÀ TRINH THẨM HỒNG-MAO ĐÃ LUYỆN - TẬP CHO CON KHỈ ĐỘT TÊN LÀ BOBBY MIARKO, ĐỨNG CANH GÁC MỘT XƯỞNG CÔNG NGHỆ. NÓ RỘI ĐÈN VÀ TAY CÂM TU-HÍT, NẾU CÓ VIỆC NGUY-HIỂM THÌ THÔI CHO NGƯỜI TA HAY.



MỘT VỊ QUAN TÒA Ở HUẾ-KÝ, QUÈ CẢ HAI TAY PHAI NGÂM VIẾT VÀO MIỆNG, THẾ MÀ MỖI NGÀY KÝ MẤY TRĂM TỜ GIẤY VIỆC QUAN.

TIẾNG MẸ ĐÈ QUÍ HOÁ RA SAO ?

BUỔI HỌC CUỐI CÙNG

(ĐOẢN-THIỀN TIỂU-THUYẾT CỦA ALPHONSE DAUDET)

Dưới đây là một cái đoán-thiên của nhà văn-học đại-danh của nước Pháp, là Alphonse Daudet, tức là thân-phụ ông Léon Daudet, nhà bảo-hoàng và văn-học có tiếng ở Paris bấy giờ. Chuyện có ý-nghĩa rất hay, và tả ra một cách rất cảm-động. Ấy là chuyện vào hồi năm 1871, nước Pháp đánh trận với Đức, mà mất hai tỉnh Alsace và Lorraine. Song ta nên biết hồi Áu-chiến 1914-1918 mới rồi, nước Pháp đánh Đức thua và khôi-phục hai tỉnh ấy rồi.

Bữa sớm mai ấy, tôi vào trường thật trễ và tôi sợ bị quở quá sức, vì ông Hà-Minh (Hamel) nói với chúng tôi rằng bữa nay sẽ học bài Mẹo, nơi chương nói về Bạt-ti-xip (participes), thế mà tôi chẳng thuộc lấy một chữ nào. Có lúc, trong trí tôi định trốn học để chạy ngoài đồng chơi.

Bữa ấy trời khuya sáo, trong treo quả !

Đọc theo mé rừng, sáo hát véo von, còn trong miếng đồng của chú Ri-be (Ripper!), sau nhà máy cưa, thời bọn lính Phổ-lỗ-si đương thao duyet. Nhiều việc vui chơi ấy có sức cảm dỗ tôi mạnh hơn phép Bạt-ti-xip lắm, nhưng may trí tôi kháng cự nỗi, nên tôi chạy riết lại trường.

Chạy ngang qua dinh Đốc-lý, tôi thấy có đông người đứng trước, gần chỗ lối sắt để dân cáo-thị. Từ hai năm nay, chính

chỗ này là chỗ cho chúng tôi biết được nhiều tin tức chẳng lành : nào là tin thất trận, nào là tin giặc tịch ký gia viễn diền sán, nào là các lệnh truyền của quân giặc để cưỡng bách dân binh. Nên chỉ tò vừa nghĩ : « Bữa nay còn hung tin gì nữa đó ? »

Trong lúc tôi chạy ngang qua chỗ ấy thì anh thợ rèn Quách-thè (Wachter) đương đứng đọc tờ cáo-thị với học trò ãnh, ãnh kêu tôi mà nói : « Em nhỏ, em đừng có gấp lắm vậy, thủng thẳng đi, tôi trường cũng không trả đâu mà sợ. »

Tôi trường ãnh ngạo tôi, nên tôi lại càng chạy hơn nữa, đến sân trường của ông giáo Hà-Minh thì đã mệt hết hơi.

Lệ thường, trước buổi học thì học trò làm som sòm, đứng ngoài đường cũng còn nghe, nào là mở tủ ra, đóng tủ lại, nào là cả

đám xúm nhau mà ôn bài lại một lượt, nhọn đọc lớn tiếng quâ, nên ai nấy phải bụm lỗ tai lại để cho dễ hiểu dễ nhớ, nào là cây thước ống thầy đập xuống bàn lốp bốp biêu học trò làm thinh.

Tôi định trông cây nơi sự ôn ào ấy để lẩn lại chỗ tôi, khỏi ai ngó thấy ; nhưng buổi sớm mai này sao lại êm đềm chẳng khác một buổi sớm mai những ngày chúa nhứt. Ở ngoài cửa sổ dòm vô, tôi thấy các bạn học ai nấy đã ngồi chỗ mình rồi, còn ông Hà-Minh thì đi lên di xuống, dưới nách cập cây thước sắt gờm ghê. Thế nào cũng phải mở cửa mà vô chính gõa sự êm lặng ấy. Các ông chắc cũng biết lúc ấy tôi đỏ mặt và sợ sệt bức nào !

Thế mà ông Hà-Minh dòm tôi một cách đầm thấm và nói với

tôi một cách êm ái nhẹ nhàng : « Trò Phờ-răng (Frantz) ôi, cháu hãy về chỗ mau mau, chúng ta định khởi sự, không chờ cháu nữa đó. »

Tôi bước lê và ngồi liền lại chỗ băng tôi. Chừng đó, hơi bớt sờ, tôi mới đề ý thấy thấy tôi bùa nay bùn cái áo duôi tôm màu lá cây thật đẹp của ông quần của ông lần xếp dâng hoàng, đầu đội cái mũ băng hàng đèn thêu mà thường thường ông đề dành những ngày phát phần thưởng hay là ngày thanh-trá đến xét mới dùng.

Và lại, cả lớp học có một cái quang-tanh khác thường và long trọng. Mả đều tôi lấy làm lạ là thấy ở dưới chót lớp học, nơi mấy cái băng (band) trống mọi khi, bùa nay có những dân làng ngồi làm thinh như chúng tôi, nào là ông già Hậu-se (Hauser) với cái nón ba góc của ông, nào là ông xã cựu, nào là chủ trạm cựu, lại còn nhiều người khác nữa.

Ai nấy coi ra vẻ buồn bực lâm và ông già Hậu-se lại có đem theo một cuốn vần cũ mỗi ăn hai bên hứ hết mà lật ngửa để trên đầu gối, deo cặp kiến to vô mắt mà xem.

Khi tôi còn đương lấy làm lạ, thời ông Hà-Minh đã lên trên giảng-dàn của ông rồi. Ông nói cũng bằng một dạng nghiêm nghị, êm đềm như đã nói với tôi khi nãy :

« Các trò em, buổi dạy học này là buổi chót. Ở Bâ-linh đã « truyền lệnh đến, buộc phải dạy « chữ Đức trong các trường An-sách, Lô ranh mà thôi (Alsace et Lorraine). Ông giáo mới, mai này sẽ đến, nên hôm nay là bài dạy cuối Pháp cuối cùng đó. Tôi xin mấy trò hãy rằng « mà châm chิ. »

Mấy lời ấy làm cho tôi bất bình và ngạc nhiên. À té ra quán nghịch-tặc nó dân cáo-thị ngoài định Đốc-lý khi nãy là về vụ uầy đây !

Ôi ! Buổi học chữ Pháp cuối cùng của tôi !

Thế mà tôi mới vừa biết viết chữ Pháp. Thôi rồi, tôi phải chịu vây chờ còn trống gi học nữa ! Bây giờ tôi mới giận tôi đã bỏ phi biết bao nhiêu là thi giờ qui báu, trốn học dặng đi bắt ở chim hoặc là đi lặn lụp dưới sông Saar (Saar) !

Mấy cuốn sách mà mới khi nãy đây, tôi coi là buồn bã, là nỗi ghen, nào là cuốn sách Mẹo, nào là cuốn Thánh-sử, thời bây giờ tôi lại coi nó dường như những bạn cõ-giao làm cho tôi rất đau xót mà không được gần gửi nữa. Cũng như ông giáo Hà-minh, cái canh-huống phản chia xa cách làm cho tôi đau lòng xót da mà quên cả các hình phạt và những « cú » thước của ông đã làm khi nghiêm trị tôi.

Tôi nghiệp cho ông qua !

Vì cái danh dự buổi dạy cuối cùng nãy mà ông lấy đồ y-phục đẹp của ông để dành những ngày lễ và chúa nhật ra mà mặc và bây giờ tôi mới hiểu rằng cũng vì vậy mà nay mấy ông kỳ lão trong làng mới đến ngồi dưới chót lớp kia ! Tinh-hình như mấy ông muôn tổ dấu hối hận sao không thường đến cái trường học này, và nhân dịp ấy cũng muốn cảm tạ bốn mươi năm công giáo-huấn của thầy Hà-minh cùng làm cho dù phản sự đối với quê-hương tan nát..

Tôi mang đương nghĩ ngồi, bỗng nghe tiếng kêu tên tôi. Ấy là tôi phiên tôi trả bài. Cha ! Tôi ước ao đọc được cái phép « bat-ti-xip » ở một cách suôn sẻ rõ ràng đừng vấp, đừng nhảy biết là bao nhiêu ! Dẫu đỗi cái chỉ mà được như ý nguyện ấy tôi chắc cũng chẳng hề từ ! Nhưng khốn thay, mỗi vừa ít tiếng đầu thi tôi đã ú ớ bợ ngọt rồi ; tôi đau xót quá, đừng đó làm thinh mà lắt qua lắt lại, chẳng dám

ngược mặt lên. Tôi nghe tiếng ông giáo Hà-minh nói với tôi : « Thầy không quở trò đâu, ở trờ Phờ-răng (Frantz), trò tự phạt lấy trờ đã đủ rồi ! » Đó, bây giờ là vây đó ! Ngày nào chúng ta cũng nói : « Không hề gì, tôi có ngày giờ mai tôi sẽ học ! » Rồi bây giờ việc đã đến như vầy mới biết. Thật, cái khóc của xí An-sách chúng ta là cái tắt trong việc học-hành hay hẹn đề ngày mai. Bấy giờ, những kẻ kia họ có thể nói với chúng ta rằng : « La, mấy người nói mấy người là Lang-sa sao mấy người chẳng biết đọc mà cũng chẳng biết viết chữ Lang-sa ? » Trong việc ấy, lôi không phải chỉ một mình trò em đâu, Phờ-răng à ! Chúng tôi đây mỗi người đều có một phần lỗi ở trong cả ! Cha mẹ mấy trò không dốc lòng lo cho mấy trò ăn học. Họ chỉ muốn cho mấy trò làm việc ngoài đồng hay trong nhà máy sợi được có thêm một vài đồng tiền. Chính tôi đây, tôi trong sạch chẳng có tội lỗi chi sao ? Tôi chẳng có khi biểu các trò dùng ngày giờ học đề mà trước vườn cho tôi sao ? Và những lúc tôi buồn đi câu cá, tôi có ngăn ngại gì mà cho các trò nghỉ học chăng ?

Rồi, bắt chuyện này sang qua chuyện khác, ông Hà-Minh mới nói đến lịch-sử tiếng lang-sa, ông cho rằng nó là một thứ tiếng đẹp nhất trong thế giới, rõ ràng như, bền vững như ; và ông dạy chúng tôi phải giữ lấy nó đừng quên, vì khi nào một dân-tộc bị ngã làm nô lệ, nếu dân-tộc ấy giữ được tiếng nói minh đừng mất thì cũng kỹ như nó nắm chìa khóa cửa ngục nó trong tay vậy. Rồi đó, ông Hà-Minh lấy cuốn sách mẹo dở ra mà đọc cái bài học hôm nay của chúng tôi.

Tôi lấy làm lạ sao tôi hiểu một cách dễ dàng quá. Những lời ông nói sao nghe dễ, dễ làm sao !

Tôi lại thấy đường như không có lần nào tôi châm nghe như lần này và ông giáo Hà-Minh cắt nghĩa một cách tiêm tất chẳng có lúc nào bằng bừa bộn nay! Tinh-hình như trước khi phản cách chúng tôi, ông muốn san sớt cho chúng tôi tất cả sự hiểu biết của ông, ông muốn đem hết vào trong óc chúng tôi một lần.

Bài học xong rồi tới bài tập viết. Hôm nay, ông Hà-Minh lừa cho chúng tôi toàn những kiểu mới trên ấy viết bằng điệu chữ « Ròng » (*ronde*) rất khéo : An-sách, Pháp, Pháp, An-sách (*Alsace, France --- France, Alsace*). Viết rồi treo tập trên nắp tủ coi cũng như những lá cờ nhỏ nhỏ phép phơi cả lớp. Ai nấy cũng đều « gò » viết thật đẹp, và đâu đó lặng trang ! Chỉ có nghe ngồi viết quâu dưới giấy rộn rột mà thôi. Một lúc, có những con bù-xít bay vào mà chẳng có ai để ý đến nó, cho đến mấy đứa nhỏ xiếu dương lò dò lặng một.... chúng nó cũng dùng hết tâm trí mà đồ một cách kỹ càng, đường như những lăng một ấy cũng là chữ Lang-sa vậy !

Trên mái trường, bò câu đương túc, tôi vừa lòng tai nghe tiếng túc của chúng nó vừa suy nghĩ : « Rồi đây người ta có buộc mấy con bò câu này túc bằng tiếng Đức chẳng ? »

Thỉnh thoảng, tôi cầm lên thi thấy ông Hà-minh ngồi êm trên ghế, mắt ngó chằm chằm từ mòn đồ, đường như ông muốn đem theo trong cái ngó của ông cả cái nhà trường nhỏ này...

Các ngài thử nghĩ giùm cho ông ! Đã bốn mươi năm ông ngồi chỗ đó, cái sân trước mặt, cái lớp cũng giống in như vậy. Chỉ có mấy cái bàn và ghế khi bị chà letto mà mồi ngày thêm láng ; mấy cây sao ngoài sân lăn lăn cao lên, những dây bông chính tay ông đã trồng thì nay nó leo ch璇n trên cửa sổ chí nóc trường.

Đau lòng cho thầy tôi vì người phải xa cách những vật xưa cũ này biết bao !

Mà cũng đau lòng cho chúng tôi chẳng k, khi chúng tôi nghe tiếng bà em của người đi tôi đi lui ở phòng trên và lo vò đồ vào rương tráp, vì mai này là hai anh em thầy phải đi rồi, đi biệt khỏi xứ này rồi !

Dầu thế, thầy tôi cũng đủ cảm-dâm mà dạy cho tôi hết buổi học. Khi hết giờ tập viết rồi thì tôi giờ Sứ ký, sau đó thì mấy trò nhỏ tập đọc ba, be, bi, bo, bu. Đang chót lớp kia, ông già Hậu-se mang kiến vò và cầm cuồn vần hai tay, miệng thì đánh vần với trẻ nhỏ. Ai cũng thấy rõ ông châm chỉ là đường nào, vì cầm-động quá nên tiếng ông hơi rung, và nghe ông đọc lạ tai quá, nên chúng tôi vừa buồn cười vừa buồn khóc ! Ôi ! Tôi chừng nào tôi cũng còn nhớ đến cái buổi học cuối cùng này !

Thoạt, đồng-hồ gõ 12 giờ, rồi chuông nhà thờ đồ nhứt-một (*angélus*).

Trong lúc ấy, dưới cửa sổ trường chúng tôi dội rền tiếng kèn của bọn lính Phô-lô-Sỉ di duyet về... Ông Hà-Minh đứng dậy, mặt tái ngắt... Không có lúc nào mà tôi coi ông được hùng-vĩ như lúc này !

Ông mở miệng nói :

« Các bạn thiết ôi ! Các bạn thiết ôi ! Tôi... tôi... » nhưng cái chi chận họng, ông nói không ra lời. Ông liền dạy qua phía tấm bǎn đen, lấy một cục phấn và rắn súc đè lên bảng mà viết thật to mấy chữ :

« Đại-Pháp vạn tuế ».

Rồi ông đứng đó, dựa đầu vào vách, làm thinh mà tay thiết hất ra dấu cho chúng tôi biết : « Hết rồi... các anh hãy về đi. »

DỊCH-GIÃ :

PHAN-VĂN-THIẾT

Luật-khoa cũ-nhơn

Giày thừa...

Trái đất ta bao nhiêu tuổi ?

U (uranium) là một chất hóa-học nguyên chất, tự nhiên sanh ra, cũng là một loài kim-màu trắng như bạc, minh cũng như sắt. Cái nguyên-tử của nó, lần lần biến-hóa phân-giải, mà thành ra Chì (*Plomb*). Mỗi dây đồng hồ hay là mỗi thế-kỷ, cái nguyên-tử của nó biến-hóa phân-giải ra được bao nhiêu Chì, người ta có thể tính ra mà biết đặng.

Bởi vậy, lấy một cục đá, người ta xét coi trong đó có bao nhiêu chất Do và bao nhiêu chất Chì, là biết cục đá ấy lâu bao nhiêu năm rồi. Bao nhiêu chất Do mới có thể sanh ra được bao nhiêu chất Chì, đã có lệ nhứt-dịnh của nó. Nhờ vậy mà có người xét nghiệm mấy cục đá rất cổ, biết được tuổi của nó là 6.000.000.000 (sáu ngàn triệu) năm.

Tuổi của trái đất, tất nhiên là phải già đời hơn mấy cục đá ấy, cho nên người ta mới đoán rằng tuổi của trái đất, ước chừng từ 8.000.000.000 cho tới 10.000.000.000 năm.

Biển có bao nhiêu nước ?

Nước chứa trong các biển, ước chừng được 10.000.000 dặm vuông Hồng-mao.

Số nước nhiều như thế đó, nếu nó không ở trong biển sâu, mà tràn lan khắp cả mặt đất thế giới thì thế-giới thành ra cái biển mây mỏng, nước sâu tới một dặm ruộng Hồng-mao.

Trái đất cản nặng bao nhiêu ?

Theo như nhà khoa-học đã đoán phỏng, thì trái đất ta nặng tới :

5.885.516.000.000.000.000 tấn.

Thật con số như thế không biết đọc làm sao được nữa,



NÓI CHUYỆN THI



Thi tuy là một món văn tiêu-khiển, song bởi nó là nghệ mỹ-thuật, cho nên nhiều ngườiưa. Phàm những bài thi có tư-tưởng mới, có ý-vị hay, hoặc lại vẽ được các cảnh vật tốt đẹp ra như thiệt thi đọc đến không những khiến cho người ta vui sướng trong óc, mà lại có thè cảm đế i cỏi lòng. Bởi vậy, đã có người nói: những câu thi hay thiệt có thè cảm được lòng người rất chóng.

Nghề thi, đời còn có người chuộng đến, thi chuyện thi tưởng cũng nên đem nói qua.

Nói đến thi nôm, ta nên chia làm hai lối. Một lối theo thè thi Tàu, như thi trường-thiên cõ-thè, thi đường-luat thất-ngôn, ngũ ngón v.v... ; một lối riêng là thi ta, như thi lục-bát song-thất-lục-bát.

Cứ riêng ý tôi thi bao giờ tôi cũng chuộng lối thi ta, vì chẳng những nó là cái tinh ba riêng của nước nhà, mà cái phạm-vi làm thi lại được rộng-rãi hơn lối thi Tàu, nghĩa là không bắt buộc người ta phải noi theo cái khuôn phép hạn-dịnh mà gò-gầm dối chắp, mất nhiều công-phu tì-mỉ. Bởi vậy, năm xưa, trên báo *Phụ-Nữ Tân-Văn*, tôi đã có lần bàn kỹ về hai lối thi ta, mong cho có nhiều bà con chuộng mà tập lấy.

Thế nhưng xét ra, hai lối thi ta ngày nay hình như vẫn chưa được một số đông người biết chuộng. Mở các tập thi-văn xuất-bản và các báo-chương hằng ngày, thường chỉ thấy nhan-nhản những bài thi nôm đặt theo thè Đường-luat, mà những bài lục-bát, song-thất-lục-bát thi họa-hoắn mới thấy. Vậy thi biết cái thú ngâm thi điệu Tàu tiêm-nhiêm vào óc người minh thiết dã lâu, không thè một ngày mà bỏ ngay được vậy.

Phải, vẫn biết thi nôm đặt theo thè Tàu, âm-hưởng, ý-nghĩa vẫn là của ta, ta đọc vẫn là có thú, song thi dã đặt theo thè Tàu thi tất phải noi một cái khuôn phép, nhưt là theo lối Đường-luat, đặt

lấy một bài cho có thè nghe được, không phải là dẽ đâu! Cần phải có công-phu về « thi-học » thì mới được.

Ta xưa nay chưa có quyền sách nào viết bằng tiếng nôm dạy cách làm thi, cũng chẳng có quyền nào bình-luận kỹ-càng về những thi hay dở, dẽ cho ngày nay ai học làm thi có thè xét đó mà luyện-tập lấy. Phần nhiều người biết làm thi đều do trước đây sở dắc ở sự đọc sách Tàu. Lại cũng có một số ít người, vốn có biệt-tài về văn thi mà lại chịu xem, chịu tập, nên mới hạ-bút viết thành thi được. Còn một phần rất đông các bạn tân-tiến, ta làm thi, song không biết đâu là khuôn phép để noi theo, thành-thử cứ ngâm, cứ viết cho đủ câu, đủ vần, mà hay dở không tự phân-biệt được.

Các bạn làng thơ tân-tiến ngày nay, đại-khai có hai hạng.

Một hạng muốn lấy các bậc thi-ông đời trước làm mẫu-mực, thiỷ nói đời trước những ông nào thi hay, thi tim đọc thi của những ông ấy, dẫu có bài dở cũng tấm-tắc khen hay, rồi bắt-chước luôn. Do đó mà thi mình rồi đến thành ra quê-kêch, vô-vi, vì bắt-chước cái hay thi khó, mà bắt-chước cái dở thường dẽ vậy.

Hạng này mà mắc phải cái lầm, chính là bởi tại mấy nhà in sách không biết lựa chọn những thi hay dở, chỉ biết in nhiều mà bán cho họ xem! Không kè hai quyền « Văn dàn-bưu-giám » xuất-bản ở ngoài Bắc mấy năm trước, lầm chò in lầm, nhặt bậy, có mấy bài của các cụ ngày xưa đọc dừa, đọc dở, họ cũng vor-vét cả vào, làm cho người đọc có khi lầm mà noi theo, đến dỗi một bạn làng báo dã phải có lần công-kích; hay nói ngay đến ông Sở-Cuồng Lê-Dư vốn là một người có học-thức, mà tập thơ « Tú-xương » gần đây ông đem xuất-bản, cũng có nhiều chỗ tôi rất lấy làm than-phiền.

Ông Tú-Xương là bậc thi hay có tiếng, xã-hội vốn đã từng biết; dem thi ông Tú-Xương mà công-bổ, tất-nhiên là có ảnh-hưởng cho làng thi. Vậy thi-tưởng ông Lê-Dư cần phải xét kỹ những bài nào không hên công-bổ thi bỏ bớt đi mới phải.

Vị-xuyên có Tú-Xương,

Dở dở lại ương ương.

Cao lâu thường ăn quít, (1)

Thở dở lại chơi lường (!)

Đó chẳng qua là lúc ông Tú đọc dừa, đọc dồn với bạn cho vui, chứ không phải là ông đã chơi lường, ăn quít! Can chi ông Lê-Dư chép vào, để làm một cái « gương không tốt » cho người sau? Vâng lại cứ theo phuong-diện văn-chương mà bàn, thì bốn câu đó ý vị chẳng có, lời lẽ cũng không; dù biêt là ông Tú ứng-khâu đọc chơi mà thôi, không ngờ đâu đều sự truyền-tụng về sau. Vậy nay ta bỏ đi là phải.

Gặp ván bài đèn dã chẳng ủ, (1)

Nào ngờ lại gặp chủ phi-lu.

Đỗn thi xin trả ngay cho tôi,

Chẳng trả thi xoi cái tữ-cù (!)

Áy cũng lại là một bài đọc dồn trong khi đánh bài đó mà thôi. Nếu bảo bài ấy là hay, thi thiết-tưởng cứ gì phải đến ông Tú-Xương, ngày nay những anh có tài hoạt-khâu đều có thể đọc được những thơ tầm-bậy như thế.

Bất-luận ông Tú-Xương hay đến ông nào nữa, mà có những bài như vậy, cũng không có thể đọc mà chuộng được. Vậy mở đến tập thi nào mà eoi, ta cũng nên xét, nếu lựa chọn kỹ thì mới phải.

Còn một bọn nữa là bọn tuyệt-nhiên không hiểu thi-pháp, song họ có tư-tưởng mới, phảm đặt một câu thi là họ gieo ngay ý la, lại cố nặn cho lời mới-mẽ thêm, song lời không đạt-ý, thành ra ngày ngô, Tàu chẳng ra Tàu, Tàu chẳng ra Tây, mà thi ta cũng lại chẳng phải! Cái bọn này, hiện nay thiệt có nhiều lầm, chẳng cần phải nói đâu xa, cứ xem ngay ở các mục Văn-uyên, Thi-dân trên các tờ báo hàng ngày, ta thường thấy có những thi như vậy,

Họ chẳng biết dùng chữ Hán, cho nên họ đặt:

« Lung trời nỗi một trán phong-ba ! »

thì lung trời làm chi có sóng?

Họ muốn đặt theo văn Tây chèo nên có câu:

« Cố-huong che khuất bởi hàng tre »

thì nếu gặp người không hiểu chữ Pháp mà đọc câu ấy, tất không hiểu nghĩa!

Nhưng đó là kẽ qua một vài câu, cho rõ cái bọn này là dở, chứ còn những thơ dở hơn thế ấy nữa, kẽ thiệt không sao xiết.

Về bọn này mà càng ngày càng phát-lộ những

thi dở mãi, bởi tai nhiều cờ : một là bởi các nhà báo cứ chiều lòng đăng thi cho họ, làm cho họ càng ham, càng làm ; hại là tại các nhà bình-phẩm cho là những thi rơm-rác, bỏ không nói đến, làm cho họ không biết cái dở mà dỗi. Sóng còn có một cờ thứ ba nữa, là tại ngày nay không có được một cuốn sách nào dạy cách làm thi cho xác-dáng, thành ra họ mới không có phuong-châm mà cứ sai đường, lạc lối như vậy.

Cần phải có thi học ! Các bạn làng thi nên đề-ý đến việc đó !

Tôi vẫn thường lấy làm tiếc rằng : Các bạn thanh-niên ngày nay nhiều người đọc Pháp-văn, thâu-thái được những tư-tưởng cao xa, mới lạ, nếu chịu đê tâm về nghề thi, luyện lấy ám-điệu lời lẽ cho khá, đê đạt được cái ý-tưởng trong khi làm thi, thi rường thi nôm ta, tất sẽ trở nên tuoi tốt. Điều đó tuy còn ở sự mong mỏi, nhưng các bạn cố lên, tưởng cũng có ngày trông thấy.

Tôi có biết một bạn thanh-niên, thường vẫn có bài đăng báo, ký tên là Nam-Hương, vốn là một nhà Pháp-học, chữ Hán không biêt mấy. Ký cho cái ông ấy ! mươi năm về trước, thi làm dở quá, thế mà chịu khó luyện-tập, chỉ trong vài năm đã thấy phát ra được nhiều bài hay. Nhờ vào khoảng năm 1921, ông có một bài vịnh mưa, bốn câu giứa rằng :

Thái-dương hẹn mặt, về đâu mất,

Tạo-hoa thương đời khóc dở a ?

Mái ngói dương vây dừa với nước,

Tường với tro mộc dở cho nhà.

Tôi đọc, rất lấy làm lạ, vì mới hai năm trước, thi của ông ta, tôi không buồn nghe, mà đến bây giờ thi của ông bỗng thấy tiến lên một cách rất lạ : lời lẽ rất hay mà ý-tưởng là mới mẻ ! Duy có chữ « tro mộc » đối với « dương-vây » thi không cân, cứ như ý tôi thi tôi phải đổi làm « do ngure » mới phải. Áy, đã làm thi cần phải tỉ-mĩ như thế.

Ông Nam-Hương lại có bài « Vịnh trung vệt nở con », tôi còn nhớ được bốn câu :

Tuy دائ cha gà mang tiếc bạc,

Má cưng me vệt vẫn lòng sơn.

Ít lâu mọc dũ long cùng cánh,

Vùng-vây tha hổ với nước non !

Hai câu trên đối rất chỉnh, lời rất hay, hai câu dưới lại có cái khí-tượng hùng-hỗn, khảng-khai, thiết-tưởng những nhà cựu-nho có công về thi-học đặt ra, vị-tắt dã hay hơn được. Xét vậy dẫu biêt hế chịu xem nhiều thi nôm, chịu tập đặt nhiều thi nôm, thi qua cái hồi dở trở nên thơ hay, cũng không mấy chốc. Trái lại, nếu cứ nhặt liều, viết bậy, thi nghề thi chỉ thấy một ngày một dở thêm.

(1) Tiếng Bắc, nghĩa là không trả tiền.

(1) Tiếng Bắc, nghĩa là « tôi », theo cuộc bài bạc,

Các bạn làng thi ngày nay, nghe đến cái tên hai ông : Nguyễn-khắc-Hiếu và Trần-tuấn-Khai, chắc cũng không lấy làm lạ. Hai ông đều làm thi nhiều, mà đều cũng được nhiều bài hay, ai nghe cũng đã đều biết. Song ta nên biết rằng : hai ông ấy đối với nghề thi kẽ cũng đã tồn nhiều công-phu lâm. Nhứt là ông Nguyễn-khắc-Hiếu, lại là một tay « đéo gọt » thật khéo, khác hẳn với cái tài tự-nhiên của ông Tú Xương ngày xưa.

Nay nhơn nói chuyện thi, tôi muốn trích một ít câu của các ông ấy ra mà trách-bị một đôi chồ, cốt để tỏ ra rằng : làm thi ít người hay được đú giọng.

Mà thật, thơ ông Khắc-Hiếu rât là tốt đẹp khéo, song nói cho phái ra, thường kém vẻ hùng-hỗn. Còn thi ông Tuấn-Khai thi nhiều câu có giọng rất hùng, song lại lầm chồ dùng chữ hay ép, lầm chồ đặt câu không luyện. Tôi đã dè ý xét kỹ mà biết được như thế.

Ông Khắc-Hiếu có những câu ở trong bài :

« TÀY-HỒ VỌNG-NGUYỆT »

*Mảnh tin sẻ nữa ngày vì nước,
Tri-ký trong lén đứng tận trời.*

Và mấy câu ở bài « Hồi chí HĂNG » :

Cung quế có ai ngồi đó chĩa ?

Cành da xin chỉ nhắc lén chơi.

Cùng là vịnh chồ Thúy-kiều hầu tiệc Hồ-Tôn-Hiến :

Bồi hàng nước mắt, bồi làn sóng,

Nữa đâm ma chồng, nữa tiệc quan

Đều là những câu ai cũng chồ là hay, song cái hay ấy, gồm ra, đều do ở sự « nặn nợt », chồ cái vẻ hùng-hỗn tự-nhiên không có. Ngoài những bài ấy ra, ông cũng có nhiều bài hay, nhưng lại hay về vẻ buồn, như :

Đêm suồng vó : ôi cái suồng-suồng,

Suồng bạn, suồng tình, rượu cũng suồng !

Lại những câu như :

Bụi nhơm mặt trắng da đen xạm,

Tuyết nhuộm đầu xanh tóc bạc phơ !

Thơ nghĩ chưa ra, già đã tối,

Buồn chẳng ai hỏi, bạn làng thơ ?

Thì đối đầu có khéo, lời đầu có hay, nhưng nếu lục đêm thanh, đem những câu đó mà ngâm, ngâm xong có lẽ khiển người phải đến gốc xuống mà ngủ !

Song đó là mới nói về những câu thi hay, còn những câu thi hỏng của ông Khắc-Hiếu, tưởng cũng nên biết. Hồi ông đương làm chủ-bút cho Tạp-chí HỮU-THANH, có viết ở đầu tạp-chí một bài, nhớ hai câu rằng :

Dám đâu sờn núi kêu con phượng,

Ấu cũng trên cảnh hót cái oanh.

Con phượng kêu, con oanh hót, mà đảo ngược hai tiếng động-tử lên, thật cũng là thi pha giọng

tay vây, theo thi-pháp mà nói, thì câu ấy thật hỏng ! Lại năm trước, ông mừng Bắc-kỳ Thời-báo, có câu :

Bắc-kỳ đồng-nghịệp bao nhiêu ban,

Thời-báo ra đời lai có anh.

« Đồng-nghịệp » là tiếng chữ, đối với « ra đời » là tiếng nôm, thi không được cần, mà chữ « Anh » ở dưới lại càng hỏng lâm. Một tờ báo mà có thể gọi là « Anh » được ru ? Hay ông nghĩ rằng : mừng báo là mừng người đứng chủ-chương báo, « Anh » ấy là anh Chủ-nhiệm, anh Quản-ly chăng ? Nếu vậy cũng không được, vì ông đã ha mấy chữ « Thời-báo ra đời » là nói về tờ báo kia mà !

Nhưng thôi, cái hỏng của thi ông Hiếu vẫn là phần ít, mà cái hay vẫn là phần nhiều, duy có cái phần hùng-hỗn ở thơ ông thi thiệt không thấy mấy. Họa chăng tôi chỉ thấy được mấy câu ở trong bài ông công-kích một ông quan ăn tiền năm xưa :

Hơi đồng dã sach mõm quan lớn,

Mặt sắt còn bía miệng thế-gian.

Cũng bối thẳng dân ngu quá lợn,

Cho nên quản nó dè làm quan

Ấy thế là hùng hơn hết mà thôi.

Nói đến thi ông Trần-tuấn-Khai, thi lời thơ tuy phần nhiều không được diễm-lệ bằng thi ông Khắc-Hiếu, song câu nào của họ Trần đã luyện, thì đọc thấy có vẻ rất trầm-hùng. Mà cũng có nhiều câu, ông đặt đầu có gợt nặn, song lời thi vẫn thấy cứng-cáp, và cái ý-tử trong những câu thi của ông, hình như chuông lắc rõ-ràng, cho nên người đọc thường dè cảm. Như bài đề đèn Thục An-dương-Vương :

Nỗi thiêng hờ-hững dây oan buộc,

Giêng ngọc voi dày giọt lệ pha.

Thì tưởng lời thi cũng đẹp mà cũng mạnh mẽ lắm chờ !

Còn những câu như :

Gió thiết mưa gầm buỗi cạnh-tranh,

Trống tuồng thiên-diễn giục thâu canh.

Hồi ai trong giấc hoàng-lương đó,

Sáu sét năm châu có giựt mình !

Thì tức là những câu thi hùng-hỗn của ông đó. Song họ Trần có một chồ đáng tiếc, là chính trong những bài thi hay mà thường cũng có câu dùng chữ quá ép, hoặc không ổn. Như bài « Vịnh Hộ Pháp ở chùa », hay suốt từ câu mở cho đến câu thứ bảy :

« Quê quán nơi đâu, tánh-tịp gì ?

Nhắc trong to lớn bộ gan lì !

Khoanh tay chống kiềm coi ai đó ?

Trọn mắt trông đời biết sự chi ?

Dã trót vụng-về tay té-dở,

Lại còn kiểm-chắc khách từ-bí !
Cửa không dấu có con người thế !....

Mà câu thứ tám ông nở hả luôn ;
..... Thế cũng râu-ria mủ áo thi !....»
thành ra một câu vô - nghĩa ! Chữ « thi » ở đó
không phải là tiếng bỗ lồng, vì sau nó chẳng có ý
gì ở ngoài tiếp theo được nữa ! Nếu đổi tạm :

Thế cũng râu-ria cũng một vi.

Thì dầu cũng chẳng hay ho gì, nhưng nó còn
có nghĩa hơn.

Ấy là lấy những bài hay mà lôi ra những chữ
ông đặt ép như vậy, còn những bài tầm-thường
mà ông không đề ý diêu-luyện, thì những chữ hạ
không được ôn thiệt-thay có nhiều.

Đại khái như là những câu :

Chài lười phen này chừng bờ lâm,
Riêng ai thương đến bạn nồng dây !

Và :

Cái hại thiên-tai là thế thế,
Nhà nồng ai biết cải-lương ngay ?

Thì mấy tiếng « Đây » với « Ngay », ai đọc đến
cũng phải biết là ông đặt hơi « ép », thành ra câu
thơ không được êm tai cho lắm.

Tuy-nhiên, câu thơ hay dở, ta cần phải biết, song
ta lại cũng nên hiểu rằng : phàm dã làm nhiều,
thì ai lại có bài nào cũng hay dượ : cả. Cụ Cao-
Chu-Thần nước ta khi xưa đọc Đường-thi, mà còn
tìm ra được vô-số những chỗ đáng bê-bác, thế thi
ông Hiếu với ông Khải ngày nay có nhiều chỗ nên
chê, tưởng cũng không lấy chi làm lạ. Nay chỉ
mong rằng : những người còn chưa theo kịp ông
Hiếu, ông Khải, hãy nên cố lên.

« Bình-phẩm vốn là sự dẽ », tôi cũ ghiết vâ, song
đương buổi làng thi lộn-xộn như ngày nay
thì sự bình-phẩm không phải là không cần. Bởi
vậy tôi lại cũng mong : sẽ còn nhiều lần được nói
chuyện thi cùng các bạn.

NGÂU-TRÌ
Trịnh-dinh-Rư

Cái bụng của xứ Đông-Dương

Xứ Đông-Dương một năm ăn hết bao nhiêu trâu
bò, heo ? Xét theo ba cách chính, là :

1. Giống vật đem giết ở các lò thịt trong thành-
phố, các tỉnh, các xã, có người của nhà-nước
xem xét.

2. Trâu, bò, heo, giết không đem đến lò thịt, chỉ
do các quan-chức địa phương cho phép. Ấy là
trâu bò giết trong những dịp định đám, cúng bái.

3. Giống vật giết thịt ở các miền rừng núi, không
ai kiêm xét như các dân Mường, Moi, Thái v....

Giống vật đem giết ở các lò heo năm 1930 là :

3 muôn con bò,
2 muôn 2000 con trâu ;
69 muôn 3000 con heo.

Giống vật đem giết ở các lò thịt, ngày một già
tăng : như giống bò năm 1925, chỉ giết có 6 muôn
1 ngàn, mà năm 1930, tăng lên những 8 muôn con
rồi. Cũng một thời-kỷ đó, số heo tăng lên từ 50
muôn 8 ngàn tới 69 muôn 3 ngàn.

Ở trong các thành-phố, số thịt tiêu thụ cũng
tăng lên.

Theo bản thống kê năm 1931, tổng cộng các xã
trong xứ Đông-Dương được 3 muôn 5 ngàn 869,
chia ra ở xứ Bắc-kỳ được 1 muôn 1 ngàn 279 xã ;
Trung-kỳ được 1 muôn 469 xã Nam-kỳ 1592 xã,
Cao-miên 1167 xã, xứ Lào 1 muôn 1.414 xã. Nhơn
số ở các xứ Bắc-kỳ là 8 triệu 6 muôn 2 ngàn,
Trung-kỳ 5 triệu 48 muôn, Nam-kỳ 4 triệu 37 muôn
5000. Cao-miên 2 triệu 46 muôn 7000; Lào 91 muôn
Tổng cộng nhơn số trong năm xứ Đông-Dương là
21 triệu 29 muôn 4 ngàn.

Thì giờ làm việc trong một đời người

Theo như số thống-kê về cái hạn tuổi của loài
người, thì hạn tuổi thông thường của người ta đại-
trước cứ từ 50 đến 70 tuổi. Tính trung bình thì mỗi
người sống được 60 tuổi.

Trong cái số 60 năm ấy, nay thử trừ bỏ những
thì giờ ăn ngủ và nghỉ ngơi, còn được bao nhiêu
là thì giờ làm việc.

Thời-gian chịu giáo-duc phỏng là 15 năm.

Thời gian nghỉ ngơi là 7 năm rưỡi (các ngày
nghỉ trong mỗi năm cho là 50 ngày, vì đau yếu
mà nghỉ cho là 10 ngày).

Thời gian ăn uống là 4 năm 8 tháng (mỗi ngày
tính hết 3 giờ).

Thời gian ngủ là 10 năm 11 tháng (theo một hạn
định 10 giờ đi ngủ, 5 giờ thức dậy).

Thời gian nghỉ ngơi sau khi ăn cơm là 18 tháng
(mỗi lần nghỉ sau khi ăn cơm 15 phút).

Trừ những thời-gian đã kể ở trên, còn thời-gian
làm việc của người ta chỉ còn độ 21 năm 1 tháng.

Thời-gian làm sự nghiệp chỉ còn ngắn ngủi có
thể, nếu không ra sức làm việc thì khi hết đời,
chẳng làm xong được một sự nghiệp gì, cái khoảng
21 năm ấy cũng thành ra một thời-gian bỏ đi, thật
đáng tiếc vậy.

DÔNG-PHẬP



NỒI BUỒN CANH KHUYA

Trần-trọc canh khuỷu đứng lại ngồi,
Nồi riêng vơ vẫn một mình ai;
Khối sầu dắp dỗi cùng non nước,
Tất-dạ bàng-khuâng với đất trời;
Mong bạn bạn đà xa cách mặt,
Trông trảng trảng cũng lùng-lờ dời.
Nồi buồn vỉ bàng đêm nay cả,
Ruột héo gan mòn chờ chằng chời.
·Binh-hải TÀ-QUANG-NINH

NHÓ CÁNH VƯỜN

Xe ngựa lảng-xẳng giữa thị thành,
Sao bằng thanh-tịnh chốn nhà tranh.
Cây to bóng rợp cảnh che tán,
Cỏ rậm hoa thơm gió thoảng mành.
Ngày vắng ngâm-nga thơ quốc-ngữ,
Đêm trường thành thót tiếng đòn
tranh.
Người đương vui cảnh cảnh đương
thú,
Gió buổi nay sao bỗng dấn minh ?

ĐÊM THU CHƠI TRĂNG TRÊN
ĐÔNG-HỒ

Một chiếc thuyền con dạo dạo bờ.
Bóng trăng dấy nước nước dấy hồ:
Nghìn cây đậu bạc l่าน-lận điểm,
Một mái chèo đưa vắng-vắng xa;
Chén rượu tinh say câu chuyện cõ,
Đường tờ khoan nhặt khúc dòn la.
Gió thu hiu-hát sương thu lạnh,
Tiếng quê gào trong bóng nguyệt tà.

TỰ CẨM

Một ngọn đèn chong một bóng ta,
Canh thâu nghỉ ngơi nỗi gǎn xa;
Riêng than đường-duc ăn chưa trả,
Thảm túi công danh tác dã già.

Hao áo hao cơm hao của thế,
Hồ nghiên hồ bút hồ con nhà.
Thôi thôi cũng quyết phen này nữa,
Tôi mặt con em đất nước Hà.

BẠCH-NHƯ (Hà-tiên)

TRỌNG-THỦY MỸ-CHÂU

Nam Bắc gầy nên cuộc chiến hòa,
Mưu sâu nhũng ước mối thông-gia.
Đem trai gắn-bó lo thù nước,
Gà gái dinh-ninh gò nạn nhà.
Lòng ngồng đưa đường chống hẹn
vợ,

Móng rùa thay máy rẽ lừa cha.
Nước dời như thế nên suy kỵ,
Thành-tín làm chi, giả dô mà!

ĐÊM THU NHỚ NHÀ

Ai giải ăn tình ta,
Đêm thu nghỉ nhớ nhà.
Mong người khi sớm tối,
Tưởng bạn lúc vào ra.
Giải-trí kỳ thi túc.
Đi tinh tuyệt nguyệt hóa.
Hồn quê vơ vẫn mãi,
Muốn sống phải lo xa.

Vị-thường VŨ-BẮC

CÁI ĐÔNG HỒ

Thẩm-thẩm cung gương mờ mặt
mày,
Anh-hùng dụng được mấy nhiêu tay.
Vành tròn tâ-hữu kim thường trò.
Xếp chặt kiền khôn máy vẫn xoay.
Đầu mờ dã từng năm tháng hướng.
Bụi rờm chí quản gió máy bay.
Đúng giờ công việc cho ngơi nghỉ,
Chút lượng yêu dân chin giải bày.

NHÂN-VÂN-ĐÌNH

HỘI XUÂN

Nghe nói xuân về dấy bác ơi !
Ta tìm ta hỏi chú xuân chơi :
Non sông Lô Tân bao ngàn dặm ?
Con cháu Rồng Tiên mấy triệu
người ?
Ngọn đuốc văn-minh soi khắp chốn ?
Con đường tiến-hóa có ngăn ai ?
Nay xem bè Á co xuân lại,
Chén rượu mừng xuân bác với tôi.

TIỀN BẠN ĐI NAM-KÝ

Ai xui Nam, Bác rẽ đòi đường ?
Một bước phân ly, một đoạn-trường.
Đò nặng dây chèo nhò dấy chổng,
Gánh to mình dở dẽ tội mang.
Sao cho trọn vẹn nguyên non bè,
Đừng để phai-phai nghĩa đá vàng,
Còn đất, còn trời, còn thế-giới,
Còn hai ta đứng giữa Viễn-bang.

CHƠI ĐẦU-SƠN

Núi kia ai dắp, bè ai đào ?
Đất nước ông bà đẹp đẹp sao !
Ngàn biếc mòng-mênh dồn một vùng,
Non xanh chót-vót dựng hàng rào.
Gió đưa mát rượi ngồi quên nóng,
Bãi nô bàng trang tâm tựa ao.
Thấy cảnh xui nèo người mến cảnh,
Kho trời chung của họ Nam-giao.

CÁNH CHIỀU TRÊN BÃI BÈ

Cánh lịch dâu hơn cánh lịch này !
Màn trời quạt gió thảnh-thơi thay !
Bóng vàng mặt bể phơi máu ráng.
Khói bạc sườn non phủ đám mây.
Hoa sóng tâ-tơi soè vạn cánh,
Đàn thòng réo rất gãy trăm dây.
Mang vui quên hết vòng trán-lụy,
Gang tặc Bồng-lai vỗ cánh bay.

DƯƠNG-BÁ-TRẠC

DỊCH HÀN VĂN

VĂN-TẾ ÔNG LIỀU-TỬ-HẬU
(Của ông Hàn-Dũ, là một nhà
đại-văn-học đời Đường bên Tàu)

Năm..... tháng..... ngày, tôi
Hàn-Dũ, kính dâng lê mo tết
trước vong-linh óng bạn cũ tên
Liêu-tử-Hậu rằng :

Hỏi anh Tử-Hậu ! chết với thế
a ! xưa nay ai chẳng chết ? riêng
gi chúng ta ?

Đương lúc chia-m-bao, có buồn
có sướng, lúc đã linh rồi, như
cơn gió thoảng.

Phàm loài-uật sanh, không
muốn có tài ; cây chặt, dâu đốt,
càng tài, càng tai.

Anh lúc trai-trẻ, ngựa trời
buông cương, cháu phun ngọc
nhả, giáng tiếng từ-chương.

Chẳng giàu chẳng sang ức tắc
nữa đời, cảm anh càng cùng,
vẫn anh càng bay.

Thợ vụng ngồi làm, vác mặt
vinh râu ; thợ khéo đứng xem, le
lưỡi lắc đầu.

Văn học nhứ anh, mà dụng
không được ; kém nhứ bạn tôi,
được ngồi bàn-cái.

Hỏi anh Tử-Hậu, nay đã đi
đâu ? Lời anh trói lại, tiếng nghe
lau-lau.

Bảo khắp bạn cũ, sau này gởi
con ; tình nghĩa giao-du, kẽ khuya
người cõ.

Thói thường người ta, xem thế
hiệu bạc ; tôi đã chắc gì, khỏi phi
anh thác.

Thói nguyện cùng anh, đã biết
đến tôi, quí-thần hai vai, há dám
sai lời.

Anh về, về luôn ; biết bao giờ
lại ? Đặt lê trước quan, lòng
thành xin giài.

Hỏi ôi ! thương thay ! có linh
xin hưởng.

LỜI BÀN CỦA NGƯỜI DỊCH :

Đạo bằng-hữu là một đạo rất trọng.
Theo lè, bạn thiết lúc chết có đề tang
nhé. Không-Tử nói : « Bằng-hữu
chết mà không có ai thừa-nhận thì phần

ta phải liệu việc tống-chung. » Ông Tử-Hậu nói : « Cũng bằng-hữu chơi, nói mà
có thực ; tuy nói chưa học, thế cũng
tíc là học rồi. » Thánh hiền xưa cũng
lấy đạo bằng-hữu làm trọng lâm. Cố
nhân như ông Bảo-Thúc với ông
Quản-Trọng, chia của cho nhau mà
không phiền ; ông Yên-Đan với ông
Ô-Ki, mượn đầu của nhau mà không
ngại, đạo bằng-hữu đến thế, mới thực
là vàng đá keo sơn.

Năm đạo thường ở nước ta bây giờ,
coi như muốn theo «ngọn» nước triều
biển đông trời tuốt luốt hết, mà hình
như đạo bằng-hữu thì gần như quét
đất sạch sẽ không còn tí gì ; giàu có
sang-trọng thì nhứt vắng nhứt lai, lâm
khi túng bẩn, ấy là người đang nước
lã ; đám tiệc xum-vầy thi chén anh
chén chú, rủi con gấp-khúc, ấy là
giàu đồ bim leo ; người bạn thiê, kẽ
bạn tiền, bạn hát cõ đầu, bà di dánh
bạc, thi có võ số, chờ bạn nhân, ban
nhị, thi cõ nước ta hõ dã kiêm
được mấy người ? Mây mưa phiền
phúc, thói đời ghê-lạnh, nghĩ mà ghê ;
bạc trắng lồng đèn, ai kẽ chi đến vàng
phai đá nát ; thậm chí lừa bạn, hại
bạn, lấy vợ bạn, gạt con bạn, biết bao
nhieu cái lịch-sử rất tội-ác thương
thâm trong bằng-hữu ở nước ta bây
giờ ?

Nhân dịch bài văn-tế của ông Hàn-
Dũ tể ông Liêu-tử-Hậu có những câu :
« Thói thường người ta, xem thế hiệu
bạc. Tôi đã chắc gì, khỏi phi anh thác.
Thói nguyện cùng anh, đã biết đến tôi.
Quí-thần hai vai, há dám sai lời. »
Trong bấy nhiêu câu biếu bao tinh-tý ;
đọc đi đọc lại, sure nghĩ tới đạo bằng-
hữu ở nước ta bây giờ mà cảm. Chẳng
biết những người đọc bài văn-dịch ấy
có cảm như mình không ?

DƯƠNG-BÀ-TRỰC

BỘ TOM CHÁT (1)

Tom, tom ! chát, chát !
Nhớ ngày nào di hát suốt canh thâu.
Tôi cõ-dầu, sớm lại cao-lâu,
Thú lợh-sự dâu dâu là chẳng biết.
Những muôn ẩn chơi cho thỏa kiếp,
Rồi ra may rủi mặc thay đời !
Bỗng đương mè dã tình lại ngay
rồi,
Mà biết cái « mê chơi » là cái đại.
Chơi mãi, còn hư, còn dại mãi,
Biết hư rồi, nhưng hối lại, lại là
ngohan.
Việc đời từ đấy, lo toan.

SONG-XICH

(1) Lối trống chầu hát ả-dao ngoài Bắc.

TRANH ĐỜI

— Ủa, anh tư, chờ chị tư đi
đâu, mà, anh tay bồng miệng là
với năm sáu đứa nhỏ như vậy?

— Nhà tôi đi diễn-thuyết về
văn-de dục-anh, để bầy trẻ ở nhà
nhà cho tôi chăn đây.

— Minh làm gì mà trang-diễm
cả giờ chưa rời vây.

— Tôi luyện-lập nữ-công mà !

— Nói bậy nà ! Nữ-công là may
vá thiên thửa, làm bánh làm mứt,
hay là tài hay nghề khéo gì, chờ
tô son dời phấn cả ngày vây là
nữ-công sao ?

MỘT VIỆN HỒ-TƯƠNG

CHUYỆN MỘT VỊ TƯỚNG NGA, TÁNH DỦ NHƯ CỘP, SỨC
MẠNH NHƯ THẦN, CÓ LÒNG TRUNG VUA YÊU NUỐC,
CHỐNG CỤ VỚI BỌN SÔ-VIỆT

Chuyện thuật ra dưới đây dẽ hiến độc-giả, là rút trong cuốn sách « *Bêtes, Hommes et Dieux* » (Giống vật, người ta và Thành-thần) của một nhà văn-học người xứ Pologne, nòi tiếng hoàn-cầu là ông Ferdinand Ossendowski. Ông nầy nhon vi quốc-sự, nên hồi đảng Sô-Việt giết vua Nga, lập ra chánh-thề khác, trốn qua đất Mông-cổ của Tàu. Tôi đó mới gặp gỡ vị hồ-trưởng kia, là Nam-trước Ungern, đang làm đầu một đạo binh hồ đó, toan đánh Sô-Việt, dě báo thù phục quốc. Vị hồ-tướng này ra trận, chỉ cầm một cài cây, tă xung hứa đột, đánh chết người ta như giết ruồi muỗi vậy, không ai dám chống lại hết. Chuyện thật lạ lùng ghê gớm, độc-giả nên coi.

Đ. N. N.

THẦN CHẾT ĐỨNG SAU LUNG MÀ KHÔNG PIẾT !

Quan « lanh-binh oai-nghiêm ghê gớm là ông Nam-trước » đó đến thịnh linh, làm cho quân canh phòng của ông quan năm Kazagrandi cũng không hay mà báo tin cho ông biết trước. Sau khi đậm-dạo cùng quan năm Kazagrandi ít lời, ông bèn day chửi g tôi — quan năm Philipoff và tôi — phải vào hầu ông. Tôi muốn di liền hồi đó, nhưng quan năm Philoposy cầm tôi ở lại đậm-dạo cùng ông có nửa giờ rồi mới cho tôi đi và chúc cho tôi bình an vô sự. Ông nói :

— Vái trời phù hộ cho ô g được mọi đều may mắn. Thôi, ông hãy đi đi.

Lời cầu chúc thiệt là kỳ, khiến cho tôi phải phép-phỏng ái-nại. Tôi mang k ầu súng Mauser của tôi theo và tôi giấu ve thuốc ở trong vạt áo tôi nữa.

Nam-trước tôi đây, ở trong trại của ông lương-y nhà binh. Khi tôi vừa bước vô lối sân, có quan ba Veseloffsky đón tôi lại. Tôi thấy ông có treo ở sợi dây nịt một cây gươm theo thứ gươm của lính mă-kì nuôc Nga và một khẩu súng lục không có cái bá. Vừa thấy tôi, quan ba Veseloffsky liền quay quâ trở vào trại mà báo tin c o Nam-trước biết, rồi trở ra bảo :

— Ông hãy vào.

Vừa mới bước vô, con mắt tôi đã trông thấy một vũng mă mà đất chưa rút kip, ấy là cái điểm chẳng lành tă cho tôi biết cái số phận chẳng may của kẽ vào đây trước tôi đó. Tôi bèn gõ cửa.

— Cứ việc vào ! Ở trong có tiếng trả lời chầm hầm.

Tôi bước vô, một người đội cái mũ theo lối Mông-cổ bằng lúa dỏ, xốc đèn trước mặt tôi, bộ dũ ton cũng như con cọp, bắt tay tôi một cách gấp rúc, kể lại cái giường ở một bên góc trại mà ngồi, và hỏi :

— Ông hãy nói tên họ cho tôi biết. Chung quanh chúng tôi đây tinh là bọn thám-tử và kẻ gác rối cã.

Giọng nói rõ ràng mà oai nghiêm dẽ sợ, trong lúc ông nói, cặp con mắt ông nhìn tôi chòng chọc.

Một lát tôi mới rõ được hình dáng bề ngoài và tánh tình của ông : đầu thì nhỏ mà hai vai lại nở lớn, tóc hoe hoe mà xu xộp, râu mép cut mà cứng, cái mặt xương mà nghiêm khắc lắm. Xem tướng mạo như vậy rồi, tôi lại thấy trán ông cao, con mắt sắc mà sáng, ông nhìn tôi như một con thú đang ở trong hang sâu vậy.

Cái sự xem xét của tôi chỉ trong chớp mắt là xong, mà bấy giờ tôi vẫn biết rằng ở trước mặt tôi có một người rất dũ ton đang chực nhay tôi mà chụp xé tôi thinh linh. Thấy tai họa rõ ràng trước mắt tôi đó chờ phái, nhưng tôi cũng cứ phàn nán rằng ô g đối đãi với tôi như vậy là nhuc tôi lắm.

— Ngồi đó đi.

Ông mời một cách lơ là, vừa chỉ cái ghế, vừa vuốt râu lia lịa. Tôi giận run, không chịu ngồi, và nói :

— Thưa Nam-trước, ngài làm vây là trái ý tôi quá. Có lẻ ngài cũng có biết tên tuổi của tôi nhiều, có lẻ nào ngài lại đối đãi với tôi như thế. Thưa

ngài, ngài muốn tha giết tôi mặc lòng, bởi vì ngài có binh gia thiếu gì, nhưng tôi xin một điều là đừng có buộc tôi phải đối đáp với một gười đương nhục mạ tôi đó.

Nghe tôi nói, ông ta đứng phắt dậy, lộ vẻ ngạc nhiên, nhìn tôi từ trên đầu chí gót cẳng, hơi thở nhịp một, và cũng cứ vuốt râu hói.

Tôi rán giữ vẻ tự nhiên, liếc mắt cùng khắp trong trại, tôi thấy có quan lanh-bin Redzoukine mới lại. Tôi cái đầu chào ngài, ngài cũng mau mau đáp lê, song không nói gì hết. Tôi bèn day qua phía Nam-tước, thấy ngài ngồi cúi đầu, hai mắt nhắm hip, chốc chốc lại lấy tay đờ trán và nói lầm thầm sự gì nghe không rõ.

Bình linh ngài vùng đứng dậy, day qua nói với một người nào ở sau lưng tôi như vầy :

— Anh hãy đi ra. Tôi không có cần dùng.

Tôi day lại thấy quan ba Veseloffsky, mặt trắng nón nhưng có vẻ lạnh lạt lắm. Ông vô dãy hồi nào tôi chẳng biết. Ông day qua gọn gàng rồi thoát ra ngoài. Tôi nghĩ thầm :

— Tè ra cái người da trắng này, ở sau lưng tôi để chục giết tôi mà tôi không biết. Ngày giờ anh ta đã bỏ mà đi rồi.

Nam-tước suy nghĩ một chút, rồi nói những câu gì ấp úng, nứa dũa nứa thiếu...

— Tôi xin ông miễn chấp... Ông nên biết, ở đây quân phản phúc không thiếu gì. Người tử-tế đi đâu mất hết. Tôi không thể nào tin cậy ai được : kẽ thi trống tên giả, kẻ thi cao sưa giấy tờ. Một lời họ nói, một cái ngó của họ cũng đều giả dối. Lòng người phản-vân cùng khắp, tụi bôn-sor-vit (le bolchevise) nó quyết dù hết thảy. Tôi mới truyền lệnh xua từ quan năm Philipoff, chính ông ta tự xưng là đại-biểu trong cuộc tổ-chức phản-dối của dâng Bạch-Nga, thế mà xét trong vạt áo lót của ông ta lại có hai bồn điếu luât kin của tụi bôn-sor-vit! Khi thắng quan hầu của tôi vừa dà gươm lên ngay cổ Philipoff, ông ta vụt la lớn : « Tại sao mà mày muốn giết tao, Tavatiche? Thôi, tôi không còn tin ai được nữa... »

Nam-tước làm thỉnh mà tôi cũng không nói gì hết.

Một lát ngài lại nói tiếp :

— Tôi xin ông miễn chấp. Tôi biết tôi làm cho ông bất bình lắm, nhưng xin ông phải hiểu cho rằng tôi không phải là một người, mà là chủ-tướng của một đạo linh rỗng mạnh, bởi vậy lúc nào trong đầu óc của tôi cũng có sự lo nghĩ, rầu buồn và mệt nhọc cả.

Nghe mày lời ngài phân, tôi nghiêm thấy ngài có chỗ thất vọng và hành thiêt-lâm. Ngài đưa tay cho tôi bắt. Cả hai không nói một tiếc g gì. Một lát tôi nói :

— Ngày giờ ngài lính cho tôi làm sao đây. Tôi

không có một mảnh giấy thiêt, giấy giấ-gi cả. Trong đám bộ-hạ của ngài có nhiều người biết tôi, bởi vậy khi đến Ourga tôi có thể kiểm họ để nhờ họ nhận chứng rằng tôi không phải là kẽ phiến-loạn, cũng không phải là kẽ...

— Không cần! Không cần! Tôi thấy hết, tôi biết hết! Tôi soi thấu tim đen ông và tôi hiểu hết. Bức thư của ông linh-mục ở Narabanchi gởi cho tôi nói về việc ông đều đúng sự thiệt hết. Ngày giờ ông muốn cho tôi giúp ông những gì?

Tôi bèn cắt nghĩa cho ngài rõ cách người bạn tôi và tôi trốn ra khỏi xứ Nga sô-viet để trở về quê hương, và cách một toán linh Bô-lô chạy theo chúng tôi để trở về nước Bô-lô (Pologne) là thế nào, và tôi xin ngài rán giúp cho chú g tôi đi tới cái hải-khẩu nào gần đây hơn hết. Ngài nói :

— Tôi sẵn lòng lầm, tôi sẵn lòng lầm... tôi sẽ giúp cho hết thảy, tôi sẽ lấy xe-hơi của tôi mà chờ mày người ra Ourga. Ngày mai chúng ta sẽ đi ra Ourga coi công việc ra làm sao rồi sẽ tính.

Tôi từ giã ngài rồi di ra ngoài. Khi vè đến chỗ ngủ, tôi thấy quan ı ām Kazagrandi di tôi di lui trong phòng tôi mà coi bộ lo lắng lắm. Vừa ngó thấy tôi, ông vựt-la : « Thiệt là nhờ trời...! » Rồi lật đật làm dấu thập-tự liền, theo như phép đạo, tỏ ý cảm ơn chúa phò hộ.

Ông Kazagrandi mừng rỡ vô cùng, nhưng tôi đoán biết rằng nếu có sự gi n-uy-biến xây đến cho tôi, chắc ông cũng có sắp đặt cách cứu tôi có hiệu quả lắm. Cái sự lo sợ bùa nay nó làm cho tôi mệt nhọc hết sức và mau già bằng mấy năm lận. Khi tôi dòm trong kiếng, tôi thấy tóc tôi đã bạc hết mày sợi.

Đêm ấy tôi không thể nào ngủ được, cứ nhớ đến cái gương mặt trê mắng và sáng rở của quan năm Philipoff, nhớ đến cái vũng máu, nhớ đến cặp con mắt lanh-lùng của quan ba Veseloffsky, nhớ đến giọng nói của Nam-tước Ungern và sự rầu buồn thất chí của ngài mải. Rồi lại tôi ı gủ vùi, cho đến khi Nam-tước Ungern đến kêu tôi dậy, xin tôi dừng phiền về sự ngài không thể chờ tôi đi được bởi vì xe ngài mắc chờ Daichin Van. Tuy vậy, ngài cũng nói cho tôi biết rằng ngài có dặn kẽ bộ-hạ của ngài cho tôi mượn con lac đà trắng của ngài mà cõi và cho hàn linh cõi ngựa (Cosa-ques) t' eo hầu tôi như tôi tò. Tôi vừa tò lòi cảm ơn thì ngài đã đi mất.

Tôi hết buồn ngủ. Lúc nào tôi cũng nhớ đến tần bi kịch, những cái cũ-động ghê gớm của Nam-tước Ungern, và sau lưng ngài có Veseloffsky... và ông thần chết đi theo lặn lê mà xanh dờn!

V. H. (DỊCH THUẬT)
(Chuyện này còn dài và còn hay lắm,
tiếc vì số kỷ-niệm này, giấy mực có
chứng, nên chỉ đăng được bấy nhiêu, xin
mời độc-giả đọc tiếp ở các số báo thường
nay mai).

SỰ-LUẬN

LUẬN VỀ CUỘC NƯỚC TA NỘI THUỘC TÀU

Hơn được kém thua, là cái công-lệ tự-nhiên về cuộc cạnh-tranh trong vòng thiên-diễn.

Khoảng hơn một ngàn năm trong thời-kỳ nội-thuộc, lúc ấy chính là lúc thế-lực nước Tàu đương bành-trướng, mà dân-trí nước ta còn ngu hèn; nhỏ không địch được lớn, ít không địch được nhiều; dai phải chịu người khôn; yếu phải chịu người mạnh; người mình lúc ấy mà thuộc quyền người Tàu cai-trị, tưởng sự tránh voi cũng chẳng xâu mặt nào.

Vả lại ta nhân thế mà dung-hóa quan-cấm được văn-hóa của Tàu, cũng là một điều có ích cho ta lắm. Xem như lúc ta thuộc Hán, các ông Lý-Cẩm Lý-Tiến, Trương-Trọng đều học Hán-học được đến nơi đến chốn; lúc ta thuộc Đường, ông Khương-công-Phụ thi đậu tân-sĩ, làm quan bênh Tàu có danh vọng lớn; ấy cũng là vì mình thuộc người Tàu cai-trị, buộc mình phải học theo Tàu, học-giới ta nhờ thế mà lần-lần tiến-bộ.

Lại lúc trước, ta làm ruộng chỉ theo nước triều lện xuống mà vải lúa thôi; từ lúc thuộc Đông-Hán, quan Tàu là Nhâm-Diên dạy ta cách làm ruộng, biết dùng trâu cày; nông-nghiệp ta nhờ thế mà lần-lần tiến bộ.

Lúc ta thuộc Hán, người Tàu đem trâu ngựa trao đổi với ta; năm thứ 9 niên hiệu Diên-hi đời Hán Hòa-dế, nhằm năm 170 lịch tây, có thuyền buôn La-mã, nhơn buôn tơ lụa với người Tàu, mà ghé đến Bắc-kỳ ta; thương-nghiệp ta nhờ thế mà lần-lần tiến bộ.

Còn đến luân-lý, phong-tục, lễ-nghi, phép tắc, nghề nghiệp, thợ thuyền, một trăm cái ta cũng đều thâu-nhập văn-hóa của người Tàu cả. Bình tĩnh mà nói, ta được ích lợi về sự người Tàu cai-trị thật nhiều.

Nếu như chánh-phủ Tàu có lòng châm nom đến con nhà Việt-nam, quan-lại của họ phải qua, đừng cho những lũ tham tàn độc ác, và tri-thức của ta mở được đến đâu, họ nên nói tay ra cho ta đến đó, thi ta có dại gì mà trưng chơi với đá, gảy ra cái vạ tắm máu lâm than !

Chỉ tiếc quan Tàu sang cai-trị ta, tham ngược thì nhiều, mà công liêm thi ít, thành ra đến nỗi lòng người ta oán giận, không thể chịu được sự áp chế vô lý, mà phải đánh nhứt sống nhì chết, liều tánh mạng với non sông.

Rốt cuộc lại, tri dân một ngày một mổ mang, đầu bit cũng không tắc; súc nước một ngày một cứng-cối, đầu đập cũng không lay; nước Nam vẫn hoàn-lai nước Nam; mà thương-thay ! phải lưu huyết biết mấy mươi phen, ta gần tan nát ra tro, mà Tàu cũng không khỏi chết như ra. Té ra Tàu đối với ta, đáng cùng nhau có một cái ơn to, lại thành ra deo một cái thù lớn; nào là binh Ngô, nào là

sát Thát, mấy muôn đời còn tìm ruột căm gan. Ta thật là chẳng may, mà Tàu thật là quá dai.

Vậy có bài thi tòng-vinh cả thời-kỳ nội-thuộc Tàu như sau này :

Cờ vàng họ Triệu cuốn,
Cờ bạc chòm sang nam.
Giáo-châu đặt thủ-lịnh,
Chín quận đầy túi tham.
My-linh nữ-tướng khởi ;
Làng-bắc cờ-quân nguy.
Cột đồng cầm địa-giới,
Xe ngọc dem nhau về.

Bốn phương đuổi hưu Hán ;
Ba cảng bền vạc Ngô.
Trấn nam Lữ Đại ác ;
Hàng giặc Sí-Huy ngũ.
Đầu voi vú ba thước,
Cách-mạng không thành công.
Ra Ngô lại vào Hán,
Giám buộc vẫn chuồng lồng.

Non sông đổi bao chủ ?
Sớm Tống trưa dà Tề.

Quan Lương hạ độc-thủ.
Vua Lý đương nghĩa-kỷ.
Khuất-liêu rủi thua giặc ;
Già-trach liền nỗi vua,
Độc-mộc phá quân khách,
Long-biên định hoàng-dò,
Nền nước dấp chưa vững,
Đây dồng trong dứt ngang,
Quân thần tự chia xé,

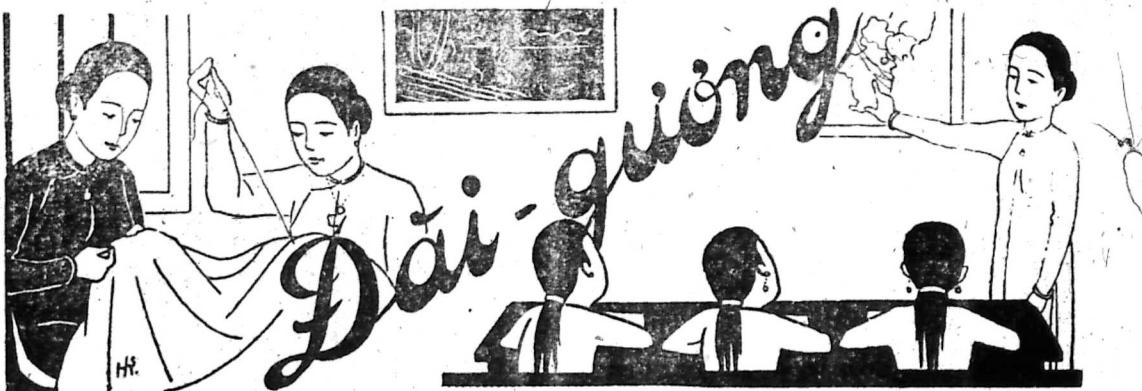
Giận chét Đào-lang-vương.
Đem lòng nở gat bạn,
Trời cỏ cam dầu người ;
Vâm nô lại thát chặt,
Đò-hộ mười mấy đời.

Trước có Mai Hác-dế,
Sau có Phùng-dò-quân.
Khúc què có Dương dở ;
Anh-hùng không tiếc thân.

Độc-lập dã gieo giống,
Tự-do bền nở hoa ;
Bạch-dắng một trận đánh,
Thâu phục Sơn-hà ta.

Đọc sử xếp sách nghỉ,
Gaye dựng công tổ-tiền.
Lập quốc há phải dè,
Lặn ngụp hơn ngàn niên !

DƯƠNG-BÀ-TRẠC



MỘT CHUYỆN BI-TÌNH

THÒ' CHỒNG TRỌN NGHĨA TÀO-KHANG

Nhiều nam-nữ đồng-bào ta hay xét lầm những cái bể ngoài, cho nên mới tưởng rằng ở bên Âu-châu, người đàn bà của họ chỉ sống trong cái cảnh sang-trọng an-nhàn, không có một chút nào là khó nhọc đau đớn; họ là một giống sanh ra đời để vui chơi, chờ không có những cái tánh tình sâu xa cao thượng. Bởi ta tưởng lầm như thế chò nên ngày nay, thường nghe chị em Việt-nam ta muốn đòi các cái quyền-lợi như đàn bà Âu-châu, mà không chịu suy nghĩ tới phận-sự của mình là gì.

Câu chuyện bi-thảm dưới đây bày tỏ ra rằng người đàn bà Âu-châu cũng biết thương chồng cho tới lúc chết, đến đời vì ái-tình, mà ui lòng hy-sanh mình một cách thật là can-dâm cao-thượng. Thiết vậy, nàng Lucile Desmoulins (*Luy-xin Đè-mu-lanh*) trong chuyện này thật là một người nữ-kịt, một người tú-tiết vì tình phu-phụ; nàng chính là một bực nǚ-lưu có tánh-cách vừa thanh-cao, vừa tinh-khiết. bày tỏ ra những cái phẩm-hạnh rất tốt của một người đàn bà nước Pháp vậy. Trong những đoạn tình-sử vừa cảm động vừa bi-ai, thuật ra dưới đây ta sẽ thấy cái, đời của cặp thanh-niên phu - phụ này: khi đoàn viên thi âu yếm, khi vinh-quyết thì đau thương ra làm sao, và xem đến lúc ra trước chò chết, là cái giờ được theo chồng xuống suối vàng thì nàng Luy-xin hường nhan bạc-phận ta bày tỏ một cách vui mừng mạnh bạo ra thế nào? — D. N. N.

Một tay anh-hùng kiện-tướng trong hồi cách-mạng nước Pháp, là Camille Desmoulins, có cái lịch-sử cách-mạng vừa vẻ vang, vừa đau đớn, mà cũng có cái lịch-sử bi-tình vừa đầm thấm, vừa bi-thương, thật là một chuyện rất hay, đáng thuật và đáng nghe vậy.

TRONG VƯỜN LỤC-XÂM-BẢO.
GẶP GỠ BUÔI ĐẦU.

Năm 1785, Camille Desmoulins 25 tuổi, mới đậu

Luật-khoa và ghi tên vào làm thầy kiện ở tòa án Paris. Ông nghèo, phải ở một căn phòng chật hẹp, trên tầng chót của khách-san Bretagne, ở đường Saint-André-des-Arts.

Trước mặt, có nhà của ông Duplessis, là nhà phú-hộ, có cô thiếu-nữ là Lucile, mới có 12 tuổi, nét mặt phúc-hậu và vẻ người xinh đẹp có duyên lâm. Những khi chiều mát trời thanh, bà Duplessis hay dắt cô Lucile ra vườn hoa Lục-xâm-bảo (*Luxembourg*) dạo chơi.

Chàng Camille hay đọc cuốn *Catilinaires* của Cicéron, lúc nào cũng mở ra đọc đi đọc lại hoài, mà không biết chán; vừa đọc vừa ghi chép những nghĩa-lý hay ở trong đó. Nhưng mỗi lần đang đọc sách, mà chợt ngó thấy cửa nhà bên kia mở ra, hai mẹ con bà Duplessis dắt nhau ra đi, thi bên này, chàng lật đặt xếp sách lại, rồi cũng đi ra vườn Lục-xâm-bảo, để cho được nhầm nháu cái bóng dáng của người mà chàng cho là gai-nhơn tuyệt thế.

Trước lạ sau quen, chàng Camille được người bạn là Fréron giới-thiệu với nhà Duplessis, nhơn vây chàng nàng được tới lui thăm viếng. Ông Duplessis vốn là con nhà hàn-vi, nhưng nhờ sự gắng sức bền lòng, mà sau được công-danh thành đạt. Giữa lúc bấy giờ, ông làm chức tham-biện hàng nhứt trong sở Kiểm-soát Tài-chánh. Thấy Camille cũng là giọng giỏi trâm-anh, lại là người thiếu-niên lanh lợi, nên chi ông rất vui lòng tiếp rước mỗi khi chàng qua lại chuyện trò. Mùa hè, nhà Duplessis về nghỉ mát ở nhà riêng tại Bourg-la-Reine, nhiều khi cũng mời cả Camille về chơi, rồi cùng nhau bày đồ ăn ra bãi cỏ ăn uống, hay là ra cánh đồng ngon cành và hái bông đem về.

Cũng trong một cuộc du-ngoan như thế, thình lình Camille thấy rằng Lucile không phải là đứa con gái còn là con nít nữ, mà nàng đã thành ra một cô thiếu-nữ lịch-sự, đúng đắn rồi. Lòng thương yêu của chàng phát ra từ đó. Nhưng chàng qua chỉ là thương yêu thầm lén một mình vây thôi, chờ chàng cũng không có hy-vọng gì được lấy nàng làm bạn trăm năm. Là vì chàng đã xấu lai nghèo; còn nàng đã sang lại đẹp; hai bên khác nhau như vực với trời, làm sao trông sự nhon-duyên kết-hiệp cho đặng. Tuy vậy, lòng thương yêu nồng nàn quá, làm cho chàng mạnh dạn lên, một ngày kia, chàng đánh liều bày tỏ cái ái-tinh ấy cho nàng biết.

Còn nàng đối với chàng thì sao? Nàng có lòng thương yêu người thương yêu nàng đó không?



TÂM TÂM TƯƠNG CHIẾU

Tạo-hoa đã sanh ra hai cái giống tinh để gặp nhau, thi tất nhiên là phải thương yêu nhau, tuy có bên nào chưa ngó ra lời, nhưng mà cũng để thăm trong bụng. Lucile thương yêu Camille lần đầu chính là cái ái-tinh chất chứa ở trong trái tim vây. Nàng có một cuốn « Khuê-trung-nhứt-ký » (Cahier de la Jeune fille), mỗi đêm thưa lúc cha mẹ yên nghỉ rồi thi nàng đem ra biên chép những cái cảm-giác ái-tinh của nàng. Sự thiệt, nàng có lòng thương yêu Camille đã lâu, nhưng vì lẽ gia-

pháp nghiêm-trang, vì lẽ khuê-môn danh-dự, cho nên nàng dành ôm ấp cái tình ấy với mình, không dám ngó ra cho chàng biết. Xem trong nhứt-ký của nàng có những câu như vầy thi dù biết nàng đối với Camille có tình áu yêm biệt là bao nhiêu: « Tôi không dám thú thiệt ngay với tôi rằng tôi đối với chàng có cái cảm-giác ra làm sao; tôi chỉ những kiём cách che đây cái cảm-giác ấy cho được kín đáo. Chàng đau lòng lắm, phải không chàng? Trời ơi! tôi còn đau lòng hơn chàng nữa; hình dung của chàng bao giờ cũng hiện ra ở trong tri-tưởng của tôi luôn; cái hình-dung ấy không bao giờ xa cách tôi cả. Tôi muốn tìm kiém coi thử chàng có những cái khuyết-điểm gì; té ra tôi tìm kiém thấy nó, rồi tôi lại càng yêu mến nó. Tại sao tôi thương chàng mà tôi lại muốn giữ kín nhẽ, ngay tới má tôi, tôi cũng không tỏ tâm-sự của tôi ra. Tôi muốn cho má tôi biết lòng tôi, tôi muốn má tôi đoán biết lòng con, chờ tôi không muốn nói cho má tôi hay »

Thiệt, bà Duplessis biết lòng của con, biết là cặp thanh-niên nam-nữ này thương yêu nhau. Chính bà muốn cho hai trẻ được thành đôi lăm, nhưng ông cha không chịu. Ông muốn gả con gái cho người rể nào có tiền của kia, chờ gả cho anh chàng viết báo nghèo mặt, là chàng Camille, thi ông không khứng.

Ở đời còn có cái gì đau đớn khổ sở hơn là trai gái thương yêu nhau, mà không có cái hi vọng cùng nhau kết hiệp. Suốt ba năm trời, Camille và Lucile chịu đau đớn ám thầm như thế. Nhờ bà mẹ, nên chi đôi khi hai bên được gặp nhau ở vườn Lục-xâm-bảo, nhìn nhau mà nói chẳng ra lời; có lẽ đến chim chóc cỏ hoa trong vườn có lẽ cũng phai thương hại giùm cho.

Mãi tới năm 1890, ông Duplessis mới chịu gả. Trong một bức thư viết về nhà cho phu-thân, chàng Camille có tả cái cảnh ấy như vầy: « Nàng Lucile xinh đẹp, mà con thường nói với cha đó, nay cha mẹ nàng đã chịu gả nàng cho con rồi, mà nàng cũng không từ chối con! Mới rồi mà nàng báo tin ấy cho con hay, bà mừng quá mà khóc ra nước mắt. Bà dẫn con vào trong khuê-phòng của nàng; con cúi mình xuống đầu gối của nàng; khi nghe tiếng nàng cười, con ngufs mặt lên, thì thấy cặp mắt của nàng chau rọi lâ châ, thế mà nàng vẫn cười. Thiệt con chưa hề thấy cái cảnh-tương vui vẻ như thế bao giờ. »

Lễ cưới làm ngày 29 tháng chạp năm 1790; người chứng hôn có những bức danh-nhơn trong văn-học-giới và cách-mạng-giới, như là Mercier, Piéton, Brissot, Robespierre, cùng đi rước dâu. Bữa đó Camille cảm động quá, cặp mắt chàng lệ trót đậm đì. Robespierre nói chơi rằng: « Nếu may mắn khóc, thi cứ việc khóc đi. »

NHỮNG NGÀY SUNG SƯỚNG

Lấy được Lucile rồi, Camille cho mình là người có hạnh-phước thứ nhứt trong trần-gian. Chàng viết thơ cho bạn, có câu rằng : « Tôi là người sung sướng nhứt trên đời, bây giờ tôi không ao ước sự gì khác hơn nữa. » Một cặp thanh-niên nam-nữ, thương yêu nhau chất chứa trong lòng bao nhiêu lâu, bây giờ được kề vai chung mộng với nhau, thì còn gì sung sướng cho hơn đáng. Camille tự cho mình là người có hạnh-phước bức nhứt trong trần-gian cũng phải.

Lucile lại là bức hiền-phụ, cho nên Camille càng quý trọng lắm. Chàng đã nói rằng : Trước kia tôi thử nàng, bây giờ tôi *cùi rạp mình* ở trước mặt nàng.

Qua năm sau (1791) hai vợ chồng giắt nhau về ở cái trại của ông Duplessis tại Bourg-la-Reine, để hướng cái thủ thanh-nhàn tich-mịch. Tuy lấy chồng rồi, mà tập « *Khuê-Trung nhứt-ký* », Lucile cũng vẫn ghi chép cẩm-tường của mình vô trong đó mỗi ngày. Bởi vậy khi về ở trại này rồi, người ta thấy trong tập nhứt-ký, nàng có viết mấy câu thi như vậy :

QUI QUE TU SOIS, QUAND
TU SERAS L'AMOUR,
GARDE-TOI DE TROUBLER
LA PAIX DE CET ASILE,
RESPECTE CE RIAINT SÉ-
JOUR,

DE L'INNOCENCE ET DE LUCILE.

Tinh ôi ! ta vui-mất lời ;
Thương ta chờ phết nhau chốn này.
Trăng hôm qua mịn xum vầy,
Để ta vui thủ nhứtng ngày xuân xanh.

Ở trong trại ấy, ban ngày thì nàng tưới bông trồng kiêm, hay là cho các giống súc-vật ăn, nàng chịu khó làm lụng mọi công-việc, không biết mệt nhọc là gì. Chiều lại thi hai vợ chồng giắt tay nhau đi nhởn nhơ dạo gót, hoặc ở dưới bóng mát, hoặc ngồi trên băng dài, rồi thi tâm-sự ní non, ái tình đầm thấm, không có bút mực nào mà tả ra cho hết được.

Cách ít lâu, Camille và Lucile lại trở về nhà cũ trên Paris, ở đường Théâtre-français chung với mấy người bạn, là vợ chồng Danton, với Fréron, với Brune ; ông này lúc bấy giờ cũng làm báo như Camille, nhưng sau trở nên Thống-chế nước Pháp. Cái cảnh vui vẻ sảng sướng của hai vợ chồng Camille, đến ngày 6 Juillet 1792, lại to-diêm thêm cái vẻ đẹp nữa : ấy là Lucile để con trai.

Camille là người háo cồ, nên lấy tên Horace mà đặt tên cho con.

Từ khi lấy Lucile rồi, thì cái tánh cách bao động của Camille về mặt chánh-trị cũng êm dịu bớt đi. Đến đỗi lúc bấy giờ các bạn đồng-chí đã đặt câu ca-rao này để quy-phùng :

« Ba-lé cảnh khồ lut trời,

« Ca-minh chàng hỏi ! ngủ rồi hay sao ?

(TU DORS, CAMILLE, ET PARIS EST ESCLAVE)

Song Camille đâu có ngủ ! Thương yêu vợ thì chàng cứ thương yêu, mà việc quốc-gia xã-hội, bao giờ chàng cũng ôm ấp canh-cánh bên lòng, có khi nào quên được. Cái chí-khi nam-nhi của chàng bao giờ cũng vẫn nặng hơn cái thường-tình nhỉ-nữa, lúc nào xã-hội quốc-gia cần đến chàng là một tên dàn, thì chàng cũng giứt áo ra đi, để thưa với cái tiếng gọi của quốc-gia xã-hội vậy.

Hồi đó, phong-trào cách-mạng nỗi lên, đã-đảo quẩn-quyền, chính là một lúc bồng-bồng bột-bột. Dân chúng Paris đã chọn đêm 10 Aout năm ấy (1792) thi kéo nhau tới phá cung điện Tuileries. Các bạn đồng-chí như Camille, Danton v... v... đều là những người chủ-trương trong cuộc cách-mạng lúc này cã.

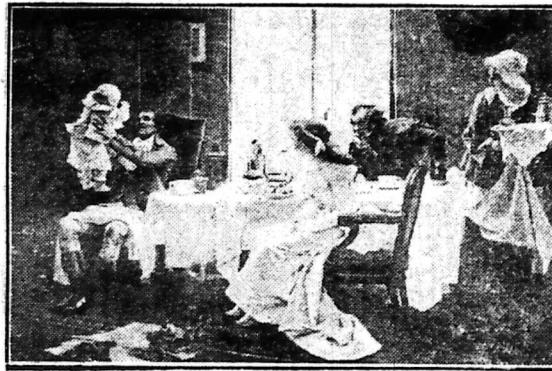
Xem cuốn nhứt-ký của Lucile chép việc ngày ấy bằng những cái cẩm-tường và thiệt sự như vậy,

ta đủ thấy trong tri của nàng hồi đó vừa vui mừng mà vừa đau đớn ra làm sao ? Vui mừng là thấy nhơn-tâm hăng-hái, mà đau đớn là thấy người yêu của mình đem thân vào vòng thập tử nhứt sanh.

« Chúng ta sẽ trả nén ra làm sao ? Camille chàng hỏi ! thán chàng sẽ ra sao đây ? Tôi không có sức mạnh mà thở nữa. Đêm nay là đêm sanh tử đây. »

« Ăn cơm tối xong rồi, chúng tôi qua nhà Danton. Bà mẹ Danton ngồi khóc, nét mặt rầu rầu. Xem ý Danton quã quyết lắm. Tôi cười như một con mè diên, đến đỗi bà mẹ Danton nói : « Lúc này ta nên cười sao ? » Tôi trả lời rằng đó là cái điềm báo trước cho tôi rằng đêm nay thi tôi khóc hết nức mắt. »

« Ngó ra ngoài đường, thấy thiên-hạ đông dày, ai cũng hô : Quốc-gia vạn-tuế ! Rồi đó thấy ai cũng sẵn sàng khí-giỏi cả. Chàng Camille yêu dấu của tôi, vác một khẩu súng tới. Tôi thấy chàng như vậy, tôi thương quá, vùng khóc lớn. Tôi chẳng muốn bày tỏ chỗ yếu hèn của người đàn-



Cảnh gia-dinh vui vẻ của Camille, Lucile và đứa con trai — Người ngồi là Danton

bà, nên không dám kêu chàng mà nói lòng rằng vợ chàng không muốn chàng định vào việc đó; tôi thưa lúc vắng/nói cho chàng nghe, thì chàng yên ủi tôi, khuyên tôi đừng sợ gì cả.»

« Đêm ấy, nghe chuông nhà thờ đồ tảng hồi cấp-báo, tôi ngồi nhà một mình, lo cho tánh mạng của người thương yêu của tôi mà tôi khóc. Nửa đêm, từ con đường Cordeliers cho tôi đường Théâtre-Français, thỉnh-thoảng có người đêm tin về cho vợ con của các chí-sĩ, đang ngồi nhà khóc lóc lo sợ, trông đợi tin tức. Một giờ khuya, Camille trở về, dựa trên vai tôi mà ngủ, sáng dậy lại ra đi. Chỉ có tôi và bà mẹ Danton ở nhà một mình, tinh ăn lót lòng rồi đem sách ra đọc, cho khuây khỏa nỗi buồn, và quên sự lo sợ đi. Chưa kịp gì, thì đã nghe tiếng súng đại-bác nổ lên đùng-dùng, bà mẹ Danton xanh mặt, rồi té xiêu ra, bất tỉnh nhơn sự. Tôi cũng muôn ngã ngửa. Song vì lúc ấy thấy bà già Danton bất tỉnh, nghĩa vụ tôi phải cứu bà, nhờ vậy nên tôi gắng gượng được. Rồi một lát, bà cũng tĩnh dậy.»

CAMILLE LÊN ĐOẠN-ĐẦU-BÀI

Rồi đó cuộc Cách-mạng bước vào một thời-kỳ bao-động, chém giết làm hại lẫn nhau, thật là dữ dǎng độc-ác. Camille thấy thịt trôi máu chảy một cách vô lối như thế, mà chàng bức chì động lòng, liền cho tờ báo của mình tục-bản, lại đem cái tài công-kích mạnh-bạo ra, để công-kích những kẻ gây ra cuộc Khủng-bố, và công-kích người đầu phe ấy là Robespierre. Thời-kỳ Cách-mạng ở nước Pháp lúc ấy, là phe đảng này phe đảng kia giết hại nhau vây.

Lucile thấy chồng gánh vác cái trách-nhiệm công-kích những kẻ làm hại cuộc Cách-mạng như vậy thì nàng lấy làm vể vang đắc ý lắm. Nhờ có cái ái-tình đậm-ấm sâu xa của Lucile, nên chi Camille tuy bị phe nghịch vụ cáo nguyễn rủa đủ đều, mà chàng vẫn được yên ủi vui vẻ, làm cái phen-sự quốc-dân cách-mạng của chàng. Song chàng cũng tự biết rằng cái hạnh-phước của mình đến ngày này là ngày mãn cuộc, vì phe nghịch của chàng sao cũng hại cho được chàng mới nghe.

Quả nhiên, đêm 20 Mars 1793, Lucile đang nằm trên giường, gần bên cái nôi của con, còn Camille thì đang khóc thút thít ở phòng bên, vì hồi ban ngày chàng tiếp được thư nói mẫu-thân ta thế:

giữa lúc vợ đang rú con, chồng đang thương mẹ như thế, thì nghe có tiếng ai lấy bá súng gõ cửa. Lucile vùng dậy, mặt mày tái mét, niu chặt lấy Camille; chàng hụt hụt rời vùng ra, chạy tới hụt con, rồi ra mở cửa. Nàng Lucile chết ngất; tôi nghiệp thay! đau đớn thay! Lúc ấy là lúc linh-tôi bắt Camille vậy.

Camille bị giam ở Lục-xâm-bão. Ở trong ngục, chàng ngồi viết hết thơ này tới thơ kia cho vợ, mà thơ nào cũng toàn là những tiếng kêu réo thăm thương. Đến đời có những tiếng đau lòng dữ ruột như vậy: « Minh ơi! người yêu dấu của tôi ơi! Cái đời của tôi ơi! Hai tay tôi bị trói nô hụt minh đó; và cái đầu lia cỗ rồi, mà cặp mắt trợn trừng cũng vẫn ngó minh, minh ơi! »

Những thơ ấy, Camille viết ra thì viết, chờ có ai trao lại cho nàng Lucile để nàng được thấy mấy câu như dao cắt kim châm đó đâu. Trời sầu đất thảm, người thiêu-niên anh-hùng ấy bước lên đoạn đầu-dài ngày 5 Avril năm 1794!

NẮNG CÙNG THEO CHỒNG LÊN GƯƠM MÁY

Trong những ngày Camille còn bị giam trong ngục, chưa phải thọ hình, thì nàng Lucile đau đớn khổ sở về nỗi thương chồng, ngày nào cũng thất thểu buồn bã, đi lang thang chung quanh khám đường, tim, cách nào cho được gặp mặt người thương một lần sau chót. Than ôi! Cái lòng thương chồng đó của nàng, nó cũng đưa nàng vào tội, thật là thảm thay! Vì sự lang thang bên khám, mà nàng bị cáo vô trong một việc ám-mưu phá khám, tự phe nghịch bày ra; rồi nàng cũng bị xữ-tử.

Kể mưu hại nàng, tưởng rằng làm cho nàng sợ hãi đau đớn, mà trái lại, họ làm cho nàng yên ủi vui mừng, là vì họ cho nàng được gặp mặt chồng nàng ở dưới chiu suối. Bởi vậy, khi tòa án đem nàng ra xữ, nàng bày tỏ ra cái nét mặt thật vui vẻ, thật tự-nhiên. Khi nghe tuyên-án, thì nàng ngẩn mặt lên, hồn hở nói rằng: « Vui mừng thay! mấy giờ đồng hồ nữa, thì ta lại được gặp chàng Camille yêu dấu của ta! »

Nàng bị xữ tử sau Camille 8 ngày. Bữa sửa soạn đem ra hành-hình, nàng bận áo tốt, như là đi đám cưới. Tuy nét mặt có hơi xanh một chút, nhưng mà miệng thì vẫn tươi cười luôn. Lúc quân giám-trám đang cao tóc sau ói của nàng, mà tay nàng chưa bị trói, thì nàng còn cầm viết viết cho bà mẹ



mấy lời đau thương cảm động như vầy : « Chào má , một hàng lụy ở mắt con tuôn ra ; hàng lụy ấy đè cho má đỏ ; má ơi ! Con sắp ngủ yên trong cái giấc ngàn thu vô tội ». Khi người ta đem cái xe bò lai đè đưa nàng ra đoạn đầu-dài, nàng còn đưa mắt chào đại-tướng Arthur Dillon, cũng là người bị án. Ông này thở dài, ra ý thương tiếc cho số phận nàng, thi nàng nói rằng : « Ông thử ngó nép mặt tôi, có phải là một người đàn bà cần dùng sự yên ủi gì đâu. » Rồi lại nói : « Chúng nó đã giết chết một người xứng đáng hơn hết, thế mà tôi cũng không vì thế mà ghét chúng, trái lại tôi còn cầu nguyện giùm cho chúng, vì cái việc

chúng đã làm ơn cho tôi bữa nay, là chúng trả tôi về cho người thương của tôi. »

Ra tối đoạn đầu-dài, nàng bước lên một cách mạnh dạn, lấy làm sung sướng, vì lúc bấy giờ cái tư-tưởng của nàng chỉ châm chู về sự được gặp Camille ở cõi đời khác, bởi vậy nàng vui vẻ cười, cho tới khi cái đầu lia khỏi mình, rớt vỏ cái giỏ rồi, mà người ta còn thấy cái nụ cười đặc-ý ở cửa miệng nàng ! . . .

Than ôi ! Cái đời của người hiền-phu này chỉ tóm lại có hai tiếng : « Thương chồng », mà thật là thương chồng tới chết...

A. D.



CON Ỏ TU'Ó'NG CHÓ

Vương Tường-công sau khi tri-sí, về Hồ-bắc ở. Một buổi chiều mùa xuân, Tường-công đương cùng Phu-nhơn đứng trước thềm xem hoa, bỗng thấy một bà già dầm một con bé vào, xin bán cho Phu-nhơn nuôi làm con Ỏ. Con bé mặt mũi xấu xa, lưng cong, cõi thụt, hai mắt xanh lè, từ tay đến trán mọc dày nhúm lông, coi hệt như tướng con chó ! Phu-nhơn hỏi定价 bao nhiêu tiền ? Bà già thưa : Xin bán, lấy một trăm đồng bạc. Phu-nhơn cười, nói : Con bé xấu đến như thế kia, có qui báu gì mà bà già đòi nhiều tiền thế ?

— Bà già thưa : Cháu nó tuy xấu, song được cặp mắt rất tinh, ở trong đám tối đen, nó cũng có thể trông rõ được cả mọi vật. Phu-nhơn nếu không tin, xin đem thử nó mà xem.

Phu-nhơn bèn đem con bé vào trong buồng tối, đóng hết cửa lại, lấy một trăm cây kim liêng vãi xuống đất, rồi sai con bé lượm thử, thì quả nhiên con bé lượm được đủ số hết.

Phu-nhơn lấy làm lạ, liền trả bà già đủ trăm lượng bạc mà mua ấy nó. Bởi nó có tướng như chó, cho nên cả nhà mới đặt tên cho nó là « Khuyền-tỷ ».

Khuyền-tỷ rất tinh linh, lại khéo chiều ý chủ, nên Phu-nhơn rất có lòng mến, thường đem lại sai Khuyền-tỷ vào buồng kín, lấy từng nắm tiền tung ra, hạn cho tức-khắc phải lượm đủ. Khuyền-tỷ nhặt không lần nào bỏ sót một đồng.

Phu-nhơn lại sai vào trong bếp tối, lục các đồ ăn, chẳng bao giờ phải dùng đèn đèn lúra, mà Khuyền-tỷ lúc ra được hết. Bởi thế mà Phu-nhơn thường khen :

— Con này thiệt có tuệ-nhẫn, ít người bì kịp !

Bỗng có một hôm, đêm khuya vắng vẻ, Vương Tường-công đốt đèn ngồi viết văn, chợt nhớ một diên tích cũ, phải tìm đến quyển sách nợ để tra cứu, liền sai Khuyền-tỷ lên văn-phòng, lấy xuống. Khuyền-tỷ lên xuống tới ba bốn lần, đều lấy lầm phải quyển khác. Bảo rỏ thứ-tự quyển sách, chàng sách, Khuyền-tỷ cũng vẫn không tìm thấy. Tường-công dỗ quạu, mắng Khuyền-tỷ rằng :

— Mày vốn là đứa tinh mắt, cái gì cũng lục được ra, sao hôm nay lục đến sách vở, mày lại mờ mắt như vậy ?

Khuyền-tỷ ung-dung thưa rằng :

— Tiết-tỷ vốn là tướng chó, cho nên mắt tinh cũng chỉ như chó : tinh về lượm tiền, tinh về lục ăn, chó có tinh về sách vở được đâu ! xin tướng-công lượng xem cho.

Nghe nói, Tường-công bật cười, ngãnh lại nói với Phu-nhơn :

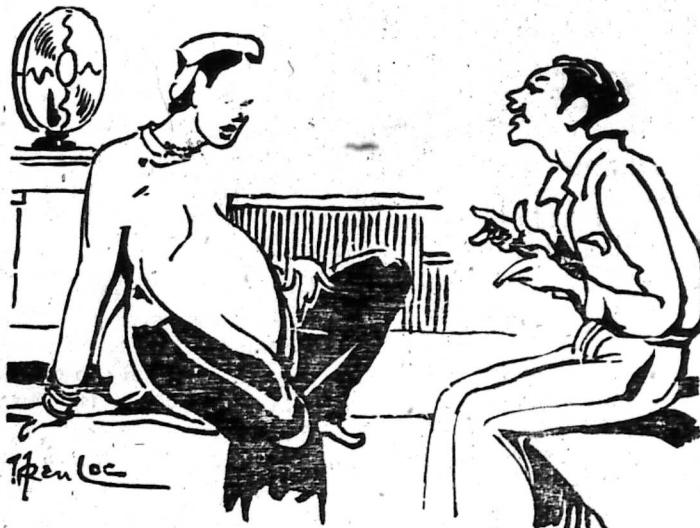
— Đời có lầm kẽ tinh về tiền-tài, ăn uống, mà nói đến sách vở cam chịu mờ mit, có lẽ cũng chẳng khác gì con bé này !

TRỊNH-DINH-RU

TAO-HÓA HÈT GIẤU ĐƯỢC MÌNH

THƯA ÔNG, CÓ MUỐN BIẾT BÀ SẼ SANH CÔ HAY CẦU?

Mấy phép biết trước coi người đàn-bà có mang
sẽ sanh ra con trai hay con gái



Thấy có vợ chồng nhiều nhà, trong khi người vợ đã mang thai lớn bụng rồi, thì cả hai vợ chồng, hoặc cầu khẩn cho để con trai, hoặc mong mỏi đừng sanh con gái; rất đôi có người chịu khó đi vái Phật lạy Bà, để cầu để con theo ý muốn của mình; có người tốn tiền đi xem bói xin xăm, để cho biết trước đứa nhỏ trong bụng mình đang mang nặng bảy giờ, sau chín tháng mười ngày nò ra đời, sẽ đóng giấy thuế thân hay là tên tuổi có lót chữ « thị »? Té ra khi vợ có thai, thì ai cũng muốn biết trước coi sanh ra là trai hay là gái; ấy là một sự muôn chung của người ta.

Nếu bây giờ có cách gì biết trước được, chắc người ta chịu lắm.

Sự biết trước ấy, có khò gi đâu. Đừng có lạy lục quỹ thần, mà mang tiếng dí-doan; đừng có đem tiền cho thầy tướng thầy bói ăn, tiếc lầm. Đây, bài này góp nhặt mấy phép biết trước, xin dâng cho quý ông quý bà, mà không đòi thẻ nhang hay xu nhô nào hết.

roy nghĩ ra.

Ông là người nước Hòa-lan (*Hollande*), chuyên-môn về thiên-văn-học, và tài đoán những việc vi-lai tiễn-dịnh cho người ta, cũng như các thầy xem số-mạng ở Tàu và ta đoán số tử-vi vậy. Ông cũng cho rằng vận-mạng của người đều có quan-hệ và chiếu-ứng với các vì sao ở trên trời. Tôi còn nhớ cách đây sáu bảy năm, thấy ông rao trên báo tây ở Paris (và có lẽ nhiều báo khác nữa ở Âu Mỹ) cho thiên-hạ biết rằng ông là nhà đoán vận-mạng, nếu ai nhớ ngày sanh tháng đẻ chắc chắn, thi chép lấy rồi gởi qua cho ông, ông sẽ đoán giùm số-mạng tiễn-dịnh cho, mà không đòi tiền bạc chi hết.

Hồi đó thấy lời rao chở ở của ông bên Hòa-lan như vầy: *M. Doxroy, Dept F. 2207 Emmastraat,*

PHÉP TOÁN TUỔI

Phép toán là lùng, dề cho biết trước người đàn bà có thai sẽ sanh ra con trai hay con gái, là do một nhà thiên - văn-học có tiếng là ông Rox-

42 La Haye, Hollande Từ năm 1926 đến giờ, tôi không biết ông còn sống hay chết, hay là còn ở cái địa-chỗ trên đây nữa không. Bà con ta, ai có hảo-kỳ, muốn ông đoán vận-mạng cho, thi biên ngày sanh tháng đẻ mà gởi cho ông thử coi.

Đến như phép toán của ông, theo sự thi-nghiệm của tôi, thấy sao đúng lắm : tôi có người chị, mỗi lần chị có thai, tôi đều toán trước thử coi sẽ sanh trai hay gái, mà trước sau 8 đứa con, không sai đứa nào.

Phép ấy như vậy :

Cộng tuổi chồng và tuổi vợ lại với nhau, rồi đem trừ cho một con số nhứt định là 40, còn lại bao nhiêu, thì trừ 1, trừ 2, trừ 3, trừ 4, trừ 5, trừ 6, v... v... cứ thế mà trừ hoài cho tới khi nào trừ hết được, còn cái số dư lại đó : « chẵn » là đẻ con gái, « lẻ » là sanh con trai.

Ví dụ :

Tuổi chồng..... 40

Tuổi vợ..... 31

Cộng..... 71

Trừ số nhứt định là : 40

Còn lại..... 31

Bây giờ mới đem số 31 ấy trừ với 1, 2, 3, 4, 5, v... v... như vậy :

31 trừ 1 = 30

30 " 2 = 28

28 " 3 = 25

25 " 4 = 21

21 " 5 = 16

16 " 6 = 10

10 " 7 = 3

Số 3 đó hết trừ được nữa rồi, ấy là số lẻ còn dư lại ; người đàn-bà có thai sẽ đẻ con trai.

Đều cần nhứt là phải nhớ tuổi vợ chồng cho đúng, thi làm toán mới có thể trúng là sau, sanh trai hay gái ; nếu sai tuổi thi đoán phải sai.

Cái số 40 đẻ trừ kia, chính là cái then chốt của phép toán, vì sao dùng số ấy trừ mới được, chờ số khác không đăng, đó chẳng thấy nhà phát-minh cắt nghĩa ra. Chỉ vì tôi thấy phép toán lạ và vui, nên chép lại đây, để hiến đồng-bào một cách giải-trí vây thôi.

Châu-phong

PHÉP THỬ ĐỨNG

Còn nhớ cách ba năm nay, tôi nghe có mấy bà mấy cô quen biết, nói lúc Annam ta có phép thử mà biết trước người có thai sẽ sanh trai hay gái. Lúc đầu mới nghe, tôi cho là dí-doan, sau

đem ra thi-nghiệm mấy lần, đều thấy đúng cả, không hiểu ra sao. Nay nhớ lại, nên muốn chép ra đây, để hiến các bạn hảo-kỳ biết cho vui, hoặc thi-nghiệm thử.

Cách thử như vậy :

Người đàn-bà nào có thai, độ 2 tháng sắp lên, cứ nằm xuống, đè một đứa nhỏ chừng 2 hay 3 tuổi, đứng trên bụng mình. Lẽ tự-nhiên là mình phải kèm đở nó, chờ đứng đè nó đứng mạnh mà động thai thi khốn. Vã lại, sự cho nó đứng trên bụng như thế, là cốt xem cách nó đứng ra thế nào mà thôi.

1. - Hè đứa nhỏ mình cho đứng lên bụng mình đó là con trai, mà xem cách nó đứng vững vàng, nghĩa là đứng cẳng 2 chun, thi đứa nhỏ đang nằm trong bụng mẹ là con trai. Trái lại, nếu nó đứng một chun, còn chun kia dở lên, thi đứa nhỏ trong bụng là gái.

2. - Hè đứa nhỏ mình cho đứng lên bụng mình đó là gái, mà nó đứng với hai chun, thi thai trong bụng nay mai sanh ra là gái. Nếu nó một chun đứng, còn dở lên một chun, thi cái thai trong bụng nay mai tới ngày sanh tháng đẻ là trai.

Cách thử vây đó, đâu qui-bà có thai, hãy thi-nghiệm thử coi ; tôi đã có thi-nghiệm nhiều lần, mà lần nào cũng đúng cả, thật lạ. Có điều khi thử, sao sao cũng nhớ phải kèm đứa nhỏ, đứng đè nó đứng mạnh sợ nguy cho cái thai.

H. V. T.

PHÉP RỘI THAI

Hai phép thử thai, do hai bạn độc-giả đã chỉ ra trên đây : một là phép toán tuổi, mà là phép toán bí-mật ; hai là phép thử di-truyền, từ người xưa đế lại ; hai phép ấy của người bày ra sao thi mình làm vậy, chờ không biết cái sô-dĩ của nó là thế nào cả.

Giờ tôi xin giới-thiệu một phép thử bằng khoa-học, của một vị Y-khoa bác-sĩ bên Huê-kỳ là Thomas O. Menees mới phát-minh ra.

Cách của ông là dùng tia sáng X (rayons X) rồi vào cái thai vào hồi được sáu tháng, có thè biết được đứa nhỏ nằm trong đó, còn ba tháng nữa ra đời, là con trai hay con gái.

Chắc độc-giả phải hỏi rằng cái sự dùng tia sáng X, chiếu vào cơ-thể người ta mà xét cẩn-binh nọ kia, thi trong nghè chữa thuốc, người ta đã dùng lâu nay rồi, chờ có lợ lùng gì đâu.

Phải, tia sáng X, người ta đã phát-minh ra và đã dùng nó thường lắm rồi ; ngay ở Saigon mình đây là châu-thành có bao lớn, mà cũng có ông đốc-tor Lan rọi kiến chữa bệnh đó chi. Vậy thi phép dùng tia sáng X, có mới là gì đâu nữa. Song ta nên biết từ hồi nào tới giờ tia sáng X, chỉ có

thè rọi thấy và chụp hình được xương mà thôi ; chờ cơ-thè nào phổi-hipiệp bởi những hóa-chất có nhiều nguyên-tử (*des éléments chimiques de grande masse atomique*) tức như là thịt, thi quang tuyến X. rồi không thấy. Nếu không rọi thấy thịt, thi rọi thấy cái thai-bảo sao đặng, mà biết được là trai hay gái. Nay bác-sĩ Thomas O. Menée cũng dùng những phương-pháp thường dùng của quang tuyến X. nhưng mà tìm ra cách mới, rọi thấy thịt và chụp hình được, cho nên nói rằng ông đã phát minh ra.

Phép của ông, trước hết dùng một thứ nước thuốc bằng iodure de strontium mà thoa vào thịt ; nước thuốc ấy không có hại gì cho người mẹ và dứa nhỏ trong bụng cã ; rồi bấy giờ mới đặt tấm kiển mà rọi quang-tuyến X. thi thấy được thịt rõ ràng lắm, có thể chụp hình được nữa. Rọi như

vậy, thi dứa nhỏ trong thai, là gái hay trai, thấy được rõ ràng. Ông Thomas O. Menée đã đem việc phát-minh này ra thí-nghiệm trước mặt hội Khoa-học Nghiên-cứu ở Huê-ký, thấy kết-quả tốt đẹp lắm.

Thì là một việc đoán trước dân bà có thai sẽ sanh trai hay gái, cũng có nhiều cách : nào là toán-pháp, nào là tục-truyền, nào là khoa-học ; cách nào hình như cũng hiệu-nghiệm cả. Nhờ nói chuyện này, ta nên biết

rằng trong nghề thuốc ta, một dồi ông lang hay thuốc, bắt mạch người dân bà có thai vài ba tháng, cũng có thể đoán trúng rằng sẽ sanh-hà con trai hay con gái, thật tai. Vậy thi ta phục ta khen cái giỏi của người ta, cũng đừng nên một dồi cái giỏi của mình mới đặng.

T. V.



TÂN VIỆT-NAM THO-XA

HANOI

Giới thiệu 2 cuốn sách có giá trị là :

I.— **VÔ GIA - ĐỊNH** là bộ giáo-duc tiểu-thuyết rèn-đúc cái tinh kiền-nhẫn, ưu-cần, tự-lập, cho nam-nữ thiếu-niên biết cách làm người.

II.— **ĐÔNG CHÂU LIỆT QUỐC** là bộ lịch sử tiểu-thuyết gồm đủ sự-tích những bài trung-thần liệt-nữ tài tử gai-nhân về đời Xuân-thu, Chiến-quốc.

Thơ gởi cho : ĐÀO-HÙNG
33bis Rue Lamblot.— HANOI

NG. DUYEN

NHÀ CHỤP HÌNH MỸ-THUẬT

ĐÀ HỌC NGHỀ 15 NĂM Ở
BÈN PHÁP. NGHỀ TINH,
HÌNH ĐẸP, LÀM MAU, AI
TÓI CHỤP CŨNG PHẢI VUI
LÒNG-VỰA Ý.

138, RUE CATINAT
SAIGON





Hình của Nguyễn-Duy-en, Gia Định

NÊN BIẾT LOÀI KIẾN

KIẾN CŨNG CÓ VUA TÔI, QUÂN LÍNH, BIẾT DỤNG LẨU ĐÀI, LÀM CẦU LỘ, MỞ RUỘNG VƯỜN. LẠI CÓ NGÔN-NGỮ, CÓ TRẬT-TỰ, CÓ TÀI-TRÍ, CÓ VỎ-NGHỆ, KHÔNG THIẾU THỨ GIÌ. NÓ NHƯ LÀ MỘT LOÀI « NGƯỜI NHỎ » VẬY.

Cái loài, thân-hình như mây bụi, là loài kiến đó, ta chờ nên khi nó là loài nhỏ nhít tầm-thường, không đáng kể trong vạn vật. Trái lại, ta nên xem xét nó cho kỹ, mới thấy có nhiều sự lạ lùng, kinh phục ; nó là một loài người « thâu-hình nhỏ-lại » chờ không phải choi đâu.

LÀM NHÀ CỦA CAO MẤY CHỤC TỪNG

Loài ong, dầu có nhiều thứ, song nó đều đóng ở giống y một kiều với nhau, chờ còn loài kiến thì nó làm ở khác nhau hết.

Có thứ kiến làm ở trong bộng cây mục, có thứ làm ở chon đống rơm, có thứ đóng theo mây cái gai của cây này cây nọ, có thứ làm ở bằng đất như mây cái nhà bằng đất của người ở thôn-quê, cũng có hào, đào hang mà ở, như gả Alì-Baba và 40 tên lái-la của va vây.

Có người lại nói có thứ kiến hay tha phần bò phần trâu đem lên mây cây cao hay mây bụi rậm mà làm ở, nó dùng phần ấy mà tó lên phía trên cho mưa khỏi dột, cũng như ta lấy ngói mà 'ợp' nhà vậy.

Có ổ kiến lớn, có ổ kiến nhỏ, mà có cả trăm và ngàn thứ lận.

Cứ theo lời nhà sanh-vật-học Hubert đã nghiên cứu thì « nhà cửa » của loài kiến có đến hai mươi,

hoặc bốn mươi tùng, mà từng này chồng chất lên tùng kia, mỗi tùng đều có kè, cột, chồng chỏi chắc chắn lắm.

Mỗi tùng đều có ngăn nắp thứ tự : có phòng khách, phòng ngủ, phòng ăn, có kho vựa, mà mỗi phòng đều nằm riêng ra một cách kin-dáo hết thảy.

Trong thế-giới, có dân nước nào gom nhóm lại trong một cái thành đâu, nhưng cái nước của dân-tộc kiến đây, chỉ gồm trong một cái chau-thành là đủ. Cái thành ấy có nhiều ổ kiến, chia ra từ quận, từ xóm, từ chợ, từ làng, cộng chung hết thảy lại có từ 5.000 đến 500.000 con kiến.

Trong các « nước kiến » nước nào cũng có đường sá đi lại thuận tiện cả.

Có nhiều con đường có đắp bờ đê, hoặc đắp giài che bằng đất, cũng có nhiều đoạn giống như hầm núi (tunnels) nữa.

CHIA ĐỀU CÔNG VIỆC RA MÀ LÀM

Kiến đực và kiến cái có đến muôn này triệu kia, xúm xít ở chung với nhau một chỗ như thế, nhưng mà chúng nó thuận-hòa êm ái với nhau lắm. Ai dầu có công rinh mò bao lâu, cũng không khi nào gặp chúng nó có việc « nội loạn » !

Chúng không có giành giựt chỗ làm, tranh nhau

ngôi thứ, không có phân chia giai-cấp, tóm lại là « chúng » không có làm chánh-trị !

Vì đâu mà chúng thuận hòa với nhau như vậy ? Ấy cũng nhờ biết phân chia công việc ra mà làm, và mỗi con đều có lòng biết lo cho đồng-chủng của nó.

Mỗi con kiến đều có một cái trách-nhiệm, rồi cứ giữ trách-nhiệm của mình mà làm. Cái trách-nhiệm của các « bà chủ » (*les reines*) là để trừng, ấp con, để gìn giữ chủng-tộc đời đời. Bọn kiến ấy là « mẹ » của quốc-dân, quốc-dân phải hết lòng bảo hộ và tôn kính. Còn quốc-dân mỗi hạng đều có công việc cả.

Trong mỗi ô kiến, có công lao thứ nhứt là thứ kiến-thợ (*les ouvrières*), chuyên lo đũi thứ vật dụng trong nhà, và cũng làm việc kiến-tạo và canh gác gìn giữ ở hang nữa. Tốp này thì lo canh gác ở các chỗ hiểm yếu chặt hẹp, để khi có việc biến xảy ra, nội mội con kiến cũng có thể ngăn đường, và khi phải xung đột với ai thì nó lấp mắt ngó hẻm ấy lại cho le. Tốp kia thì lo chồng chất lương phan trong một cái kho chung rộng rãi, hoặc chung quanh những cây cột chống chỏi cái nóc nhà.

Có nhiều đám kiến có một giống kiến « eth » rất lạ kỳ, cái bốn-phận của chúng chỉ có thâu đường mặt mà chưa vào bụng, đợi khi có ai hỏi đến thì phát ra cho người ta dùng. Thứ kiến ấy cái bụng nó thun cũng như cao-su, còn miệng mồm căng chun thì không cựa quậy gì được. Người ta cho thứ kiến ấy cũng như những cái bình đựng đường mật và những cái bao da mềm mại, hễ đồng-bào ra dấu một cái là nó vung lịnh phát đồ ăn kia ra liền.

Kế thứ này, có một thứ kiến khác, lớn con, đầu có lông, mà đen thuui. Người ta quen gọi thứ kiến ấy là thứ kiến thượng-vô, nhưng chẳng hề khi nào thấy nó đánh với nhau bao giờ. Nó chỉ hay can-thiệp vào những lúc đồng-bảo nó bị sáu bọ sát hại. Ấy là những tay gánh vác việc binh-vực cho đồng-bảo đó.

CÓ TÀI TRÍ, BIẾT PHÁT-MINH

Loài kiến tuy nhỏ-nhỏit chẳng ra chi, nhưng nó cũng có trí khéo óc khôn, biết phát-minh món này, chế-tạo vật kia, chẳng kém gì người.

Một bữa kia, M. Lund, đứng nghĩ chun ở dưới bóng cây cối giữa đồng, bỗng thấy khi không lá cây ấy lại đua nhau mà rụng xuống cỏ đồng. Trời yên tĩnh, không có một chút gió, cớ sao lá cây lại rớt xuống như mưa làm vậy ? Một điều lạ hơn nữa, là những lá cây ấy vẫn còn troi xanh, và cái cây kia cũng không có héo xaud chi cã.

Lấy làm lạ, M. Lund bèn lượm một lá cây lên mà xem kỹ, bây giờ ông mới thấy ở chỗ cuống lá cây nào cũng đều có một con kiến đeo ở đó mà cắn, và lá cây bị nó cắn đứt cuống nên mới rớt xuống đó.

Coi lại ở dưới gốc cây, thấy một tốp kiến khác đang xùm nhau cắn lá cây đứt ra mạnh mùng, rồi đua nhau mà kéo hết về ô. Chúng nó làm như vậy nội trong một giờ, cái cây kia gần trui lá !

Chuyện này lại tỏ ra loài kiến cũng có sáng-kien và biết chuyện về kỹ-nghệ nữa.

Một chàng thanh-niên kia đang nghiên-cứu về loài kiến, mỗi lần anh ta lấy đường mà rắc đầy theo khuôn cửa sổ, thi cái đám kiến thoả ở ngoài vườn hay, kéo eã đoàn cã lù mà vào nhà, rồi thỉnh thoảng tha lẵn đi cho tới hết. Thấy vậy, ngày kia anh nọ tính trác đám kiến này chơi, coi nó làm sao cho biết.

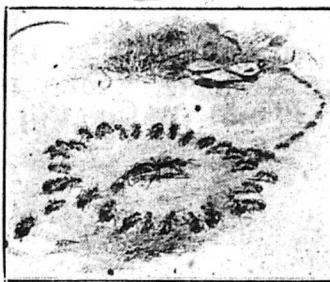
Anh ta lấy đường đồ vào một cái hủ, rồi lấy dây cột cõi cái hủ mà treo tòn ten ở giữa khuôn cửa sổ. Bây giờ muốn làm cho kiến sớm biết rằng có đồ ăn để sẵn kia, hãy lên đó lấy về mà ăn, anh ta

liền bắt nấm bảy con kiến mà bỏ vào hủ đường ấy. Bọn kiến này gặp nhiều đường quá, nhầm thế nội bọn làm không xuể, mới tính chạy về ô, kêu hết bà con tới khuân về. Chúng nó biết muốn chạy về, thi phải leo lên miệng hủ, trèo theo sợi dây treo cái hủ mà qua khuôn cửa sổ rồi bò trên vách tường mà đi tuốt ra sau vườn.....

Tìm được con đường di ấy rồi, nội trong giây lát một dọc kiến từ ngoài ô kéo lăn vô chỗ cái hủ đường.

Chúng nó làm sao trong hai ngày kế đó thi không biết, mà một buổi sớm mai kia, anh nọ lại thấy kiến không thèm leo vô hủ đường nữa, chúng chỉ đứng ở tại khuôn cửa sổ, chỗ ngay dưới đít hủ đường.

Tại sao vậy ? Tại chúng suy nghĩ cái ông chủ nhà muốn cho chúng ăn mà làm thất công chúng quá, bây giờ chúng phải tính cách gì để thâu con đường kia ngăn lại mới được. Chúng đẽ chừng vài



Người ta cho kiến cũng có nghĩa vua tôi, thiệt vây; ta coi kiến chúa đi giữa, chúng quanh có quân lính bao bọc hộ vệ.

chục con kiến thợ ở trong cái hủ đường, lo tha đường đem lên đê dài trên miệng hủ, rồi leo lên đó hắt cho nó rớt xuống, tại chực ở dưới mồi lượm mà tha đem về ồ.

Đại-khai những chuyện bảy tò tài trí của kiến như vầy còn nhiều, nói ra không hết đặng.

LOÀI KIẾN CÙNG CÓ TIẾNG NÓI CỦA NÓ

Chẳng những loài kiến nó hiểu biết nhau, mà chúng lại còn có nhiều cách hiểu biết nhau hay hơn bọn mình nữa.

Trong một đám đông người Á-châu, nếu có lòn một người Âu-châu hay Phi-châu vào đó, thi ta dè biết lắm, nhưng nếu có hai người Đức và Ý đứng gần nhau, chắc ta không thể nhận ra người nào là dân nước nào được.

Thế mà loài kiến thì không khi nào lại có sự lầm-lộn ấy.

Nếu ta chơi cắc-cờ, bắt một con kiến lớn, hay một con kiến con, ở ồ kiến lạ, thả vào một ồ kiến khác, tức thì con kiến ấy bị đánh, bị đuổi, bị cắn, hoặc bị túi kiến kia giết chết liền.

* Trái lại, bây giờ nếu ta bắt vài con kiến con ở ồ đó, đem nuôi ở một chỗ khác cho đến lớn, rồi đem về mà thả lại vào ồ kiến cũ đó, tức thì mới gặp, chúng đã biết nhau, mừng rỡ nhau liền.

Tại sao mà chúng biết nhau giỏi vậy? Thật chưa ai hiểu được.

Kiến cũng có tiếng nói nữa. Ta cứ xem chuyện dưới đây thi biết.

Đập chết một con ruồi, lấy cây kim gút ghim nó vào gốc cây, cho một con kiến ngó thấy. Nó đứng đó hồi lâu, biết không thể nào tha miếng mồi ấy về được, nó bèn lật đật chạy về ồ, trong giây lát đắt lại bảy tám con kiến khác.

Bọn kiến này chắc còn đang mê ngủ, song bị con kiến kia kêu giục ngược dậy, bắt phải đi với mình, nên ép lòng đi theo, mà chon không muốn bước. Bấy giờ con kiến kia mới rầy la, thúc hối, lùa riết túi ấy đến chỗ «cục thịt» kia mà chỉ cho nó thấy, để ráp lại cắn rút mà tha về.

Trong lúc chinh-chiến, chúng nó nghe hiệu lệnh nhau rất rõ ràng, và có người dò kỹ thấy chúng nó biết lén nghe mưu kế bên nghịch rồi thay đổi chiến-pháp của mình nữa.

Gặp lúc quân địch vây đánh thịnh linh, người ta thấy chúng biết đập cái bụng xuống đất, đập đi

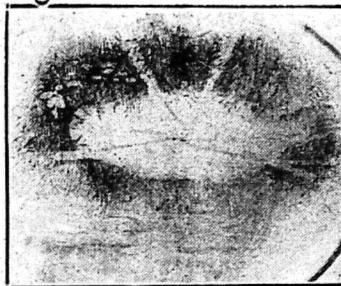
đập lại nhiều lần, để báo tin giặc cho cả ồ đều biết.

BIẾT CỨU GIÚP LẦN NHAU. CÓ LẬP NHÀ THƯƠNG VÀ BÀY PHÉP VỆ-SANH NỮA!

Loài kiến lữa (kiến đỏ) ở xứ Án-dô thiệt là nhỏ nhít quá. Cả chục con xúm lại kéo một hột lúa hay hột bắp coi bộ mệt nhọc lắm, song chúng nó lại dẻo-dai, dám kéo đi xa đến bảy tám trăm thước. Giống kiến ấy lại có tiếng là giống kiến lè-phép, chỉ có dân Nhựt-bồn mới có thể dám sánh với nó. Lúc nào kéo nhau đi kiếm mồi, con đi không gặp con tha đồ cũng chạy lại chào mừng, song chào mừng rồi bỏ đi liền, để khỏi mất ngày giờ của con kiến nọ.

Đối dãi với nhau có lè phép như vậy thì thế nào cũng có lòng tốt, cứu giúp lẫn nhau trong cơn tai-nạn.

Ông Lubbock có thuật chuyện rằng ông quan sát trong một ồ kiến kia, ông có thấy một con kiến mới nở, không có cái vòi ở trên đầu. Con kiến ấy cứ ở trong ồ hoài.



Một khu tròn trịa, mẩy ngã có đường, cách xây đắp của chúng nó thật khéo thât đẹp, không khác mấy cái công-viên của người làm.

Một lát sau, có một con kiến đồng-bào của nó đi ngang qua đó, đứng lại một hồi lâu, rồi lật đật tha riết nó về ồ. Tui kiến

trong ồ mới xúm lại o bế nó, săn sóc nó, le lưỡi

mà liếm vết thương của nó và mỗi con đều nhâ

một chút nước gì ra trên những vết thương ấy.

Ông Huber lại thuật chuyện ngày kia ông bắt một mớ kiến bò vào một cái ồ kiến già của ông, có mẩy con kiến thoát ra được, bèn chạy riết về. Khi nó gặp túi nó, nó nhìn biết liền, nó mới huoi tay huoi chun hình nhu thuật chuyện nó mới vượt ngục, rồi lấy vòi lấy râu mà vuốt ve nhau, và mẩy con kiến ở không mới tha mẩy con kiến kia về ồ.

Một lát sau, nó kéo ra cã đoàn di riết đến cái ồ kiến già của ông Huber, nói giống gì với nhau không biết, mà trong ít ngày, chúng đắt nhau đi mất hết. Coi đó ta dã biết là kiến cũng biết cứu giúp lẫn nhau trong khi tai nạn, và hiểu nghĩa đồng-bào là thế nào.

Loài kiến lại có bày ra một cuộc chơi thê-thao, mà ta nên gọi là phép vệ-sanh của nó. Ông Huber có ngó thấy nó đứng nội mẩy căng sau, làm bộ như xung đột với nhau, rồi chạy đi trốn-bắt (ca-

chè-cache) nhau nữa. Có khi nó lại co giò co căng, lăn tròn dưới đất, nhào lộn cho đỡ thèm, đến khi mẩn giờ mới đi làm việc.

ÁC-TÁNH HÃY CÒN BIẾT ĐI CHINH-PHỤC ĐỒNG LOẠI VÀ BẮT LÀM NÔ LỆ !

Chuyện dưới đây mới thiệt là lạ, và gần giống với chuyện con người lầm. Loài kiến cũng như loài người, phát nguyên ra cũng từ chồ dâ-man mà tân hóa lần đến cỏi văn-minh vậy.

Bọn kiến dâ-man này nó ở chung với nhau lại một chồ, ngó bộ hung hăng dữ tợn lắm. Gặp một cái đốt kiến nào yếu thế hơn, là chúng liền ào vò, rồi mạnh ai nấy chém giết vor vét.

Giống kiến hung dữ này không có nhiều, và chúng chỉ ở nơi rừng buội. Ở hang của chúng ít lắm, và cái tình đoàn thể cũng chưa mở mang như các giống kiến thường. Giống kiến này cũng biết hiếp đáp tự yếu hèn hơn, và bắt làm nô lệ cho mình.

Chinh ông Huber đã có thấy rõ việc này. Ông đi dạo chơi chung quanh thành Genève, bỗng gặp một đoàn kiến rất dữ tợn ấy, chúng bò mau lắm, bò ngang một cái hàng rào thật rậm, vào một đám đồng cỏ, kế gặp một đốt kiến hối(kiến đen) khá lớn. Chúng liền ào vò, bị đám kiến kia đánh đuổi nhiều lượt, nhưng rốt lại, chúng phá được một lỗ rồi kéo rốc vào. Cách vài phút sau, ông Huber thấy chúng lật đặt bò ra mà trong miệng con kiến nào cũng có tha một cái trứng hoặc một con kiến hối con hết thay.

Tuy vậy, dầu cho loài người, hay là loài vật cũng không thể nào thoát khỏi cái luật xây vần của tạo-hoa.

Bọn kiến rừng bắt kiến hối đem về nuôi cho lớn để mà lợi dụng nó, để bắt nó làm nô lệ cho mình, nhưng sau rồi kiến rừng lại phải bị kiến hối lung-lạc lại. Có người làm việc, dừng của cho mà ăn, đám kiến rừng cứ ở không thết rời hóa ra lười biếng, sức lực suy kém, tay chân yếu ớt, thậm chí đến quên hết cả tài nghệ của mình.

Bây giờ bọn kiến hối nô-lệ kia mới làm đở làm hàng cho bọn kiến rừng ở, đi kiếm mồi về cho bọn kiến rừng ăn, và nuôi nướng đám kiến mới nở kia nữa. Còn việc này mới đẽ tức cười cho chớ.

Khi nào dọn đở đi ở chồ khác, bọn kiến rừng cũng chẳng thèm đi, chúng chỉ bắt đám kiến nô-lệ phải cõng chúng trên lưng mới sướng !

Cái này mới là khốn nạn hết chồ nói và mời bày tỏ cái tánh áp-chế kẽ yếu hèn lung lầm.

Cái đám kiến chủ kia lại không biết ăn, dầu lương thực đầy kho, và đói bụng chí tử di nữa, thà chết thì chịu chết, chờ chúng cũng không tự ăn lấy mà sống ! Chúng bắt kiến nô-lệ phải nhai đút cho chúng ăn, ăn rồi phải rửa miệng rửa tay cho chúng, khi nào ngực nội lại phải tắm rửa cho chúng nữa !

BIẾT CÁCH CHĂN NUÔI LOÀI VẬT

Loài kiến cũng có nhiều thứ biết chăm lo làm ăn giỏi lắm. Chúng cũng biết chăn nuôi như người.

Đi đường ta thường gặp một đám muỗi mòng xúm lai bu một cái rễ cây nào thì thường có một con kiến xằn-vằn ở một bên đó. Con kiến ấy cũng như kẻ chăn trùu chăn chiên, nó đứng giữ bầy thú của nó đó.

Loài kiến cũng biết nuôi bò heo, gà vịt v.v. Những muỗi mòng ấy là bầy bò của nó đó ; khi nó lấy râu của nó vuốt ve mấy con ấy, tức là nó năn nít, mấy con muỗi mòng, mỗi con đều nhả ra cho nó một chút nước thật ngọt, để nó ăn với nhau.

Muốn đèn ơn lại cho đám muỗi mòng kia, kiến bảo hộ cho nó khỏi bị kẻ nghịch hiếp đáp, và đào lỗ đào hang cho chúng nó ởkin đáo.

Chẳng những vì sự ích lợi cho mình mà kiến phải trồng nom cho đám kia như thế, kiến lại còn tha tới trứng của đám kia đem về mà ấp giùm và nuôi giùm con cho đến khi khôn lớn nữa.

Người ta nói rằng kiến cũng biết lo việc Dục-anh đó.

CÙNG BIẾT LÀM RUỘNG LÀM RÀY NỮA

Ngoài cái đám kiến biết chăn nuôi súc-vật kia, lại còn một thứ kiến biết làm ruộng làm rày nữa.

Loài kiến ở Texas (Huê-ký) biết cấy lúa, gặt lúa, thứ lúa của nó làm ra đó, người ta kêu là lúa kiến (blé de fourmi). Chúng nó xúm nhau lại dọn một khoanh đất tròn lối đồi ba thước ruộng vuông ở gần bên đờ hang nó, rồi hé hụi nhau mà làm coi



Kiến cũng là tay kỹ-sư cầu-lộ, ta thử coi đường đê của chúng đắp, hầm của chúng đào, có thua gì tài của người đâu.

bộ mèt nhoc cũng như ta làm ruộng kia vậy, rồi mời cầy lúa.

Kiến biết trồng nấm (champignons) nữa, mà cách nó trồng khéo lắm. Nó lo săn sóc cho nấm, bắt nấm phải lên theo ý muốn của nó, chờ không phải lên tự nhiên được. Nó cũng biết lập vườn, cái vườn của nó có khi chưng mấy tắc, mà cũng có khi rộng lớn đến mấy thước. Trong vườn ấy nó có xé đường lối hẳn hoi. Nó lại biết tha lá cây về để làm phân mà vụn quén cho đám nấm của nó đó.

Khi nào một con kiến tha được một miếng lá cây đem về tới đà, nó liền cắt ra làm hai, đưa một miếng cho con khác, con ấy cũng cắt ra làm hai rồi đưa cho con khác nữa, nó làm như vậy tới chừng nào lá cây nát nhỏ, nó có thể ngâm trong miệng mà nhai, hoặc lấy chอน mà nhồi cho thành ra một thứ bột rất mềm và rất nhuỵen, chừng ấy nó mới đem ra vườn, đào nhét vào gốc nấm.

Một cây nấm đê lên tự nhiên thì lên được từ 15 đến 20 phân, chờ còn thứ nấm của kiến trồng rất kỳ lưỡng và rất bi-mật dây thì chỉ nở lớn, tốt tươi, chờ không lên cao được. Kiến dùng những nấm ấy mà ăn cũng như ta ăn khoai tây vậy !

Cái cách trồng nấm của kiến đây làm cho nhiều

tay trồng nấm nghè ở Paris cũng phải phục tài. Thứ nấm là thứ khó trồng hạng nhất, người ta trồng thế nào cũng có hư, thế mà kiến trồng thì cây nào cây nấy cũng tốt cả.

Té ra kiến thao cách trồng tia hơn minh, phỏng có lạ không ?

KIẾN CHO TA NHIỀU SỰ HỮU ÍCH

Đọc chuyện loài kiến nay giờ, độc-giả có lấy làm lạ và vui lòng chút nào không ? Tôi tưởng chẳng những là chúng ta có lấy làm lạ, có vui lòng, mà cũng cho là có ích, vì rút ra trong chuyện này được một bài học quý báu.

Một nhà sanh-vật-học nói rằng khi ta trồng thấy một ở toàn là những kiến siêng năng, nó cất nhà, chia phòng, dấp đường, làm cầu, chất chứa lương-phận, chăn nuôi súc vật, làm ruộng làm rẫy, lập nhà thương, nuôi trẻ nhỏ, cứu giúp kẻ tội nguyễn v. v... con nào cũng biết lo làm hết bỗn phận mình, không ganh ghét, tranh giành, như vậy thi tất nhiên ta phải có bụng công bình mà khen phục loài kiến.

Loài kiến có thua loài người là thua sự to lớn, chờ còn công việc làm, cũng chẳng kém là mấy.

MINH-CHÂU

Dịch thuật

**Đèn MANCHON hiệu
TITO - LANDI**

danh tiếng đã 30 năm
rồi. Có mua hãy
nhìn cho kỹ nơi trực
vận tắc cháy có chữ
“TITUS” nó sẽ chứng
chắc cho mình là thiệt
hiệu TITO-LANDI.
Bán sỉ và bán lẻ tại
Saigon, hiệu:
NGUYỄN-THỊ-KINH
30, rue Aviateur Garros
N° 3-120 B.

Cách trừ bệnh ho

Quí ngài có bệnh ho xin chờ có đề lâu, khó trị.
Các chứng ho như là: Ho phong, ho gió, ho siêng,
ho cảm, đờm bùi ho máu, ho đàm, ho khạc ra máu,
ho cho đến đồi khang tiếng. Xin quí ngài hãy nhớ
mua cho được Thuốc-Ho (Bắc Bứu) dùng trong mười
phút đồng hồ thì thấy hạ đàm, hết ngứa cổ, trong minh
rất dễ chịu, nội ngày thì hết ho. Hiệu thuốc này có
cầu chứng tại Tòa, và khắp cả Đông-Pháp có hơn 150
nhà Đại-lý bán. Tôi dám bảo kiết, nếu dùng thuốc ho
này mà không hết ho, tôi xin trả tiền lại. Trừ ra bình
ho lao thì thuốc này làm bớt chớ tuyệt không đăng.
Sự hay của thuốc nói không cung, quí ngài dùng rồi
mới rõ lời tôi là đúng với sự thật. Saigon có bán nơi
tiệm Nguyễn-thị-Kinh và tiệm Alphonse Đồng ở góc
Chợ-mới. Các gare xe điện đều có bán. Từ gare Bình-
Tây, tới gare Thudaumot, xin hỏi mấy gare ấy thi có
chứ tôi không có dân bản. Mua sỉ có Hué-hồng 25l.
do nơi nhà Đại-lý đúc quyền, khắp cả Đông-Pháp.

M. NGUYỄN-VĂN-PHỐ
Boite Postale, 63. SAIGON

Giá mỗi gói.... 0\$14

CHUYỆN CỦ NUỚC NHÀ, DO ÔNG GIÀ BÀ CÀ THUẬT LẠI

Ô HÒ ! ÔNG ĐỊA !

Làng Bình-sùng, có cái miếu thờ ông Địa, ở dưới gốc cây da lớn, ai cũng đồn là linh thiêng lắm. Cầu cái chi cũng được, vài cái chi cũng được, có đều hè hả với Địa thì phải cho nhớ lời !

Thật Địa không có giúp mạnh hiếp yếu mà ăn hối lộ, không có bươi móc chuyện nhà ai mà kiểm rurus thịt, xôi chuối, có đều Địa giúp cho sự gì, hứa sẽ đèn ơn đáp nghĩa cho Địa, mà, hoặc vô ý, hoặc có ý, quên pherk việc ấy đi, thì Địa deo theo mà đòi cho kỳ được !

Cùng ở một làng với Địa, có tên tư Num đã ba mươi mấy tuổi, đã có vợ con rồi chờ phái, nhưng thẳng cưng đầu cưng cõi một cách lạ. Nó không tin thánh thần gì hết, nó nói Địa là com-ba-lờ-ri-đt (*compatriote*) với nó, hè nó có chuyện thì Địa phải giúp, Địa có hết tiền hết gạo lại mượn thì nó cho, vây là « hẫu » với nhau lắm rồi !

Mà thiệt, ai đi ngang qua miếu Địa cũng đều ngừng xe, xuống ngựa, hoặc lột khăn nghiêng dù xá xá, nhưng thẳng tư Num đi ngang, nó đã không làm như người ta, mà nó lại còn kêu xách khoé ông Địa mà giã ngô : « Địa ơi ! có ông ở nhà đó không ? Lại tôi làm gà nhậu chơi ? » Ai rày la cách gi, thẳng tư Num cũng không bỏ cái tát « con khỉ » ấy.

Bùa nọ, khi không tư Num nhào lăn, la đau bụng vang trời... Vợ nó chạy thuốc này, rước thầy kia thổi vòi lồng vò xóm, mà cũng không làm sao cho nó hết đau bụng ! Có chị đàn bà khều vợ tư Num ra hè nói nhỏ :

— Tao chắc thẳng tư nó bị ông Địa quở lắm mầy ! Đầu mầy lén nó ra vải với ông Địa cái thử coi ?

Một lát sau vợ tư Num bิงnhang đèn ra miếu ông Địa vái lạy rồi về tới nhà, thì tư Num đã cười dồn như thường ! Ai nấy đều sã g sốt, lại càng kính sợ ông Địa hơn nữa.

Bùa nọ vợ tư Num mới biếu chồng làm thịt heo đem ra cúng ông Địa đặng trả lề, vì hôm đau bụng, chì ta có vái ông Địa tội một heo lận ! Nghe nói, Num tức quá, hỏi :

— Ai biếu mầy vái ?
Tao không cúng ai hết.
Tao đau nếu Địa có thuốc
thì cứu tao, ấy là chồ anh
em dần công với nhau,
chờ lại ơn nghĩa gì đó ?

— Minh nói sao kỵ quá.
Ngài là thánh thần, còn
minh là phàm tục, anh
em cái gì vậy mà anh em ?

— Thánh thần sao không
ở trên trời lại ở chung
một làng với tao ? Ủ, cho
ông là thánh thần đi nữa,
thì cái trách-nhiệm của
ông ở đây là đè mà cứu
dân độ thế, phân phải
phân trái cho xóm làng.

chờ trời lại cho phép ông ăn heo, ăn gà, đòi lè đòi
vật nữa sao ? Tao không cúng ai hết. Nếu tữ tế,
bùa sau tao ra mời ông vô nhà ăn khô tra uống
ruou rứng chơi một bùa vây là đủ.

Vợ tư Num thấy chồng nói ngang như vậy, cũng
không biết làm sao, vã lại cũng có bụng xấu, tiếc
con heo, nên lấy lết rồi bỏ qua việc ấy.

Bùa kia Num đi làm cỏ về, lại phát đau bụng



TƯ NUM ĐAU BỤNG

nữa, mà trận này lại đau dữ, làm như có ai lấy kẽm mà kẹp ruột gan của anh ta vậy. Rước thay chạy thuốc thôi đã hết hơi, mà cũng không ra lì m sao cả.

Có người đến thăm, kêu vợ tư Num mà nói :

— Chém chết thẳng tư nó cũng bị ông Địa phạt, đâu may vái lại ông thử coi ? Hôm trước tao biếu cũng cho rồi, cứ cái !

— Tôi muốn cúng mà nó không chịu chờ.

— Không chịu sao được ? Thôi, nhang đèn ra vái lại đi, rồi khi lành mạnh phải cúng ông.

Vợ tư Num vâng lời, đến miếu vái ông Địa, thiết quả tư Num lận lẩn bót đau bụng rồi mạnh.

— Vợ nó mới đem việc ấy mà thuật lại cho nó nghe, chuyện này nó không cải lèn rầy rà, nhưng coi lộ suy nghĩ về sự ấy lung lăm.

Bữa kia vợ mới nói với chồng, để làm thịt con heo mà trã lè cho ông Địa phước đi cho rồi, tư Num cười rồi nói :

— Tánh tôi thùở nay không tin dị đoan, mình cũng đã dử biết. Tuy vậy, mình đã vái lở đi rồi thì phải cúng, song việc cúng kiến thánh thần là việc hệ trọng, phải tính cách làm sao cho lè-vật của mình đem cúng không phải là tổn hao một cách vô lối.

— Minh cũng còn nhiều chuyện hoài. Đã vái cúng một heo thì bây giờ cứ làm thịt con heo đem đến miếu mà cúng, chờ có gì mà phải nghỉ cách kia cách nọ ?

— Minh nói cái đó mới thiệt là ngang và bậy lăm. Thánh thần ăn uống khác, mình ăn uống khác, chờ có phải cũng một cách với nhau đâu ? Tôi tính dè mai tôi đặt con heo đem ra miếu giao cho ông Địa, rồi vái lè ông như vậy : « Thưa ông, hôm trước tôi đau bụng, vợ tôi nó nóng ruột, nó chạy ra cầu cứu với ông, làm phiền lòng ông quá. Muốn dèn dập công ơn của ông, nó có hứa sẽ trả lè một heo, vậy nay tôi mạnh rồi, ấy là nhờ ông, nên tôi xin đem con heo ra đây dè trả lè cho ông đó. Thưa ông Địa, tại sao mà tôi không làm thịt con heo đè cúng như thiêng hạ đã làm, thuở nay đó vậy ? Ấy là tai tôi nghỉ ông là thánh thần, cách ăn uống rất là tinh khiết, còn chúng tôi là kẽ phàm phu tục tử, sự nấu nướng vụng về

và không được sạch sẽ, sợ e làm chẳng vừa lòng ông mà thành ra thất lè cũng không biết chừng. Bởi có ấy, tôi xin giao con heo cho ông, ông chịu khó bảo kẻ bộ hạ nó làm thịt nấu nướng cho ông ăn cho vừa miệng ! » Đó, mình coi tôi làm như vậy, có phải là hết lòng kính trọng ông Địa đó không ?

Vợ tư Num nghe nói, biết ý chồng mình còn muốn phá ông Địa nữa, nên cố sức ngăn trở mà cũng không được. Tư Num bèn cột dây, dắt con heo ra miếu, vái ông Địa y như câu nói hồi nay, rồi cột con heo vào cốt ông Địa mà về.

Đến trưa, con heo đòi bụng, bèn lôi cốt ông Địa đem về nhà tư Num. Tư Num thấy vậy tức cười lắm, song làm bộ chạy ra ôm cốt ông Địa lên mà nói :

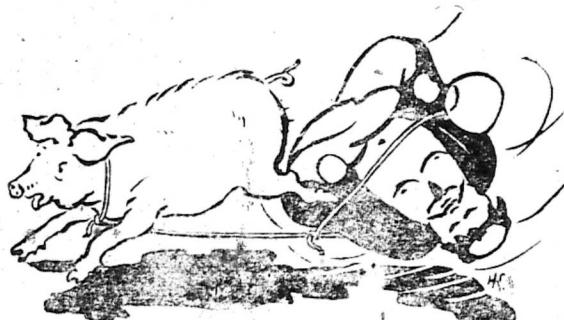
— Trời đất ơi ! Ông làm chi mà cực khổ lầm vạy ông Địa ? Tôi cũng, ông hưởng rồi, muốn trả cái xác con heo lại thì cứ cột ở ngoài, tôi sẽ ra dắt nó về, chờ cần gì ông phải dắt vô trả cho lầm minh lầm mây hết vậy ? Thiệt, tôi nghiệp quá ! ...

Tư Num đem cốt ông Địa đi tắm sạch sẽ rồi liền ôm ra miếu mà trả lại và nói với vợ :

— Đó, mình coi cách cúng kiến của tôi có hay không ? Đã vừa lòng ông Địa mà lại khỏi chết con heo của mình nữa. Vợ tư Num giận không thèm nói rằng chi hết.

Ông Địa làng Bình-sùng thật linh thiêng thiệt, chờ không phải dở. Lâu nay ông bị tư Num dèn ngroei, ông tức lắm, song ông cũng bỏ qua, không thèm chép nhứt chi chuyện nhỏ mọn. Nay thấy tư Num làm một ngày một lóng quá, dám đem con heo mà nhem thèm, chờ không cho ông ăn, ông lại càng giận hơn, định phải trừu trị nó một chuyến mới được. Ông nói thầm :

« Thằng tư Num nó xác-xược, dám thắt lè và diều cột với ta, lại còn cõi-dòng cho dân sự trong làng dè duỗi ta, ta đã hành nó đau bụng hai lần, thế mà nó không tốn. Hôm nọ đến ngày cúng ta, nó lại cõi con heo vào lưng ta, làm cho con heo lèi ta trầy mặt, dập đầu, uống nước gần chết. Ta phải trừu-trị nó mới được. Bắt nó đau bụng nữa chẳng ? Không được. Đòn bắn cũ hoài, chỉ cho



CON HEO LÈ CỐT ÔNG ĐỊA

khỏi dân làng cho ta là dứa « thù vặt ». À phải rồi ; chị Cửu-thiên Huyền-nữ có cái kim-cô tài lầm. Cái kim-cô ấy nó cũng tương tự như cái niền bắng mây, bè trống vào đầu ai, đọc một câu thần chú, tức thì nó riết chặt lại, làm cho phải nhức đầu như bে di lận. Được, đè ta lên chị Cửu-thiên ta mượn kim-cô về trị thẳng Num, coi nó phải làm thịt con heo cho ta ăn hay không cho biết.»

Bữa sau tư Num đang nằm xem *Số đặc biệt* của *D. N. N.* ra bời Tết, thỉnh linh buông tờ báo, là nhức đầu như nǎo làng. Nó nhào lộn, nó nhẩy nhôm, càng la càng nhức thêm hoài.

Chòm xóm hay tin chạy tới chặt nhà, kẻ thoa dầu, người xát thuốc, nhưng làm gì cũng không hết. Có người biều dầu vái ông Địa nữa thử coi, vì không biết chừng ông phật nó đó. Vợ tư Num nói :

— Hè đau thì vái mà chừng mạnh thì không chịu cung, thi chết nó nó chịu chờ ai thèm vái làm chi ?

Trong lúc ai nấy bàn vái ông Địa đó, thì dầu tư Num hơi bớt nhức một chút. Thấy vậy có người nói :

— Thắng tư chắc nó tiếc con heo, vậy thôi có

vái thì vái vít gà chỉ độ cũng được mà !

Đầu tư Num lại nhức lung bơm nữa. Ai nấy đốc tư Num phải mau mau vái đi, tư Num vì đau quá chịu không nổi, nên phải ép lòng nói.

— Ông ai ông Địa, cho tôi mạnh, tôi sẽ cung...

Nói tới tiếng cung, nó bèn ngưng lại để suy nghĩ coi phải hứa vật gì... Ông Địa muốn cho nó nói « *cúng con heo* » cho mau, nên bóp riết, bóp riết... Bị bóp dầu đau quá, tư Num nỗi giận hét lên một tiếng rồi la lớn : « Mầy a ! Đưa cái búa dày cho tao, mau nó. Đua búa tao bữa dầu tao ra coi vật gì ở trong mà nó hành tao nhức dữ vậy ! Mau, đưa búa dày cho tao ?... »

Thấy bộ tịch tư Num lăn-xăn, lại nghe nói một cách quã quyết, ông Địa lo quá. Lở ra nó xách búa bữa dầu thiệt bẽ dầu chẳng ai sá gì, nhưng rủi đứt cái kim-cô là bưu bối của bà Cửu-thiên, thì lấy gì mà đền lại cho bà ? Không được, không lẻ ta vì một con heo mà đem cái kim-cô ra đổi nó ! Thắng khó chơi thiệt !

Vợ tư Num vừa xách cái búa chạy ra, thì Địa đã thâu kim-cô mà về miều !

Từ ấy tư Num đã không đau bụng, không nhức đầu, mà lại làm ruộng trúng mùa, trong ít năm hóa ra một nhà phú hộ !

KHẨ-HÚY

Giá hạ rẻ hơn các nơi chỉ có

PHONG-CĂNH
KHÁCH - LÂU
Mà thôi.

Telephone 107

VỎ - VĂN - BẢN

Directeur Propriétaire

XU'A NAY

MÓI CÓ

TẠI SAIGON LÂN THÚ NHÚT

MỘT NHÀ THUỐC-TÂY

CỦA NGƯỜI ANNAM TA

Bán giá nhẹ-nhang

Tiếp đái nhậm-lẹ

Xin Qui-khách đến viếng một lần thì rõ,

PHARMACIE DE L'INDOCHINE

ĐÔNG-DƯƠNG DƯỢC-PHÒNG

NGUYỄN-VĂN-DĂN

Pharmacien de 1^{re} Classe
132, Rue d'Espagne, Saigon

Xe Autobus Annam

Sự di lại ở Saigon và mấy nơi phụ-cận là Giadinhh, Govap Cholon, Phunhuân, không có cách di nào lợi-tiện và mau chóng cho bằng di xe Autobus. Xe đã chắc chắn sạch sẽ, không phải...

...Chờ đợi mất ngày giờ, lại



lên xuống đâu cũng dễ dàng. Huống chi xe autobus đó lại là của đồng-báo ta chủ-trương, thì đồng-báo càng nên chiều cỗ giúp đỡ dễ cho công cuộc ấy được phát-dẠt vững vàng. Cái nghĩa thương yêu đồng bào là vậy đó.

M. HUỲNH-VĂN-DƠN
CHỦ HÀNG XE AUTOBUS
CHẠY CÁC ĐƯỜNG SAIGON —
GOVAP, SAIGON — CHOLON
SAIGON — PHUNHUÂN



CRÉDIT FONCIER DE L'INDOCHINE

ĐÔNG-PHÁP ĐỊA-ỐC NGÂN-HÀNG

Nặc-danh Công-Ty vốn hùn 110.000.000 quan

Hảng chánh tại Paris, số 51, đường d'Anjou

CÁCH CHO VAY CÓ THỂ ĐẤT NHÀ

Cho vay có thể chun đất cất nhà và đất chưa cất nhà. Cách cho vay riêng dặng cất nhà cất phố. Gởi bạc có lời.

SAIGON

32, Boulevard
de la Somme

CANTHO

Boulevards
Saintenoy et
Delanoue

CÔNG CUỘC MUA BÁN NHÀ, PHỐ VÀ ĐẤT

HANOI

89, Boulevard
—Francis—
—Garnier—

HAIPHONG

Bđ. Bonnal et
R. Mal Joffre

BANGKOK

New-Road

Mua và bán đất, cho mướn phố
nhà tư và kho xưởng. Có phòng
việc giúp phân ranh đất và làm
cho đất có giá trị.

PNOM-PENH

34, Boulevard
—Doudart
—de Lagrée

PHÒNG KIẾN TRÚC (họa đồ)

Lảnh vé họa đồ và phỏng định
giá cả.

Lảnh coi cất nhà, kiêm xét giá
tiền bạc sổ sách, quan xuất và
tu bô nhà cũa, xem xét thí nghiệm
các việc.

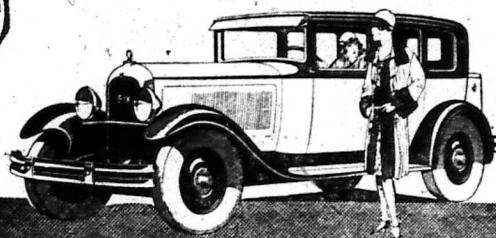
CRÉDIT FONCIER AGRICOLE DE L'INDOCHINE

ĐÔNG-PHÁP CANH-NÔNG NGÂN-HÀNG

Nặc-danh Công-Ty vốn hùn 1.000.000 đồng

Hảng chánh tại 32 Boulevard de la Somme Saigon

Chung một đại-lý—cho vay thế ruộng, cho vay thế đất trồng
trìa, xem xét thí nghiệm các việc.



C^{4G} CITROËN C^{6G}

KIỀU XE CITROËN NĂM 1932
ĐỒI LẠI RẤT ĐÚNG ĐÁNG VÀ
HOÀN TOÀN
CÓ CHUNG ĐỦ KIỀU TẠI HÀNG:
Etablissements Bainier d'Indochine

AUTO HALL

HANOI — SAIGON — Pnompenh

NÊN GÌO CÁC VIỆC CHO NHÀ

LÊ-V-VINH

Diplômé de l'Ecole nationale d'Horlogerie
de Besançon

148, Rue d'Espagne, 148

(Sau chợ mới Saigon)

Sửa đồng hồ, máy nhỏ, máy viết, máy nói, máy may
máy chụp hình, đồng hồ đo cây số (compteur kilométrique).

Đường vót 1p. 50

Rời hình lớn theo cách mỹ-thuật. Giá rẻ hơn các nơi.

Nên dùng thuốc Ngot bồ huyệt
Hồ-Văn, hay là nên dự cuộc thi
giải trí rất lạ của thuốc Hồ-Văn
trong báo thường ngày!!

Pière BÙI-NGỌC-LƯU
PHÒNG TRỒNG RĂNG

146 rue des Marins Cholon

LE MARBRE

NHÀ BUÔN ĐÁ CẨM THẠCH

Hội chánh tại hàng P. CANAVAGGIO — Nhà giấy và xưởng 90, Rue Massiges, Saigon

Sòng thì nhà — Thác thì mỏ.

Kính cùng quý bà, quý ông đừng rờ :

Nguyễn chúng tôi mới mở cái xưởng kim thời có máy móc chạy hơi điện và một người thợ nước Italia rất thiện nghệ đãng làm các công việc toàn bằng Đá Cẩm Thạch lớn nhỏ, trắng và đủ thứ màu, như là :

Tượng hình nửa thân mình in theo kiểu hình chụp — Lót nhà và nóc thang lầu — Váng ngựa — Ghê ngồi — Ghê trường kỵ — Các thứ mặt bàn — Cột làm nhà — Bình đựng bông — Có nhiều mỏ má làm sẵn, hay là đặt làm — Mỏ má riêng cho đạo Thiên Chúa (Tượng hình — Bàn thờ, v.v...) Và lành làm các công chuyện theo ý mình muốn đặt.

Xin mời quý bà, quý ông đến xem, chúng tôi sẵn lòng tiếp rước và chỉ về.

— DẦU THIÊN - HÒA —

(TRỊ ĐẶNG BÁ CHỨNG)



Khi tôi đi bên Pháp, đọc đường
gấp sòng to, gió lớn, thời tiết ẩm
hấp với người mình mặc dầu, nhưng
nhờ dầu Thiên hòa là món thuốc
hay, đã nhiều phen cứu giúp.

NAM PHI

Cô NĂM PHI

Gánh hát

PHUỘC-CƯƠNG

Bất cứ bệnh gì, dùng thử dầu Thiên Hòa thì
mới biết đăng sự hiệu nghiệm của dầu bá chứng



DẦU THIÊN-HOA

TRỊ BÁ CHỨNG
(hiệu con nai)
của nhà thuốc

THIEN-HOA-DUONG

208 RUE DES MARINS CHOLON



Cứu giúp nhơn loại

CÁC CHỨNG BỊNH CỦA NGƯỜI



Trị bằng : CỬU-LONG-HOÀN
của nhà y-học trú-danh TRẦN-MẠNH-TRÁT

Các chứng bệnh vì đâu mà sanh ra ?

Căn bệnh của loài người, nhà y-học có thể chia ra làm hai hạng :

1. Hạng thứ nhất là bao gồm những chứng bệnh do sự ruồi ro mà ra, chớ không phải do tạng-phủ của người bệnh. Như là té cây, trật tay chân, bị đánh, bị đâm, vân, vân... Đối với các chứng bệnh này thi nhà y-học chỉ có dùng phương pháp « Tây-trù » chớ chưa có thể mà tạo một món thuốc để ngăn ngừa elő được.

2. Còn hạng thứ hai là bao gồm các bệnh hình như tự trong mình mà phát sanh. Kỳ thiệt thi tạng-phủ bởi nhiều cớ mà không được kiên-tráng, sức lực kém suy, không đủ mà chống chọi với thời tiết khi hậu, không đủ mà đánh thối các thứ vi-trùng. Thành thử sức càng ngày càng giảm, khí-huyết càng ngày càng suy, sự mệt mỏi càng ngày càng tăng, rồi người bệnh phải nằm liệt.

Đối với các chứng bệnh này thi đầu cho y-học phương-dông hoặc phương-tây cũng vậy, đầu cho y-học dời thương cỗ hoặc cận kim cũng vậy, ai ai cũng đồn cho rằng « Phản nhiều bệnh có thể NGĂN-NGỪA dặng và có thể TẨY TRÙ dặng ».

Cách ngăn ngừa các chứng bệnh

Từ khi khoa-học phát-minh thi các Bác-sĩ đã thấy rằng trong thân thể của con người có những bộ-phận (tày gọi là glandes) thường ngày nhả ra một thứ chất vữa bồi-bổ được cho tạng-phủ kiên-tráng, vữa tiêu giết được các thứ vi-trùng ác-nghiệt nguyên-nhân của các chứng bệnh hai ta.

Nhiều chứng bệnh vứt bỏ khi-hậu thời tiết, mà người lướt khói được là nhờ mấy châ ở trong bộ-phận (Glandes) giúp cho đó vậy.

Người ta thường nói rằng trong mình ta có những « vi-trùng biến » nó đánh đuổi những « vi-trùng ác-nghiệt ». Nếu « vi-trùng biến » thắng thi được mạnh khỏe, nếu « vi-trùng độc » thắng thi đau ốm.

Song kỳ thiệt thi chẳng phải là vi-trùng biến, mà chính

là những chất ở trong bộ-phận (Glandes) nhã ra. Nếu chất ấy được sung mãng thi giết được các vi-trùng ác-nghiệt, rồi người khôi có bệnh. Còn nếu những chất ấy không đủ thi cố-nhiên giết không hết được vi-trùng, rồi luôn theo đó tạng-phủ của mình bị nguy. Các chứng bệnh sẽ vì vậy mà phát sanh.

Vậy muốn ngăn ngừa được các chứng bệnh, thi phải tạo cho ra một phương thuốc cho thần-hiệu, bồi bỗ các cái bộ-phận (Glandes) cho được kiên-tráng, có thể nhã nhiều, đủ những chất qui báu đó. Uống thuốc vào thi những chất qui báu ấy được có nhiều, vi-trùng bị tiêu-giết không thể mà làm cho ta mang bệnh.

Thuốc bỗ Cửu-long-Hoàn do ông Trần-mạnh-Trát bao-ché ra, có tánh chất ấy. Hễ uống vào thi các cái bộ-phận (Glandes) được p hục sirs, nhã chất ra nhiều. Nhờ đó mà có thể ngăn ngừa được nhiều chứng bệnh. Thiết là một món thuốc « BÁ-BỎ », nhờ đó mà con người uống nhiều có thể được Trường-sanh.

Cách tẩy trừ các chứng bệnh ?

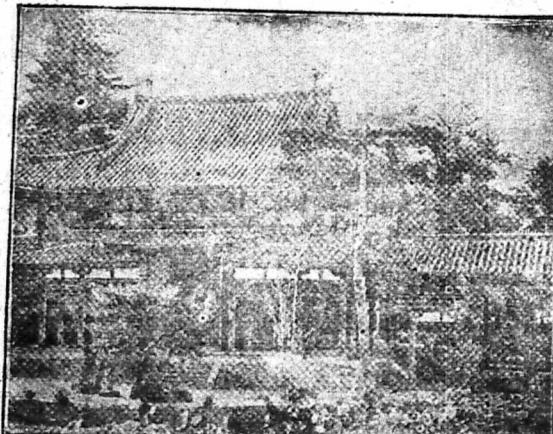
Đối với các chứng bệnh trầm-trệ mà muốn tẩy-trù thi y-học có hai phương-sách. Hoặc giả là điều-trị mẩy chỗ bị đau, như đau phổi thi trị phổi, đau gan thi trị gan, đau bao tử thi trị bao-tử, đau ruột thi trị ruột.... Hoặc giả là điều-trị một cách sâu xa hơn, cũng như là phát cổ mà bừng luon cả cù cưng re vầy. Đó là cái đặc-sắc của thuốc Cửu-long-Hoàn nầy.

Cửu-long-Hoàn vừa trị được nhiều chứng bệnh hàng ngày, vừa tiêu giết được cả những cái cù cưng rẽ của các chứng bệnh, vừa làm cho sức của người bệnh phục-hưng lại một cách mau-mang và chẳng bao lâu sức trở lại mà được kiên-tráng, ăn ngon ngũ-khoẻ, tinh vui vẻ phấn chấn.

Thuốc BÁ-BỎ Cửu-long-Hoàn có cái xuất-sắc đó dám tưởng không có biện thuốc nào bao gồm đủ cả ba cái tánh chất qui báu đâ nói trên là : Tây-trù căn-bịnh, tiêu-giết cội rễ-bịnh, và phục-sức lực con người.

Thuốc Cửu-long-Hoàn trừ bệnh cách nào ?

Thuốc BÁ-BỎ Cửu-long-Hoàn nhờ trực tiếp ảnh-hưởng



Nhà của ông Trần-mạnh-Trát tại Tourane

đến mẩy cái bô-phận (Glandes) qui hóa của người ta, bồi bồi sức lực lại cho cường tráng, nên chỉ những chất giết vi-trùng nhả ra đầy đủ. Những chất ấy nhờ máu đem cùng cả thân thể mà giết tiêu các thứ vi-trùng ác-nghiệt trong vài giờ đồng hồ. Các vi-trùng ấy đều qui tụ lại rồi bị phân cuốn theo mà tống ra ngoài hết.

Vì lẽ đó nên thuốc Cửu-long-Hoàn có thể trừ tẩy được hằng trăm căn bệnh. Vì lẽ đó nên thuốc Cửu-long-Hoàn trị bệnh một cách mau chóng và đặc quâ như mấy năm thực dụng đã thấy rõ.

Cái « Thao-lực » đặc-biệt ấy mà ông Y-sĩ có danh tiếng là ông Trần-mạnh-Trát dùng để bào-chế thuốc Bá-Bô Cửu-long-Hoàn, thật bất ngờ mà thích-ứng với các lý-luận tối-tân của y-học Âu-tây.

Những nhà bác-học danh nêu trong sú-ký như là BROWN, SEQUARD, CLAUDE, BERNARD, ADISSON, HARWEY, GLEY, STEINACH vân. vân.... đều công nhận rằng: « Tẩy trừ các chứng bệnh mà dùng cái phương-pháp ở trên là huyền-diệu ».

Ở Đông-pháp ai không nhớ cái danh tiếng lừng lẫy của Bác-sĩ WORONOFF, chánh là ông Y-sĩ cải - lão-thành-dồng, đã làm chấn-dộng cả thế-giới. Cái phương-pháp Cải - lão - thành-dồng không có chi lạ hơn là làm cho mẩy cái bô-phận (Glandes) được trả lại rồi luôn theo đó người ta sẽ được phục-sức mà trường-sanh.

Những cái bô - phận (Glandes) nhỏ kia, tức là nơi gom cả sanh lực của con người.

Thuốc Bá - Bô Cửu-long - Hoàn nương nơi mẩy cái bô-phận (Glandes) của con người mà trị các chứng bệnh. Cái chỗ Huyền-Diệu của thuốc Bá-Bô Cửu-long-Hoàn là ở nơi đó. Tẩy trừ các chứng bệnh ngay ở nơi cội rẽ sâu xa là cái xuất-sắc của Cửu-long-Hoàn.

Thiệt là cái thiên-tài đặc-biệt của ông y-sĩ Trần-mạnh-Trát. Nhờ cái trực-giáy mà đồng đến một chỗ với các y-sĩ lão-luyện ở Âu-tây như ông WORONOFF.

Món thuốc Cửu-long-Hoàn gọi là « Đệ nhất được thần » không phải là quá đáng chút nào cả.

Cửu long-Hoàn giết cội rẽ các chứng bệnh.

Chẳng những thuốc linh Cửu-long-Hoàn tẩy trừ được các chứng bệnh mà thôi, nó lại là món thần-dược tiêu-trù được cội rẽ các chứng bệnh nữa. Bao nhiêu căn bệnh nay di mai trả, trầm trầm, trè trè mà nhờ Cửu-long-Hoàn đánh đuổi đi xa ít mù không trả lại, nhứt là các bệnh của phụ-nữ, đã làm một chứng cờ hiền-nhiên.

Ai cũng biết rằng nhiều chứng bệnh nếu không tuyệt-trừ cội rẽ thì nó trả đi « trả lại hoài », tiền uống thuốc hao tốn không biết bao nhiêu mà cũng không dứt được trọn các căn bệnh.

Thuốc Bá-Bô Cửu-long-Hoàn làm cho những bô-phận (Glandes) nhả chất qui báu dễ tiêu-giết vi-trùng và tu bồi

sức lực của người, nên bao nhiêu cội rẽ các chứng bệnh bị tiêu-giết hết mà bệnh cũng không còn trở lại.

Thuốc Bá-Bô Cửu-long-Hoàn thật là một món thuốc TRÙ-CĂN của cả các chứng bệnh. Nếu chỉ uống thuốc Bá-Bô Cửu-long-Hoàn chẳng những tiêu trừ được chứng bệnh, mà lại còn giữ được thân thể khỏi sợ trở chứng.

Thuốc Cửu-long-Hoàn bồi dưỡng sức lực.

Chẳng những thuốc Cửu-long-Hoàn có hai cái tánh-chất qui báu nói ở trên, nó còn có một tánh chất đặc biệt nữa là bồi dưỡng sức lực. Gồm trong một món thuốc mà có cả ba tánh chất, thật là chả có một mình Cửu-long-Hoàn mà thôi.

Vậy nên ai dùng thuốc Cửu-long-Hoàn thi liền thấy cả thân minh nhẹ nhàng, ăn ngon ngũ khõe, gương mặt hết xanh mét, tướng đi đứng khoan thai, tinh thần dã mạnh mẽ vui vẻ, sức lực lại kiện-tráng hơn người.

Hàng ngàn người dùng thuốc Bá-Bô Cửu-long-Hoàn đều thấy cái sức bồi lá lùng tốt đẹp ấy, trên đời không còn thuốc nào bi đặng. Thật là một món thuốc quý lợ trên, thê-giang.

Bao nhiêu sinh lực của con người đều qui tụ về những cái bô-phận (Glandes). Bồi dưỡng sức lực của người bệnh mà tu bồi noi giềng mỗi thi tức nhiên toàn cả thân - thể dễ được kiện-tráng, toàn cỗ tạng-phủ đều được đều hòa. Đó là cái hay đặc-biệt của thuốc Bá-Bô Cửu-long-Hoàn vậy.

Người ta thường bán thiếu chi là thuốc bồi, song món thuốc Cửu-long - Hoàn được cái xuất-sắc là tu bồi ngay nơi giềng-mỗi các sanh lực của người bệnh. Vì vậy mà được hiệu-nghiem cấp kỷ kết quả mỹ mãng. Số người dùng càng ngày càng đông, số người nhờ Cửu-long-Hoàn không biết bao nhiêu mà kẽ. Thật là một món thuốc qui vô giá.

Cách bào-chế Cửu-long-Hoàn.

Thuốc Bá-bô qui vô giá là Cửu-long-Hoàn sở dĩ mà được cái thính danh đệ nhất được thần, sở dĩ mà có cái xuất-sắc ngắn ngira chứng bệnh, tẩy trừ các chứng, tiêu giết cội rẽ các bệnh và phục sức lực lại là nhờ cách bào-chế đặc-biệt: của ông Y-sĩ trú danh Trần-mạnh-Trát. Ông cam chịu cực khổ trăm ngàn, công phu như núi, mới trồng được chín vị hương-thảo mà ông đã lấy giống từ ở bên Mân-châu (thuộc phía bắc nước Tàu). Đến khi cỏ trồ bông, hái lấy cái nhuy mà đem về hiệp với 37 vị thuốc bắc, luyện theo món họq riêng của ông trong lúc trăng tròn.

Ở đây có nhiều người hỏi :

Thuốc Cửu-long-Hoàn thế là một món thuốc bắc. Vậy chớ sánh với thuốc bắc nó dám hiệu nghiêm gấp mấy lần?

Xin trả lời rằng : Thuốc Bá-Bô Cửu-long-Hoàn hiệu nghiêm gấp 10 lần, mà tánh chất nó có một không hai. Ai có thường dùng thuốc bắc cũng biết rằng phần nhiều đều cứ theo sách mà bào-chế ra, không có nghiên-cứu về phong-thò, không hề dung-hiệp với khoa-học nào, nên âm-dương



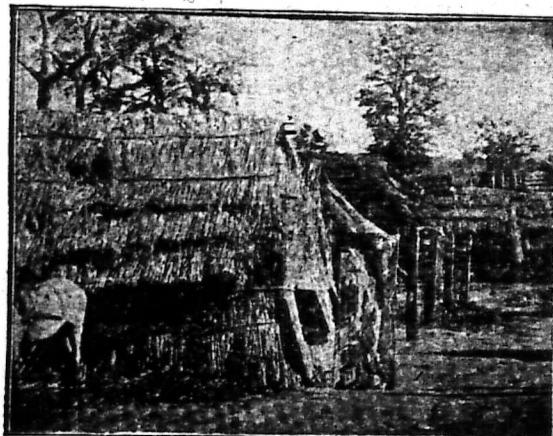
không đầy đủ, rồi thường có cái tánh chất « quen bệnh ». Như thế ai mới uống thì hiệu nghiệm, còn ai có uống lâu rồi thì bình quen thuốc, thuốc quen bệnh, rồi sự hiệu nghiệm sẽ do đó mà giảm xuống lần lăn.

Y-học cựu tân ai cũng cho rằng những món thuốc do thiên nhiên tại bồn xứ mà ra như là cây cỏ. Nhờ điều hòa âm khí dương khí nên cái tánh chất «quen bệnh» đó ít lăn. Thuốc Cửu-long-Hoàn bào chế tại trung ương đất Việt-Nam, bằng hoa thảo trồng tại đất Việt-Nam, rồi luyện lấy âm dương ngũ-hành trong trời đất Việt-Nam, thì cái tánh chất «quen bệnh» đó được tránh khỏi, mà người Việt-Nam và người nước nào ngụ tại Việt-Nam dùng đến phải khen ngay.

Thuốc Đại-Bồ Cửu-long-Hoàn đã nhờ cái tài đặc biệt của Y-sĩ Trần-mạnh-Trát nêu sánh với thuốc bồ khắc sự linh nghiệm phải gấp 10.

Thuốc phải thích ứng với khí hậu.

Bao nhiêu chứng bệnh mà mình cần phải bồ-duoảng sức lực đều là do nơi khí hậu mà phát sinh. Còn món thuốc bồ cũng vậy, cần phải thích ứng với thời tiết khí hậu, thì



Đây là mấy trại lá phía sau nhà ông, để chứa thuốc tươi ngoài đồng đem về. Trong xa là nhà cho nhơn công ở

kết quả mới được cực kỳ sung mảng.

Một món thuốc cần phải do nơi chỗ đó mới có thể được hiệu nghiệm mau chóng. Trong xứ này khi hậu nồng nàn ướt ác, cần phải có thuốc bồ cho hợp với thời tiết thì mới mong được như ý muốn của mình.

Vậy thuốc Bá-Bồ Cửu-long-Hoàn không phải là một món thuốc làm thường, sức bồ thật mạnh mà hiền, không có thuốc bồ nào kiêng. Nam phụ lão ấu dùng cõi hiệu nghiệm như nhau. Đàn-bà có thai dùng được dưỡng thai, đàn-bà đẻ rồi dùng mau lại sức. Con nít chậm lớn uống mau lớn, các ông già bà già dùng đến thì thấy sức khoẻ phục hồi. Ngon ngũ ngon ăn, không hay bệnh hoạn.

Thuốc Bá-Bồ Cửu-long-hoàn chuyên trị những bệnh gì ?

Thuốc Cửu-long-Hoàn trị cả các chứng bệnh do tạng phủ suy nhược, bất-cứ là căn bệnh nào. Nhưng đây chúng tôi cũng kể một vài chứng thường có mà thuốc Cửu-long-Hoàn trị như tiên dược :

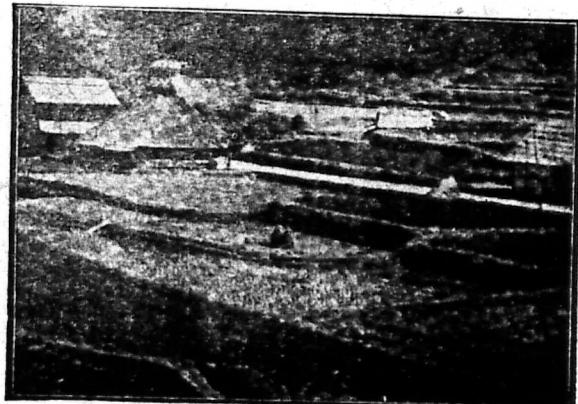
Các chứng bệnh vì khí hậu. — Các chứng bệnh sanh ra vì bởi nắng mưa không chừng, làm cho con người biếng ăn

biếng làm, bần thần giật dưa. Tay chân mỏi rãm, lưng đau đầu nặng. Người không được mạnh lấy lết ác có nhiều chứng nặng biếng sanh. Vậy hãy mau dùng Cửu-long-Hoàn cho dễ lười khôi.

Các chứng lao mệt vì làm việc nhiều. — Các hàng nhẹ sĩ thường ngày ngồi châm chích bàn viết, không khí không được thanh bạch, mà tạng phủ lòn lòn yếu đuối đi. Các hàng thương nhơn tư lao quá độ, hình vóc gầy mòn, tri mệt mệt, ăn ngũ chẳng yên. Các nhà nông già cầm sương chải gió, cực xác nhọc thân, làm cho thần trí vật vờ, trong lòng buồn bực. Uống Cửu-long-Hoàn vào thì tức khắc được an nhiên, suốt ngày được thư thái.

Đã không biết mệt là chi, mà việc ăn làm tinh toán được hăng hái.

Các chứng lao mệt vì thần-kinh yếu. — Người đau lâu mới mạnh thì thần-kinh hay yếu. Người hạy lo lán rầu buồn việc đời hoặc vì gia-sự, hoặc vì nạn tai, chày ngày lây lết phải yếu bộ thần-kinh, sanh chán đời, hay cảm xúc, ăn ngũ không được, hình thè càng gầy. Dùng Cửu-



Đây là sở trồng các hương-thảo của ông Trần lấy giống bên Mản-châu, rộng hơn hai mẫu đất. Nhà lá trong hình là nhà người giữ.

long-Hoàn thường ngày thi yên được thần-kinh, không hề phải bị chứng chi khác.

Phòng sự ngay về lúc cơm no, thì hay có chứng bệnh.

Các chứng bệnh của bao tử

Bao tử. Nó làm cho con người khó chịu, nặng nhọc trong lòng, ăn uống không tiêu, hay ợ chua, hay phá bụng. Có người phải kiêng cữ nhiều món ăn, thành ra thân thể phải yếu đuối. Vậy hãy dùng Cửu-long-Hoàn cho mau được mạnh lành, an nhiên vô sự.

Các chứng bệnh của phụ-nữ

Đàn bà đường kính kém suy, khi trỗi-khi sụt, làm cho thai sản không được. Hoặc các chứng dài-hẹ làm cho mất sức lòn lòn, rồi nấy sanh nhiều chứng bệnh vặt kẽ không xiết. Uống thuốc Cửu-long-Hoàn vào thì kinh-nguyệt thông điều, tinh thần sung الثنă, đã mau sanh con, dễ bế nuôi nồng. Hạnh phuộc của con người đã tạo ra, từ đấy, gia đình vui vẻ, vợ chồng con cái bình an.

Thuốc Cửu-long-Hoàn thật là một món thuốc chẳng những

ở đất Việt-nam được người hoan-nghinh, mà cho tới bên *Hương-cảng* và *Tinh-châu* cũng có tiếng đồn là *Thần-Dược*.

Hàng trăm anh Phụ-nữ đều để nó bên mình mà dùng thường ngày, và hay nói ra câu này : « *Phản sáp hết it lo, lo vi thuốc Cửu-long-Hoàn gởi tới không kịp uống* ».

Những bệnh của thiếu-niên

Khi thiếu-niên thi thường hay thiếu-nghĩ. Dầu việc làm, việc học, việc chơi bời, mồi mồi đều hay quá tham, hay ý sặc ý tài, hay làm liều ít xét suy, nên thân dầu là cường-tráng bao nhiêu cũng không khỏi lâm vấp các bệnh. Bởi vậy có người tác còn xuân mà khi sáu già, tuổi còn xanh mà tóc đã nhõm bạc. Hình vóc dáng lè là nên trang anh tuấn, nhưng quá liều lín nên phải bạc nhược xấu xa. Xác thịt đã hao mòn, tinh thần lại mệt muội. Lo xa không khéo, nghĩ gần không thông, vận hội thả trôi xuôi, tương lai dành may ra ruồi. Các bạn thiêng-niên hãy dùng lấy *Cửu-long-Hoàn* mà làm món báu hằng ngày, để có thể tranh đấu trên đường lợi danh, xông pha với đời khổ nhọc.

Những bệnh của người già cả

Con người tự áu chí trưởng, phải dầm dải cho biết mùi tang thương, thanh suy bã thời, biết mấy khi lặng lội với phong trần, nắng hạ truồi gan, mưa phun héo ruột. Đến cái tuổi đầu bạc rắng long, ngồi nhà mà hưởng sự thanh nhàn, nhưng thử xem có mấy người là được an hưởng?

Phần nhiều đã thấy nhau nhẫn là gây nương tay, lưng cúp xuống, mắt lờ chơn lèch, ăn ngủ thất thường. Hoặc có người phải nay đau mai mạnh, mỗi gối đau lưng, một trận gió nhẹ đã nấm vúi, một cơn mưa sa đã phát bệnh.

Cũng có người vướng lấy bệnh lao, hoặc yếu phổi, hay tucus, hay mệt rồi phải buộc mình hút lấy nha-phiến để kéo thêm tuổi già.

Lại cũng có người đi đứng không được gọn gàng, sức lực còn phần tráng kiện, nhưng lại hay ý mìn, rồi bỏ tiền mua những cuộc truy-hoan. Thành thử cái số *Trường-Sanh* ở nước Nam ít thấy.

Ở đâu cũng đội một trời, nhưng nước người sao **nhiều**, kè sống hơn trăm tuổi, còn nước ta lại chẳng dạng **vầy**. Ấy cũng vì cái văn đề Vệ-sanh mà ra, và thuốc giúp người bấy lâu chưa có một phương nào đáng nể.

Thuốc *Cửu-long-Hoàn* của nhà Y-hoc có tiếng đã từng khảo cứu theo thời tiết, phong thổ, đã từng luyện theo phương pháp huyền diệu ở cội là phương xa mà chế ra. Công phu đã lâm, nên mấy năm danh tiếng lẫy lừng, vây các ông cáo bã tuổi cao hays dùng đi. *Dáng để lấy cái cường tráng buổi thành xuân ta lại, dùng để trải qua cái tuổi già một cách an vui, Đánh đổ các bệnh trầm kha, hớt khỏi những mura chiều nắng xé*.

CÁCH DÙNG: Thuốc *CỬU-LONG* uống vào không cần cù kiêm món ăn. Mỗi đêm trước khi đi ngủ uống một hoàn với nước trà đậm, hay là ban ngày lúc nào đòi uống cũng đặng.

Con nít từ năm tuổi, uống một phần năm viên, từ mười tuổi đến 15 tuổi uống một phần ba viên, từ 15 tuổi đến 20 tuổi, uống nửa viên. Từ đó đến già uống trọn viên.

Dàn bà có thai non ngày uống nữa viên, từ năm tháng tới sáu uống 1 phần tư viên.

Các người có bệnh đường mai nääng, bệnh ghiền lớn hay là bệnh uống rượu mồi ngày mồi lit, dùng thuốc này không hiệu nghiệm.

GIÁ CHẶC: Một hộp 10 hoàn... 5 \$ 50
Thứ hộp 4 hoàn... 2 20
Bán lẻ mỗi hoàn... 0 20

Có trữ bán ở các tiệm bazar Annam và tiệm thuốc bắc người Tàu ở Lục-linh. Saigon : Bazar Nguyễn-thị-Kinh, Tiệm Hột xoan F. Sir và hơn 20 tiệm khác nữa.

Độc-quyền phát hành :
VỎ-ĐÌNH-DÂN DƯỢC-PHÒNG

(FONDÉE EN 1921)
323 Rue des Marins Cholon
(Télé. 174)

Thiệt ai cũng nhận rằng *CỬU-LONG-HOÀN* là thứ thuốc hiệu nghiệm.

Nhơn vi mấy tháng nay có quảng-cáo của nhà thuốc Vỏ-Đinh-Dân ở Chợ-lớn, dăng trong các báo, nên hằng ngày, nhà báo tiếp được những thơ ở xa gần gởi tới khen tặng thuốc hổ *Cửu-long-Hoàn*. Song những thơ ấy đều là chuyện riêng, báo không thể đăng được. Vì thấy thơ gởi về thường thường như vậy, nên tôi tự hỏi : « *Cái thuốc gì mà hiệu nghiệm, được nhiều người dùng, nhiều người khen như thế, ta thử dùng coi sao?* » Thuở nay tôi không dùng những thuốc hùn tán như thế bao giờ, lần này đây là lần thử nhất. Tôi chỉ vì lao tâm tồn tisz lâm, nên không có chứng bệnh gì khác hơn là bệnh suy nhược, hình như suy nhược cả phủ tạng và chau thân. *Cửu-long-Hoàn* lại chính là thuốc bách bõ, hạp với chứng của tôi, nên tôi dùng thử, quả có hiệu nghiệm hơn là dùng các thứ thuốc khác. Thiệt sau khi tôi dùng có ba hộp, đã thấy tinh thần khoái huot, thân thể mạnh khoẻ, ăn được ngủ được, làm việc không thấy mệt mỏi, khiến cho tôi phải nói « Ủ, *Cửu-long-hoàn* hay thiệt ». Tôi có riêng khen ông Vỏ-Đinh-Dân là người đã trữ thuốc đó, mà muốn cho sự khen ấy được trân trọng hơn, lại cũng có ý giới thiệu cho nhiều người biết mà dùng, nên tôi viết mấy hàng này lên báo,

A. B.



Sao sò thêu trắng và màu
đẹp thêu khéo thi người
nên bà nào cũng ưa cái



Món đồ đệm - nay giờ giao
sản xuất dùng cho việc
tết, mới là đồ gốm, và
chọn, và mua mua già
lát trai giường, tranh treo v.v.



ia

83. 1952

1952

SỐ KỶ NIỆM NHÌ CHÂU NIÊN ĐƯỢC NHÀ NAM

Hội - Khanh

SỮA NESTLÉ



Imprimerie J VIỆT & FILS
Rue d'Ormay — Saig. n

Le Gérant: NGUYỄN-VĂN-SÂM